



ISSN: 2615-9597

Số 08
2022

TẠP CHÍ

Môi trường

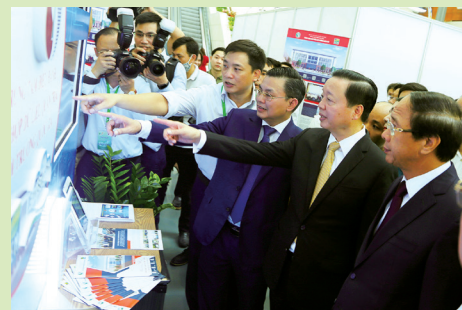
CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM)

Website: tapchimoitruong.vn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:

KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT



HỘI NGHỊ MÔI TRƯỜNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ V:
TÁI CẤU TRÚC NỀN KINH TẾ, GẮN VỚI PHÁT TRIỂN XANH, KINH TẾ TUẦN HOÀN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬPTS. **Nguyễn Văn Tài**

(Chủ tịch)

GS. TS. **Nguyễn Việt Anh**GS. TS. **Đặng Kim Chi**PGS. TS. **Nguyễn Thế Chính**GS. TSKH. **Phạm Ngọc Đăng**TS. **Nguyễn Thế Đồng**PGS. TS. **Lê Thu Hoa**GS. TSKH. **Đặng Huy Huỳnh**PGS. TS. **Phạm Văn Lợi**PGS. TS. **Phạm Trung Lương**GS. TS. **Nguyễn Văn Phước**TS. **Nguyễn Ngọc Sinh**PGS. TS. **Lê Kế Sơn**PGS. TS. **Nguyễn Danh Sơn**PGS. TS. **Trương Mạnh Tiến**TS. **Hoàng Dương Tùng**GS. TS. **Trịnh Văn Tuyên****PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH****Phạm Đình Tuyên**

Tel: (024) 61281438

● TRỤ SỞ TẠI HÀ NỘI:

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,

P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Trị sự: (024) 66569135

Biên tập: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcm@vea.gov.vn**● THƯỜNG TRÚ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH:**

Phòng A 209, Tầng 2 - Khu liên cơ quan

Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng,

P. 9, Q. 3, TP. HCM

Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875

Email: tcmtpgianam@vea.gov.vn**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN**

Số 534/GP-BTTTT cấp ngày 21/8/2021

Họa sỹ: **Nguyễn Việt Hưng**

Chế bản & in:

Công ty CP In và Thương mại P&Q

Số 08/2022**Giá: 30.000đ**

▲ Toàn cảnh Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V (Ảnh: VEM)

**SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG**

[6] BUI HANG: Bộ TN&MT: Kỷ niệm 20 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất

[9] NGUYỄN HANG, MAI HUONG: Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V: Tái cấu trúc nền kinh tế, gắn với phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn

**LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH**

[12] TS. NGUYỄN XUÂN HẢI: Tăng cường hiệu quả công tác đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động đầu tư phát triển

[15] NGUYỄN HOÀNG ANH: Quản lý chất lượng các thành phần môi trường - Nền tảng và mục tiêu của công tác kiểm soát ô nhiễm

[19] TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG: Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học hướng tới Thập kỷ phục hồi hệ sinh thái

[24] NGUYỄN THÀNH YÊN: Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt hướng tới nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

[29] VŨ ĐÌNH LONG: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

[32] NGUYỄN QUANG VINH: Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường

[34] NGUYỄN THỊ THU VÂN: Thanh niên Việt Nam phát huy vai trò xung kích bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

[37] TS. TRẦN MINH LÊ, NGÔ ĐỨC PHONG: Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường

[41] LÊ ĐỨC GIANG, LÊ VĂN BÌNH: Thanh Hóa tăng cường các giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường hướng đến phát triển bền vững

[44] VŨ NGUYỄN CHƯƠNG: Một số kinh nghiệm của Thành phố Đà Nẵng trong công tác bảo vệ môi trường

[47] **VĂN BẢN MỚI**



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [49] PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH:
Doanh nghiệp tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn để giảm thiểu chất thải
- [52] TS. PHẠM KHANG: Một vài đề xuất về giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam
- [54] PGS. TS. LÊ XUÂN CẢNH: Hiện trạng đánh giá tác động đa dạng sinh học trong đánh giá tác động môi trường và các đề xuất, kiến nghị
- [58] PGS.TS. PHÙNG CHÍ SỸ: Đề xuất tiêu chí, quy trình xây dựng và áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) phù hợp với điều kiện Việt Nam
- [61] GS.TSKH ĐẶNG HUY HUỖNH: Giám định động vật hoang dã - Công cụ hỗ trợ phục vụ công tác điều tra và truy tố tội phạm



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [63] TRẦN THỊ MINH HƯƠNG, NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH, NGUYỄN GIA CƯỜNG:
Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc: Tăng cường vai trò đầu mối mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, đẩy mạnh công tác tổ chức tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc và dự báo, cảnh báo môi trường
- [67] HUỖNH HUY VIỆT, VÕ ANH KHUÊ:
Hiệu quả mô hình sản xuất nước tẩy rửa sinh học từ rác thải thực vật trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên
- [70] ĐỖ MINH PHƯỢNG:
Cán bản hành danh mục các loài động vật hoang dã được phép gây nuôi vì mục đích thương mại



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN



- [72] PGS.TS. NGUYỄN AN THỊNH, MAI HƯƠNG:
Giải thưởng Môi trường Việt Nam lan tỏa tích cực tới cộng đồng và tại các cơ sở giáo dục
- [74] THÁI CẢNH TOÀN, PHẠM ĐÌNH:
Vườn quốc gia Vũ Quang - 20 năm hình thành và phát triển
- [77] NGUYỄN HẰNG: Hiệu quả từ mô hình đồng quản lý bảo tồn biển tại Tiểu khu Bãi Hương, Cù Lao Chàm



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [79] NGUYỄN THỊ ĐÀO: Một số mô hình quản lý rác thải thực hiện kinh tế tuần hoàn trên thế giới và bài học cho Việt Nam

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI GIÁ BÁN TẠP CHÍ MÔI TRƯỜNG TỪ QUÝ II/2022

Kính gửi: Quý độc giả

Lời đầu tiên, Tạp chí Môi trường - Cơ quan của Tổng cục Môi trường xin chân thành cảm ơn Quý độc giả, Quý Cộng tác viên đã luôn tin tưởng, hợp tác và ủng hộ với Tạp chí trong suốt những năm vừa qua.

Nhằm nâng cao chất lượng nội dung và hình thức phong phú hơn, kể từ Tạp chí Môi trường số 4, phát hành vào tháng 4 năm 2022, Ban Biên tập Tạp chí sẽ tăng giá bán như sau:

- Tạp chí Môi trường định kỳ hàng tháng giá 30.000 VNĐ/1 cuốn, thay cho mức giá cũ là 20.000VNĐ.
- Tạp chí Môi trường số chuyên đề tiếng Việt giá 45.000 VNĐ/1 cuốn, thay cho mức giá cũ là 30.000 VNĐ.
- Tạp chí Môi trường số chuyên đề tiếng Anh vẫn giữ mức giá cũ là 30.000 VNĐ/1 cuốn.

Các độc giả đã đặt báo dài hạn trước thời điểm nhận được thông báo này sẽ được giữ nguyên mức giá đã thanh toán cho đến hết kỳ hạn đặt báo.

Rất mong nhận được sự đồng hành của Quý Bạn đọc, Quý Cộng tác viên trong thời gian sắp tới.

Thông tin chi tiết liên hệ:
Tầng 7, Lô E2, Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: (024) 66569135
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcm@vea.gov.vn
Website: tapchimoitruong.vn



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:

Kỷ niệm 20 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất

Ngày 5/8/2022, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập (5/8/2002 - 5/8/2022). Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đến dự và phát biểu chỉ đạo; Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gửi thư chúc mừng; Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ gửi hoa chúc mừng, đây là những tình cảm thân ái, sự quan tâm đặc biệt, nguồn cổ vũ, động viên lớn của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước dành cho Bộ TN&MT.

KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ, VAI TRÒ TRONG DÒNG CHẢY ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP

Trình bày Diễn văn tại Lễ kỷ niệm, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cho biết, ngày 5/8/2002, tại kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khoá XI đã ban hành Nghị quyết số 02/2002/QH11 về việc quy định danh sách các Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính Phủ, theo đó, Bộ TN&MT chính thức được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa các Tổng cục: Địa chính, Khí tượng thủy văn và một số tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường thuộc các Bộ: Công nghiệp, NN&PTNT, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, đây cũng là thời điểm Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất năm 2002 thông qua Tuyên bố Johannesburg về phát triển bền vững (PTBV). Đến nay, trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Bộ TN&MT đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong dòng chảy đổi mới, hội nhập và phát triển của đất nước.

Với phương châm hướng về địa phương, cơ sở, người dân, doanh nghiệp, Bộ TN&MT đã tập trung hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng về TN&MT; chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW; hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất, của công dân trong BVMT phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cải cách một bước thủ tục hành chính (TTHC). Bên cạnh đó, cùng với việc thí điểm cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, Bộ thường xuyên tổ chức giao lưu trực



▲ Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu chỉ đạo tại Lễ kỷ niệm

tuyến nhằm hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế, chính sách, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong từng lĩnh vực, được nhân dân, doanh nghiệp tin tưởng, đánh giá cao. Đặc biệt, trong giai đoạn đất nước phải đương đầu với khó khăn do tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Bộ đã thực hiện chủ trương đẩy mạnh kinh tế hóa để phát huy tối đa nguồn lực, đưa TN&MT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Công tác BVMT ngày càng được chú trọng, gắn với phát triển kinh tế - xã hội và lồng ghép vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án; mô hình PTBV đã được quan tâm, thúc đẩy, làm tiền đề cho con đường phát triển tiếp theo của đất nước. Cũng trong giai đoạn này, lần đầu

tiên nước ta có Luật Đa dạng sinh học, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) với những quan điểm mới được tiếp thu từ quốc tế, vừa đáp ứng tính thời sự, hội nhập, vừa đảm bảo yêu cầu thực tiễn trong nước về PTBV, sử dụng khôn khéo các hệ sinh thái (HST).

Khi thế giới bước vào thời kỳ thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21 là tăng cường ứng phó với BĐKH và thúc đẩy phát triển kinh tế biển xanh, phục hồi HST tự nhiên, nước ta cũng đẩy mạnh thực hiện quá trình chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”, Bộ đã tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên



▲ Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trao Huân chương Lao động hạng Nhất cho Bộ TN&MT

và BVMT. Mặt khác, Bộ cũng đổi mới tư duy, chuyển từ thắt chặt quản lý bằng công cụ hành chính sang áp dụng các công cụ kinh tế, tạo lập môi trường thuận lợi, dẫn dắt và thúc đẩy doanh nghiệp, người dân thực hiện. Chuyển đổi số ngày càng được đẩy mạnh trên nền tảng tài nguyên số, hướng tới phát triển kinh tế số ngành TN&MT. Đồng thời, Bộ chủ động đóng góp nhiều sáng kiến toàn cầu, khu vực về môi trường, khí hậu; tham gia Thỏa thuận Paris về BĐKH tại COP21 và đưa ra cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; tham gia Liên minh toàn cầu về thích ứng với BĐKH tại COP26 và nhiều khuôn khổ hợp tác đa phương, song phương về tài nguyên, môi trường, khí hậu.

Để có những thành tựu to lớn như trên là do Bộ TN&MT luôn nhận được sự quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ban, ngành, địa phương, mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, sự đồng hành của bạn bè, đối tác quốc tế. Đặc biệt, đây chính là nền tảng được tạo dựng từ tinh thần đoàn kết, tận tâm, trách nhiệm của các thế hệ lãnh đạo Bộ, sự nỗ lực phấn đấu, không ngừng vượt khó, thậm chí hy sinh xương máu của nhiều thế hệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành trên khắp mọi miền Tổ quốc; là sự kết hợp hài hòa giữa bản lĩnh đổi mới, tinh thần sáng tạo với tri thức thời đại - Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh.

TIẾP TỤC CÙNG CỐ NỀN TẢNG, BẮM SÁT THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC

Đánh giá cao kết quả mà Bộ TN&MT đã đạt được trong hành trình 20 năm xây dựng và trưởng thành, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết, trên nền tảng được tạo dựng từ các lĩnh vực có bề dày truyền thống, 20 năm qua, ngành TN&MT đã chủ động nắm bắt thuận lợi, thời cơ, bám sát thực tiễn phát triển của đất nước cũng như xu hướng quốc tế, qua đó củng cố vững chắc nền tảng, khẳng định vị thế, vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự PTBV của đất nước.

Trong mỗi giai đoạn, ngành TN&MT đã làm tốt công tác tham mưu cho Đảng, Nhà nước về đổi mới chủ trương, chính sách, pháp luật trong quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH. Hệ thống chính sách, pháp luật, quy hoạch, chiến lược ngày càng hoàn thiện đồng bộ trên tất cả 9 lĩnh vực quản lý, thúc đẩy chuyển đổi mô hình

PTBV, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, chủ động ứng phó với BĐKH. Công tác BVMT chuyển từ tư duy bị động ứng phó, khắc phục sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát, phục hồi môi trường, các HST; vấn đề xử lý rác thải được triển khai hiệu quả với nhiều dự án, mô hình, công nghệ tái chế, tái sử dụng, biến rác thải thành tài nguyên; nhiều dự án thu gom, xử lý nước thải để phục hồi, xanh hóa các dòng sông đã và đang được triển khai, trong đó phải kể đến thành công của việc hồi sinh kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè. Đặc biệt, trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Bộ TN&MT đã đóng góp nhiều sáng kiến quy mô khu vực và toàn cầu liên quan đến giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đại dương, ứng phó với BĐKH, phòng ngừa ô nhiễm môi trường (ÔNMT) xuyên biên giới, quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên... Các chỉ số về môi

trường có sự chuyển biến, góp phần đưa chỉ số PTBV của Việt Nam lên vị trí 51/165 quốc gia, vùng lãnh thổ, tăng 37 bậc so với năm 2016.

Nhận định ngành TN&MT đang ở độ tuổi có sung lực và độ chín, đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi mới nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức, nhất là yêu cầu chuyển đổi mô hình kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, giảm phụ thuộc vào tài nguyên, đòi hỏi ngành phải đi tiên phong trong thực hiện các giải pháp về phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các bon thấp để sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng đã đề ra nhiệm vụ quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường BVMT, ứng phó với BĐKH; phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và xác định đến năm 2030, cơ bản đạt mục tiêu PTBV về tài nguyên, môi trường, ứng phó với BĐKH, vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đề nghị toàn ngành TN&MT tập trung triển khai thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành TN&MT phải tăng cường đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, chấp hành và thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng bộ Bộ TN&MT thực sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, đảng viên, càng khó khăn bao nhiêu, càng phải đoàn kết, thống nhất, phát huy tinh thần dân chủ, sức mạnh và trí tuệ tập thể.

Hai là, tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy trong nhiệm kỳ Chính phủ mới, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trách nhiệm, chuyên nghiệp, có chuyên môn, bản lĩnh và tầm nhìn dài hạn; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, rõ người, rõ việc, thẩm quyền, trách nhiệm, hiệu quả, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; thúc đẩy bộ máy hành chính vận hành tiến về phía trước với phương châm sáng tạo, hành động hiệu quả, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ba là, rà soát, hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các Hiệp định, thỏa thuận quốc tế liên quan đến quản lý tài nguyên, BVMT, ứng phó với BĐKH, đảm bảo đồng bộ, minh bạch, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khơi thông, giải phóng tối đa các nguồn lực tài nguyên cho phát triển và BVMT sống cho người dân.

Bốn là, hoàn thành việc lập, phê duyệt các quy hoạch, chiến lược, đảm bảo khả thi, định hình không gian phát triển của đất nước với tầm nhìn dài hạn để phân bổ, khai thác, sử dụng tiết kiệm,

hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển nhanh, bền vững; đưa yêu cầu về BVMT, quản lý tài nguyên, ứng phó với BĐKH thành một nội dung, nhiệm vụ trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng tài nguyên số trên nền tảng dữ liệu lớn. Chậm nhất trong năm 2025 phải hoàn thành, đưa vào vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, đa mục tiêu, tích hợp, liên thông. Tiếp tục cải cách TTHC, rút gọn, lồng ghép, thực hiện đồng thời các TTHC và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Sáu là, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu cơ chế chia sẻ, giải quyết tranh chấp, xung đột trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công, sông Hồng; khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng biển, ven biển, thiết lập hệ thống quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ theo chuẩn mực quốc tế, phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam cơ bản có nền kinh tế biển xanh, bảo đảm các tiêu chí về PTBV kinh tế biển.

Bảy là, đưa Luật BVMT năm 2020 đi vào cuộc sống; xử lý tình trạng ÔNMT, thực hiện di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi đô thị, khu dân cư; khắc phục tình trạng ÔNMT ở cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông... Phát triển các ngành công nghiệp môi trường, tái chế, tái sử dụng tuần hoàn, biến rác thải thành tài nguyên; cải tạo, phục hồi chất lượng nguồn nước sông,

hồ đã bị ô nhiễm, suy thoái; cải thiện chất lượng không khí trong các đô thị, khu dân cư.

Tám là, huy động các nguồn lực xã hội để hiện đại hóa hệ thống mạng lưới khí tượng thủy văn, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong dự báo, cảnh báo thiên tai, thời tiết và giám sát BĐKH. Thể chế hóa, lồng ghép yêu cầu giám sát thải vào các quy hoạch, chiến lược, chuyển dịch mô hình phát triển nhằm đạt mục tiêu phát thải bằng "0" vào năm 2050; đầu tư nguồn lực ưu tiên thích ứng với BĐKH bằng giải pháp công trình và phi công trình; chuẩn bị nội lực để từng bước chủ động thực hiện những cam kết với quốc tế về ứng phó với BĐKH.

Chín là, đẩy mạnh hợp tác, hội nhập, phân tích, dự báo xu thế, dòng chảy của thời đại để tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách nhằm đi trước đón đầu, bắt kịp xu hướng phát triển chung của thế giới, nắm bắt và tận dụng thời cơ, thúc đẩy chuyển dịch mô hình phát triển, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Mười là, tăng cường hiệu quả công tác truyền thông, đổi mới nội dung, phương thức để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thói quen của người dân cũng như ý thức, trách nhiệm về BVMT của doanh nghiệp.

Nhân dịp này, thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Bộ TN&MT và Bộ trưởng Trần Hồng Hà; Phó Chủ tịch nước Võ Thị Ánh Xuân trao tặng các Danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ.

BÙI HẰNG

HỘI NGHỊ MÔI TRƯỜNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ V:

Tái cấu trúc nền kinh tế, gắn với phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn

Ngày 4/8/2022, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V. Hội nghị có ý nghĩa quan trọng được tổ chức 5 năm một lần với mục tiêu đánh giá thực trạng công tác BVMT, thảo luận thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp cho các năm tiếp theo. Hội nghị diễn ra trong bối cảnh phục hồi xanh đang là xu thế chung của toàn cầu và phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đang được thúc đẩy mạnh mẽ ở Việt Nam.

Tới dự Hội nghị có Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành; Bà Caitlin Wiesen, Trưởng Đại diện thường trú Chương trình Phát triển Liên hợp quốc - UNDP tại Việt Nam... và khoảng 600 đại biểu đại diện Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương; đại diện Lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đại diện các đơn vị trong ngành TN&MT ở Trung ương và địa phương; các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu và chuyên gia trong lĩnh vực môi trường; đại diện của một số tổ chức, chuyên gia quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam.

SỰ CHUYỂN BIẾN MẠNH MỀ TỪ CHỦ TRƯỞNG ĐẾN NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY HÀNH ĐỘNG

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà nhấn mạnh: Tuyên bố mạnh mẽ về đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu thể hiện quyết tâm và cam kết chính trị của Việt Nam trong việc giải quyết những thách thức nghiêm trọng của toàn cầu về khí hậu, môi trường, suy giảm của các hệ sinh thái, hướng đến mục tiêu một hành tinh khỏe mạnh; đồng thời tận dụng cơ hội đưa đất nước ta theo con đường “xanh”, hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Đây là xu thế phát triển phù hợp với “Chương trình nghị sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong 15 năm tới”. Với ý nghĩa đó, Bộ TN&MT lựa chọn chủ đề của Hội nghị năm nay là “Hài hòa phát triển kinh tế và BVMT hướng tới nền kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững” như một lời kêu gọi mạnh mẽ về sự



▲ Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

tập hợp, đoàn kết nhằm BVMT, ngăn chặn sự suy thoái của đa dạng sinh học vì cuộc sống hài hòa với thiên nhiên và cho một tương lai bền vững hơn.

Nhìn lại công tác BVMT giai đoạn 2015 đến nay cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ từ chủ trương, giải pháp đến nhận thức và tư duy hành động. Vấn đề môi trường luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong các chương trình nghị sự; các chương trình, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đất nước với mục tiêu cao nhất là bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường đã được đưa vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định chủ trương “xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,

thân thiện với môi trường”, “xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình kinh tế tuần hoàn”.

Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và chung tay của toàn dân, công tác BVMT đã chuyển bị động sang ứng phó, sang chủ động phòng ngừa, bảo vệ và phục hồi. Hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT đã được hoàn thiện, trong đó Luật BVMT năm 2020 với nhiều chính sách, giải pháp đột phá, đánh dấu giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ trong công tác BVMT, hướng tới mục tiêu cao nhất cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân. Chất lượng môi trường sống tiếp tục được cải thiện. Các mô hình, công nghệ hiện đại được triển khai trong tái chế, xử lý chất thải. Hoạt động quan trắc, cảnh báo, dự báo về chất lượng môi trường được nâng cao, cung cấp thông tin về môi



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị

trường phục vụ tốt cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Nhiều phong trào, mô hình điển hình về BVMT đã đi vào cuộc sống, trở thành hành động và nếp sống của mọi người, mọi nhà và cộng đồng xã hội như vấn đề rác thải nhựa, BVMT nơi sinh sống... ngày càng đóng góp thiết thực cho công tác BVMT.

Bên cạnh những thành công đạt được, công tác BVMT nước ta vẫn còn có những tồn tại, hạn chế, xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Chất lượng môi trường tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chậm; môi trường ở một số nơi vẫn tiếp tục bị ô nhiễm, đặc biệt tại các lưu vực sông, làng nghề; một số sự cố môi trường vẫn xảy ra; việc khai thác tài nguyên không hợp lý, thiếu tính bền vững tiếp tục làm thất thoát tài nguyên và tác động xấu lên môi trường; tình trạng phá rừng, săn bắt, mua bán trái phép động vật, thực vật hoang dã, sinh vật ngoại lai xâm lấn đang diễn biến phức tạp.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH, KINH TẾ TUẦN HOÀN NHẪM BẢO TỒN, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành khẳng định, trong thời gian qua, Việt Nam đã rất chú trọng công tác BVMT. Theo đó, nền kinh tế đang được tái cấu trúc mạnh mẽ, gắn với phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm bảo tồn, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển, BVMT sống và sức khỏe của nhân dân. Phó Thủ tướng đánh giá cao các kết quả mà ngành TN&MT đạt được thời gian qua với việc đầu tư các dự án xử lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được chú trọng; hợp tác quốc tế được đẩy mạnh nhằm thu hút công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, nguồn lực quan trọng để BVMT.

Tuy nhiên, Phó Thủ tướng chỉ ra vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang ngày càng nghiêm trọng đe dọa sự phát triển của nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng. Đứng trước những thách thức đó, quan điểm của Đảng trong giai đoạn tới về BVMT là triển khai có hiệu quả cam kết của Chính phủ tại COP 26 với việc đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Để đạt được mục tiêu đó, cần thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP 26, do Thủ tướng làm Trưởng ban, Phó Thủ tướng làm Phó ban, thành viên Ban Chỉ đạo là Bộ trưởng, thành viên Chính phủ, lãnh đạo nhiều Bộ, ngành, cơ quan; ứng dụng công nghệ cao để phát triển kinh tế tuần hoàn; phát triển hệ thống giao thông công cộng, hạn chế phương tiện cá nhân; rà soát quy hoạch các nhà máy điện than, phát triển nguồn năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, Phó Thủ tướng yêu cầu ngành TN&MT và các địa phương cần chú trọng trong công tác quy hoạch, đặc biệt trong quy hoạch đô thị cần giữ quỹ đất cây xanh và phát triển cây xanh trong đô thị; Rà soát các dự án, nhà máy trong khu công nghiệp; chú trọng đào

tạo nguồn nhân lực làm công tác quản lý về BVMT, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho BVMT; Ưu tiên nguồn ngân sách làm vốn để thu hút, phát triển, giải quyết các vấn đề môi trường.

Tại Hội nghị, các đại biểu cũng đã được nghe các báo cáo tham luận: Nhận diện thách thức, cơ hội và định hướng công tác BVMT giai đoạn tới do Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân trình bày; Phát huy sức mạnh toàn dân tham gia BVMT do Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phùng Khánh Tài trình bày; Những nỗ lực của Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu do Trưởng Đại diện thường trú Chương trình Phát triển Liên hợp quốc - UNDP tại Việt Nam Caitlin Wiesen trình bày. Bên cạnh đó là các ý kiến phát biểu của đại diện Bộ Công An; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và một số địa phương như Sóc Trăng, Tiền Giang, Tuyên Quang... Theo đó, các báo cáo tham luận và ý kiến phát biểu tại Hội nghị đã trao đổi, thảo luận, đánh giá cụ thể và khách quan những mặt được và chưa được của công tác BVMT thời gian qua, chỉ ra những nguyên nhân và chia sẻ bài học kinh nghiệm để từ đó thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp đó là nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của mỗi người dân, doanh nghiệp đối với công tác BVMT; Chuyển đổi thành công cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”, từ khai thác thâm dụng tài nguyên thiên nhiên sang phát triển dựa vào hệ sinh thái, kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp; đầu tư cho vốn tự nhiên; Giải quyết các vấn đề

MỘT SỐ Ý KIẾN PHÁT BIỂU TẠI HỘI NGHỊ MÔI TRƯỜNG TOÀN QUỐC LẦN V



★Thiếu tướng Trần Minh Lệ - Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Bộ Công An

Để tăng cường công tác phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường, gắn với việc thực hiện Luật BVMT năm 2020, thời gian tới lực lượng Công an nhân dân tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp: Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo Bộ Công an về công tác BVMT, phát triển bền vững và công tác phòng chống tội phạm về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ban, ngành có liên quan để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước, với Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công an nhân dân nói chung và lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường nói riêng, nhất là trong việc áp dụng pháp luật hình sự, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; Củng cố và tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm về môi trường...



★GS.TSKH Đặng Huy Huỳnh – Anh hùng Đa dạng sinh học ASEAN, Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (VACNE)

Mặc dù ngành TN&MT đã rất nỗ lực giải quyết các vấn đề môi trường, nhưng tình trạng ô nhiễm không khí, đất, nước... vẫn còn diễn ra trên thực tế. Trong thời gian qua, VACNE đã cùng đồng hành với Bộ TN&MT trong công tác bảo vệ thiên nhiên, môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu, phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Qua Hội nghị này, tôi rất mong các Bộ, ngành và Lãnh đạo 63 tỉnh/thành phố cùng đồng hành với Bộ TN&MT để giải quyết các vấn đề môi trường hiện nay vì thế hệ tương lai của chúng ta. Sau Hội nghị, tất cả các thành phố từ Trung ương đến địa phương hãy hành động để xã hội chúng ta không còn rác thải, môi trường nước không còn ô nhiễm, con người và sinh giới phát triển toàn diện để hướng tới sự phát triển bền vững và thịnh vượng.



★Ông Vương Quốc Nam – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng

Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V là dịp để toàn hệ thống chính trị và cộng đồng xã hội cùng quan tâm, nhìn nhận về vấn đề môi trường trong thời gian qua. Từ thực tế và bất cập của địa phương trong vấn đề xử lý rác thải, tỉnh Sóc Trăng đề xuất ngành TN&MT đẩy mạnh phát triển điện sinh khối để giải quyết một cách căn cơ, triệt để vấn đề rác thải hiện nay. Mặc dù Chính phủ đã có các chính sách khuyến khích thúc đẩy năng lượng tái tạo; trong đó có phát triển điện sinh khối, nhưng đến nay tỷ lệ số lượng cũng như sản lượng từ các nhà máy điện sinh khối vẫn còn khiêm tốn. Loại hình năng lượng này đang vấp phải nhiều rào cản, từ sự thiếu ổn định và bền vững trong cung cấp nhiên liệu, giá nguyên liệu... đến các cơ chế khuyến khích điện sinh khối chưa đủ hấp dẫn. Việc phát triển điện sinh khối nhằm tối ưu hóa việc sử dụng phế phụ phẩm nông lâm nghiệp, góp phần đáp ứng nguồn năng lượng, cho phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, các lưu vực sông chính; thúc đẩy phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong tái chế, xử lý chất thải rắn, giảm dần việc chôn lấp trực tiếp chất thải; Triển khai có hiệu quả cam kết của Chính phủ tại COP 26 về chuyển đổi năng lượng; giảm phát thải khí nhà kính; sử dụng bền vững các nguồn tài

nguyên thiên nhiên...; Tăng cường sự hợp tác quốc tế, đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò hợp tác quốc tế, ứng dụng khoa học công nghệ, nền tảng số trong giải quyết những vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học.

Trong khuôn khổ các hoạt động hướng đến kỷ niệm 20 thành lập Bộ TN&MT, Bộ TN&MT đã tổ chức Hội

thảo chuyên đề về công tác quản lý nhà nước về BVMT; Hội thảo khoa học Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 và định hướng năm 2030; Triển lãm thành tựu ngành TN&MT và Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V là một trong những hoạt động hướng tới kỷ niệm 20 năm thành lập Bộ.

NGUYỄN HẰNG - MAI HƯƠNG

Tăng cường hiệu quả công tác đánh giá tác động môi trường đối với hoạt động đầu tư phát triển

NGUYỄN XUÂN HẢI, Vụ trưởng
Vụ Thẩm định Đánh giá tác động môi trường,
Tổng cục Môi trường

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta đã và đang diễn ra với nhịp độ nhanh chóng và đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội mà không làm tổn hại tới môi trường sống của con người, làm thế nào để đạt tới sự phát triển hài hòa, lâu dài và bền vững giữa phát triển và BVMT thiên nhiên. Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết đó, Việt Nam đã và đang tiệm cận nhiều chính sách phát triển hài hòa, sử dụng tổng hợp các công cụ quản lý môi trường như: Luật, Nghị định, Thông tư; các quy chuẩn về môi trường; quy hoạch BVMT; đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường (ĐTM); giấy phép môi trường (GPMT); thuế, phí, ký quỹ, bồi hoàn; truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng.

Đối với công tác ĐTM, các quy định pháp luật đã được hình thành từ khi ban hành Luật BVMT năm 1993, liên tục hoàn thiện, điều chỉnh, bổ sung thông qua việc ban hành Luật BVMT năm 2005, 2014, 2020 để phù hợp với tình hình thực tế phát triển ở Việt Nam trong những thập kỷ qua, đặc biệt là trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh chính sách mở cửa khuyến khích đầu tư phát triển để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN VỀ ĐỐI TƯỢNG LẬP ĐTM

Đối tượng lập báo cáo ĐTM đã được hoàn thiện dần theo các giai đoạn phát triển, cụ thể: Luật BVMT năm 1993 và Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994 về hướng dẫn thi hành Luật BVMT đã quy định cụ thể về đối tượng ĐTM đối với các cơ sở đang hoạt động cũng như đối với các dự án mới; Các quy định pháp luật sau khi có Luật BVMT năm 2005 đã không còn quy định về ĐTM đối với các cơ sở đang hoạt động. Trong khi đó, các quy định pháp luật từ năm 1993 - 2020 đều quy định danh



▲ Chu trình ĐTM

mục các dự án phải thực hiện ĐTM nhưng đối tượng phải thực hiện ĐTM được rà soát, cập nhật và giảm thiểu dần, cụ thể: Đã giảm từ 146 mục tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP xuống còn 113 mục tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và 107 mục tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và theo chiều hướng phân cấp mạnh hơn cho địa phương. Từ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đã có danh mục các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Trên cơ sở này để có các yêu cầu về ĐTM, quản lý môi trường chặt chẽ hơn.

Đối tượng phải thực hiện ĐTM được quy định tại Luật BVMT năm 1993, 2005, 2014 và được liệt kê cụ thể loại hình, quy mô, công suất, loại hình từ kinh nghiệm quốc tế mà chưa xét đến vị trí của dự án sẽ triển khai đến các đối tượng nhạy

cảm xung quanh có thể bị tác động bởi dự án. Đặc biệt, Luật BVMT năm 2020 ra đời đã không còn danh mục cố định các dự án phải thực hiện ĐTM mà phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường. Các dự án thuộc Nhóm I và I phần các dự án Nhóm II phải thực hiện ĐTM. Một số quy định mới về ĐTM trong Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT bao gồm:

Dự án đầu tư được phân thành 4 nhóm: Có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Tương ứng với từng đối tượng dự án cụ thể, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sẽ áp dụng các cơ chế quản lý phù hợp.

Quy định chỉ đối tượng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (Nhóm I) mới phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Quy định này nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành, gồm: Giảm thủ tục hành chính (TTHC) cho nhiều nhà đầu tư, theo đó các dự án không thuộc Nhóm I sẽ không phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường nhằm tiết kiệm được thời gian và chi phí.

Áp dụng đầy đủ các công cụ môi trường để quản lý, sàng lọc dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao như: Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, ĐTM, cấp GPMT nếu phát sinh chất thải.

Đối với các dự án áp dụng công nghệ tiên tiến và thân thiện môi trường được cấp GPMT ngay từ giai đoạn nghiên cứu khả thi và tổ chức hậu kiểm (thông qua thanh tra, kiểm tra) khi dự án đi vào hoạt động hoặc chỉ phải đăng ký môi trường (không phải là TTHC, được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, đơn giản) tại UBND cấp xã. Luật BVMT năm 2020 đã xác định lại đúng vai trò của ĐTM trong giai đoạn chuẩn bị, thi công dự án; việc quản lý dự án, cơ sở khi đi vào vận hành được thay thế bằng công cụ GPMT, đăng ký môi trường.

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT

So với Luật BVMT năm 2014 trở về trước, Luật BVMT năm 2020 đã quy định đánh giá sơ bộ tác động môi trường đối với các dự án có tác động xấu đến môi trường mức độ cao trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi. Đồng thời, các dự án này phải thực hiện ĐTM trong giai đoạn nghiên cứu khả thi. Ngoài ra, ĐTM được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Nội dung báo cáo ĐTM được quy định cụ thể trong các Thông tư hướng dẫn theo hướng ngày càng chi tiết, cụ thể, thực chất và khả thi hơn. Bên cạnh đó, các quy định pháp luật trước năm 2021 giao các Bộ chuyên ngành và UBND cấp tỉnh thẩm định báo cáo ĐTM. Luật BVMT năm 2020 chỉ giao Bộ TN&MT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và UBND cấp tỉnh thẩm định báo cáo ĐTM.

Về phê duyệt: Luật BVMT năm 1993 là phê chuẩn báo cáo ĐTM; từ năm 2005 đổi sang là phê duyệt báo cáo ĐTM và từ Luật BVMT năm 2020 là phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM. Từ trước khi ban hành Luật BVMT năm 2020, cơ quan thẩm định, phê duyệt ĐTM bao gồm Bộ TN&MT, các Bộ, cơ quan trực thuộc

Chính phủ (đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình), Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với các dự án có yếu tố bí mật quốc gia); UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện (thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với các dự án tác động môi trường không lớn dưới dạng cam kết BVMT, kế hoạch BVMT). Tuy nhiên, Luật BVMT năm 2020, đã yêu cầu thống nhất quản lý công tác thẩm định ĐTM, cơ quan thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM chỉ còn Bộ TN&MT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM đối với dự án đầu tư thuộc bí mật Nhà nước về quốc phòng, an ninh) và UBND cấp tỉnh. Theo Luật BVMT năm 2020, thành phần hội đồng thẩm định được quy định công khai và tạo điều kiện để nhiều thành phần được tham gia. Các chuyên gia tham gia vào Hội đồng thẩm định các cấp được chọn lựa và phần lớn đều là các chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp; chất lượng chuyên gia tham gia hoạt động Hội đồng thẩm định ĐTM có khác nhau giữa các địa phương vì nhiều lý do khác nhau (yếu tố địa lý, kinh phí...). Theo Luật BVMT năm 2020, quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM được thay thế bằng quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

HOÀN THIỆN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Việc tham gia đóng góp ý kiến của các đối tượng có liên quan trong quá trình ĐTM là rất quan trọng nhằm hoàn thiện báo cáo ĐTM và nhận được sự đồng thuận của cộng đồng đối với dự án. Việc tham

vấn cũng đã có những tiến bộ rõ rệt qua các thời kỳ: Luật BVMT năm 1993 không quy định việc tham vấn cộng đồng; Từ Luật BVMT năm 2005 việc tham vấn ý kiến khi thực hiện ĐTM trở thành yêu cầu bắt buộc và hoàn thiện dần, cụ thể: Tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án thông qua họp cộng đồng do UBND xã và chủ dự án đồng chủ trì và có quy định về biên bản tham vấn; Tham vấn UBND xã và tổ chức bằng công văn và UBND cấp xã có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày; Có quy định về các trường hợp không phải tham vấn cộng đồng. Từ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định yêu cầu chủ dự án có tham vấn chuyên gia, nhà khoa học đối với một số dự án thuộc loại hình dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và tham vấn tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình đối với một số loại hình dự án.

Trong khi đó, Luật BVMT năm 2020 có những bước tiến lớn về tham vấn cộng đồng. Các quy định về tham vấn trong quá trình lập, thẩm định ĐTM ngày càng chặt chẽ và thực chất hơn thể hiện tính dân chủ, tính nhân văn, tính khoa học. Lần đầu tiên, trách nhiệm của chủ dự án trong việc tham vấn cộng đồng dân cư, được quy định ngay từ khi lập báo cáo ĐTM. Kết quả tham vấn cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức liên quan là thông tin quan trọng để chủ dự án nghiên cứu đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường và hoàn thiện báo cáo ĐTM của dự án. Đặc biệt, đưa việc tham vấn thực chất hơn, phải đăng ĐTM trên mạng trước thẩm định tại trang thông tin điện tử của cơ quan thẩm định, phê

duyet báo cáo ĐTM và công khai quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM; Cụ thể nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM; Quy định cụ thể về đối tượng tham vấn (Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi tác động môi trường do các hoạt động của dự án gây ra, bao gồm: Cộng đồng dân cư, cá nhân sinh sống, sản xuất, kinh doanh tại khu vực đất, mặt nước, đất có mặt nước, khu vực biển bị chiếm dụng cho việc đầu tư dự án; cộng đồng dân cư, cá nhân nằm trong phạm vi tác động trực tiếp của nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải nguy hại do dự án gây ra; cộng đồng dân cư, cá nhân bị ảnh hưởng do các hiện tượng sụt lún, sạt lở, bồi lắng bờ sông, bờ biển gây ra bởi dự án; cộng đồng dân cư, cá nhân bị tác động khác, được xác định thông qua quá trình ĐTM; Cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư, bao gồm: UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi thực hiện dự án; Ban quản lý, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp nơi dự án nằm trong ranh giới quản lý; Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đối với dự án có xả nước thải vào công trình thủy lợi hoặc có chiếm dụng công trình thủy lợi; Cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có); Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh đối với các dự án có liên quan đến yếu tố an ninh - quốc phòng (nếu có).

MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, BẤT CẬP

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện công tác ĐTM vẫn còn một số tồn tại như: Sự phối hợp giữa các cấp, ngành trong công tác BVMT chưa thường xuyên, liên tục nên việc theo dõi, đôn đốc các cơ sở thực hiện các yêu cầu về BVMT theo quy định còn nhiều hạn chế. Sự phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ TN&MT với địa phương chưa thực sự chặt chẽ. Nguồn lực để thực hiện công tác ĐTM còn thiếu. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ dự án và đơn vị tư vấn trong quá trình thực hiện ĐTM, nhiều trường hợp chủ dự án đã giao khoán, phó mặc cho bên tư vấn môi trường thực hiện ĐTM, trong khi trách nhiệm pháp lý đối với nội dung báo cáo ĐTM là thuộc về Chủ dự án. Do không có sự phối hợp

chặt chẽ này, nội dung tư vấn môi trường đưa ra trong báo cáo ĐTM đôi khi không thống nhất, thậm chí không phù hợp với nội dung của dự án đầu tư; các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đưa ra trong báo cáo ĐTM đã không được thực hiện do chủ dự án không nắm được nội dung báo cáo ĐTM...

Hiện nay, một số dự án đầu tư mới vào Việt Nam đã, đang và sẽ áp dụng các kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải ô nhiễm. Tuy nhiên, BAT mà các chủ dự án cam kết áp dụng tại Việt Nam được đến từ nước ngoài, Việt Nam chưa xây dựng và ban hành các hướng dẫn về yêu cầu áp dụng BAT phù hợp với điều kiện thực tế, dẫn đến khó khăn trong công tác sàng lọc, lựa chọn, thẩm định các dự án đầu tư mới và các dự án nâng cấp, mở rộng, chuyển đổi công nghệ.

Ngoài ra, Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định cụ thể về một số nội dung liên quan đến khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư và khoảng cách an toàn về môi trường từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đến khu dân cư. Thực tế việc triển khai các quy định về khoảng cách an toàn đã được áp dụng chung từ nhiều năm trong giai đoạn lập quy hoạch xây dựng với căn cứ áp dụng là QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, hoặc các quy định chuyên ngành như khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định của Luật Chăn nuôi, chuyên ngành dầu khí, hóa chất... Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện gặp

nhiều khó khăn, vướng mắc và thực tế đã phát sinh khiếu kiện của người dân khi các cơ sở, kho tàng không đảm bảo khoảng cách an toàn đối với khu dân cư.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐTM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Hện nay, ĐTM đang đánh giá, dự báo chính về chất thải, quản lý dòng thải mà chưa thể đánh giá thật sâu sắc, kỹ lưỡng về đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên, các tác động khác không liên quan đến chất thải, cảnh quan thiên nhiên, biến đổi khí hậu, cân bằng sinh thái. Vì vậy, trong thời gian tới cần tập trung:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện để có bộ tiêu chí để có thể lượng hóa các thiệt hại về tài nguyên rừng, đa dạng sinh học khi thực hiện dự án đầu tư từ đó làm căn cứ yêu cầu chủ dự án có phương án trồng bù rừng, bồi hoàn đa dạng sinh học cụ thể, khả thi.

Thứ hai, cần nghiên cứu để có những đánh giá tác động của dự án tới biến đổi khí hậu và ngược lại; các biện pháp đảm bảo cân bằng sinh thái, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên khi thực hiện dự án.

Thứ ba, đẩy mạnh các hoạt động tập huấn, tuyên truyền về các quy định mới liên quan đến ĐTM trong Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Truyền thông nâng cao nhận thức về ĐTM cho các cơ quan hoạch định chính sách, ra quyết định về chiến lược, quy hoạch, cơ quan quản lý môi trường và cộng đồng; tăng cường sự hợp tác của các cơ quan có liên

(Xem tiếp trang 28)

Quản lý chất lượng các thành phần môi trường - Nền tảng và mục tiêu của công tác kiểm soát ô nhiễm

NGUYỄN HOÀNG ANH, Phó Vụ trưởng
Vụ Quản lý chất lượng môi trường, Tổng cục Môi trường

Quản lý chất lượng các thành phần môi trường bắt đầu được quy định chính thức trong hệ thống pháp luật về BVMT từ năm 2005, tuy nhiên, ngay từ năm 1993, cùng với sự ra đời của Luật BVMT, việc quản lý, theo dõi các thành phần môi trường đã được giao cho các cơ quan Nhà nước triển khai thực hiện. Vì vậy, ngay từ giai đoạn đầu, cùng với việc triển khai các công cụ, biện pháp chung về BVMT, công tác quản lý chất lượng môi trường, theo dõi diễn biến, phát hiện dấu hiệu ô nhiễm và triển khai các giải pháp kiểm soát ô nhiễm đối với các thành phần môi trường đã được triển khai thực hiện.

Bài viết tập trung phân tích hoạt động quản lý chất lượng môi trường không khí và nước giai đoạn 10 năm trở lại đây, nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân và xác định các giải pháp triển khai có hiệu quả các quy định mới của pháp luật về BVMT. Trong số này, bài viết tập trung vào nội dung:

PHẦN I: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Một số vấn đề về thực trạng ô nhiễm không khí

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ô nhiễm môi trường không khí tiếp tục là một trong những vấn đề nóng về môi trường, luôn nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là ô nhiễm bụi tại các thành phố (TP), đô thị lớn, khu vực công nghiệp. Các thông số đặc trưng khác trong môi trường không khí như NO_2 , O_3 , CO , SO_2 cơ bản vẫn nằm trong ngưỡng của QCVN 05:2013/BTNMT. Đối với các đô thị vừa và nhỏ, khu vực nông thôn, miền núi, chất lượng môi trường không khí vẫn duy trì tương đối ổn định ở mức khá tốt và trung bình.

Mặc dù chất lượng môi trường không khí mỗi năm có khác nhau, song tình trạng ô nhiễm bụi mịn thường xuyên xảy ra tại một số TP, đô thị lớn, các khu vực tập trung nhiều hoạt động công nghiệp, đặc biệt là tình trạng ô nhiễm bụi PM_{10} và bụi $\text{PM}_{2.5}$ tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh

luôn là một trong những vấn đề nóng và đặt ra nhiều thách thức. Mức độ ô nhiễm bụi mịn có xu hướng tăng lên từ năm 2017 - 2019 (cao nhất vào năm 2019) nhưng đến năm 2020 đã giảm hơn.

Diễn biến chất lượng môi trường không khí, ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn

Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí trong thời gian qua tại một số địa phương có xu hướng gia tăng, chủ yếu tập trung vào ô nhiễm bụi, đặc biệt là bụi mịn $\text{PM}_{2.5}$. Qua theo dõi diễn biến từ năm 2010 đến nay cho thấy, nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ tại trạm quốc gia đặt tại 556 Nguyễn Văn Cừ (Hà Nội) có xu hướng giảm từ năm 2013 -2017. Từ năm 2018 - 2019 nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ có xu hướng tăng hơn so với 2017. So sánh kết quả quan trắc nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ trong các tháng qua các năm từ 2013 - 2019 cho thấy, từ tháng 9 đến giữa tháng 12/2019, nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ tăng mạnh so với các tháng trước đó và tăng cao so với cùng kỳ các năm từ 2015 - 2018. Xu hướng biến động của bụi $\text{PM}_{2.5}$ tại TP. Hà Nội phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết khí hậu. Mùa đông, gió mùa Đông Bắc cùng khí hậu khô, lạnh, áp suất cao, nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ trong không khí tăng cao. Ngược lại, trong mùa hè, các tỉnh, TP phía Bắc chịu tác động của gió Tây Nam và Đông Nam, cùng những cơn mưa thường xuyên rửa trôi bụi bẩn trong không khí. Kết quả, các tỉnh, TP phía Bắc có nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ trong mùa hè giảm đi nhiều so với mùa đông.

Trên cơ sở số liệu của các trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục đặt tại các TP cho thấy, trong giai đoạn cuối năm, từ ngày 12/9/2019 đến 15/12/2019, các TP ở khu vực miền Bắc có giá trị trung bình 24h của thông số bụi $\text{PM}_{2.5}$ cao hơn các khu vực khác; đã xảy ra một số đợt cao điểm ô nhiễm không khí. Thông thường nồng độ bụi $\text{PM}_{2.5}$ tăng cao rõ rệt vào các giờ cao điểm buổi sáng (từ 7 - 8 giờ) và chiều (18 - 19 giờ), giảm xuống thấp nhất vào giữa trưa (13 - 14 giờ) và ban đêm (23 giờ - 1 giờ). Tuy nhiên, trong những ngày xảy ra ô nhiễm không khí thì khoảng thời gian ghi nhận giá trị AQI tăng và duy trì ở mức cao thường là đêm và sáng sớm, do ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết (lạnh gió, độ ẩm thấp kết hợp với nghịch nhiệt). Sau đó, khi nhiệt độ trong ngày bắt đầu tăng, AQI giảm dần.

Tại TP. Hồ Chí Minh, tháng 9 cũng là thời điểm giao mùa (cuối mùa mưa, đầu mùa khô), điều kiện thời tiết bất lợi dẫn đến hiện tượng nghịch nhiệt làm giảm khả năng hòa trộn và phát tán các chất ô nhiễm trong không khí, cũng như làm xuất hiện hiện tượng sương mù quang hóa. Chất lượng không khí cũng có những diễn biến theo chiều hướng xấu. Theo Báo cáo của Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh, hiện tượng sương mù quang hóa xảy ra trên địa bàn TP mang tính chu kỳ vào khoảng 6 - 7 ngày trong khoảng tháng 9, 10 hàng năm. Năm 2019, hiện tượng này đã xảy ra trong thời gian từ ngày 18 - 22/9/2019. Tổng hợp kết quả quan trắc của Sở

TN&MT và trạm quan trắc tự động của Lãnh sự quán Mỹ tại TP. Hồ Chí Minh cho thấy, từ ngày 1-23/9/2019 có sự gia tăng mạnh nồng độ bụi $PM_{2.5}$ trong không khí, tuy nhiên nồng độ bụi $PM_{2.5}$ phần lớn vẫn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng không khí tại TP. Hà Nội, đặc biệt là đối với nồng độ bụi $PM_{2.5}$ có nhiều thời điểm vượt ngưỡng cho phép, tại TP. Hồ Chí Minh, nồng độ bụi $PM_{2.5}$ có gia tăng, tuy nhiên, hiện tượng ô nhiễm không khí chỉ mang tính cục bộ tại một số khu vực, một số thời điểm nhất định. Bụi $PM_{2.5}$ và chỉ số AQI ở mức xấu hơn trong thời gian đêm và sáng sớm. Thời gian còn lại trong ngày khi có thay đổi về điều kiện thời tiết, các thông số này sẽ giảm đi. So sánh với một số TP trong khu vực châu Á (số liệu của 15 trạm quan trắc tự động đặt do Đại sứ quán/Lãnh sự quán Mỹ lắp đặt tại các TP của một số nước châu Á trong giai đoạn 2016 - 2018) cho thấy, TP. Hà Nội năm 2016, 2017 đứng thứ 10 trên 15 TP, ở mức độ ít ô nhiễm (số 1 là mức ô nhiễm cao nhất), năm 2018, đứng ở vị trí 11/15 (cải thiện 1 vị trí); TP. Hồ Chí Minh cả 3 năm từ 2016 - 2018 được xếp 15/15, tức là chất lượng không khí tốt nhất trong số 15 TP mà Mỹ đặt thiết bị quan trắc và thường thấp nhất vào khoảng 15 - 18 giờ.

Trong giai đoạn giãn cách xã hội bởi đại dịch Covid 19, theo dõi diễn biến trong khoảng thời gian từ 20/3 - 10/4/2020, trong đó có thời gian bắt đầu thực hiện cách ly xã hội, chất lượng không khí tại các khu vực đô thị tốt hơn so với tháng 1 và tháng 2/2020. Điều này thể hiện rõ tại TP. Hồ Chí Minh - nơi ít chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của yếu tố thời tiết. Giá trị trung bình 24 giờ thông số $PM_{2.5}$ trong 2 tuần cuối tháng 3 đầu tháng 4/2020, thấp hơn những ngày trước đó. Tại Thủ đô Hà Nội, chất lượng không khí trong khoảng thời gian nêu trên cũng có xu hướng tốt hơn thời gian trước, tuy nhiên, do chịu cả tác động bởi thời tiết nên trong một số ngày vẫn có những sự biến động. Điều đáng chú ý, trong 2 ngày 8-9/4/2020, qua theo dõi cho thấy, số lượng phương tiện giao thông đường bộ trong nội đô tăng hơn những ngày trước đó, giá trị $PM_{2.5}$ trong 2 ngày này cũng bắt đầu có xu hướng tăng lên.

So sánh diễn biến chất lượng không khí từ ngày 1/1 - 10/4/2020 với cùng kỳ của những năm trước đó cho thấy, chất lượng không khí cũng có xu hướng được cải thiện hơn. Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 1 đến nửa đầu tháng 3/2020, giá trị thông số $PM_{2.5}$ có thấp hơn những năm

trước đó nhưng không rõ rệt. Trong khi đó, từ thời gian nửa cuối tháng 3 cho đến hết năm 2020, giá trị thông số $PM_{2.5}$ thấp hơn hẳn thời gian cùng kỳ những năm trước đó. Điều này cho thấy ảnh hưởng của các nguồn phát thải như giao thông và hoạt động sản xuất có tác động đáng kể đến chất lượng không khí đô thị. Xem xét tới những thông số khác, trong đó thông số CO - là thông số đặc trưng cho nguồn phát thải từ hoạt động giao thông tại các khu vực đô thị. Kết quả quan trắc cũng cho thấy, giá trị CO trung bình 24 giờ trong khoảng thời gian nửa cuối tháng 3 và tuần đầu của tháng 4/2020 thấp hơn hẳn khoảng thời gian từ tháng 1 đến nửa đầu tháng 3/2020. So sánh diễn biến cùng kỳ giữa các năm cũng có thể thấy rằng, giá trị CO trong nửa cuối tháng 3 và tuần đầu của tháng 4/2020 thấp hơn khoảng giá trị cùng kỳ của những năm trước đó.

Theo dõi diễn biến giá trị CO trong ngày cho thấy, trong khoảng thời gian từ ngày 1-10/4 (thời gian thực hiện lệnh cách ly xã hội) giá trị CO giảm đáng kể vào các khung giờ cao điểm giao thông so với các tháng trước đó. Có thể thấy rằng, hoạt động giao thông đường bộ giảm mạnh cũng đã làm giảm lượng phát thải CO vào môi trường không khí tại khu vực đô thị.

Kết quả tính toán chỉ số AQI giờ trong ngày tại các trạm của Hà Nội trong thời gian từ 1/1/2020 đến 20/3/2020 cho thấy, từ đầu tháng 1 đến nửa đầu tháng 3, có khá nhiều khoảng thời gian trong ngày, chất lượng không khí ở mức kém và xấu, thậm chí có những ngày chất lượng không khí ở mức xấu và rất xấu. Tuy nhiên, từ khoảng ngày 22/3 đến 7/4,

phần lớn thời gian trong ngày, chất lượng không khí duy trì ở mức tốt và trung bình. Riêng trong hai ngày 8 - 9/4, chất lượng không khí đã bị suy giảm, đa số các giờ trong ngày chất lượng không khí ở mức kém và xấu. Đây cũng là những ngày ghi nhận lượng phương tiện tham gia giao thông trong nội đô tăng cao hơn hẳn những ngày trước đó.

Thống kê tỷ lệ AQI ngày các trạm tại Hà Nội trong thời gian tháng 1 - 3/2020 cho thấy, trong tháng 1 và tháng 2/2020, có khoảng 50% số ngày có chất lượng không khí ở mức kém đến rất xấu ($AQI > 100$), trong đó riêng tháng 2 có khoảng 4% số ngày chất lượng không khí ở mức rất xấu ($AQI > 200$). Tuy nhiên, đến tháng 3/2020, chất lượng không khí có sự cải thiện hơn, không có ngày nào chất lượng không khí ở mức rất xấu. Tỷ lệ ngày có chất lượng không khí ở mức xấu mặc dù vẫn chiếm khoảng 7% ở đa số các trạm nhưng trong nửa cuối tháng 3, đa số các ngày chất lượng không khí ở mức trung bình. Nguyên nhân chính là do các hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông, xây dựng... đều là nguồn phát sinh bụi và khí thải vào môi trường không khí. Chính vì vậy, khi các đô thị lớn của nước ta thực hiện lệnh cách ly xã hội, cùng với các hoạt động sản xuất, giao thông, xây dựng... giảm hoặc dừng hoạt động đã làm cho chất lượng không khí được cải thiện. Do đó, có thể thấy, chính sự thay đổi các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người là nguyên nhân quan trọng làm thay đổi chất lượng không khí. Bên cạnh đó, chất lượng không khí còn chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố khách quan khác như thời tiết, khí hậu...

Công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

Vấn đề ô nhiễm không khí là vấn đề thách thức đối với mọi quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có Việt Nam. Nhận thức được tác hại của ô nhiễm môi trường không khí tới sức khỏe, đời sống của người dân cũng như tới quá trình phát triển bền vững, Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện nhiều giải pháp để bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường không khí; trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 1/6/2016 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Một số kết quả đạt được bước đầu như sau:

Đã hình thành, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật giảm thiểu ô nhiễm không khí, cụ thể là: (1) Quy định trách nhiệm và một số biện pháp quản lý chất lượng không khí trong Luật BVMT năm 2014 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật; Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch mạng lưới quan trắc TN&MT quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; (2) Yêu cầu các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, các khu công nghiệp có quy mô xả thải lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về cơ quan quản lý môi trường tại địa phương và Trung ương; (3) Xây dựng và tổ chức thực hiện một số chương trình, đề án.

Tăng cường công bố thông tin, khuyến cáo về ô nhiễm môi trường không khí, cụ thể là: Tăng cường đầu tư cho các hoạt động quan trắc, phân tích ô nhiễm môi trường không khí, đặc biệt tại các đô thị lớn trong thời gian qua để cung cấp thông tin cảnh báo chất lượng không khí tới người dân, cộng đồng đã có nhiều chuyển biến tích cực; Số liệu quan trắc chất lượng không khí và chỉ số AQI, các cảnh báo, khuyến nghị đã được đăng tải chính thức trên trang thông tin điện tử. Bộ TN&MT đã thường xuyên tổng hợp các kết quả quan trắc, đánh giá chất lượng không khí, đưa ra cảnh báo, khuyến nghị và đăng tải chính thức trên website của Tổng cục Môi trường tại địa chỉ vea.gov.vn. Bên cạnh đó, chỉ số chất lượng không khí tại các trạm quan trắc quốc gia cũng được cập nhật và công khai 24/24h tại địa chỉ cem.gov.vn và hệ thống phần mềm VN_Air trên các phương tiện thông tin di

động. UBND TP. Hà Nội cũng thực hiện công bố và cảnh báo về chất lượng không khí tại địa chỉ moitruongthudo.vn.

Tăng cường các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT không khí, cụ thể là: Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí tập trung thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến BVMT nói chung cũng như quản lý chất lượng không khí, tác hại của ô nhiễm không khí, lợi ích của việc sử dụng các phương tiện công cộng đối với môi trường không khí nói riêng; chỉ đạo xây dựng các chương trình, chuyên trang, chuyên mục, tăng cường các bài viết, phóng sự chuyên đề để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về chất lượng không khí.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý chất lượng không khí với một số tổ chức quốc tế, cụ thể là: (1) Bộ TN&MT triển khai hợp tác với Nhật Bản, tổ chức CAI-ASIA (Sáng kiến không khí sạch châu Á) về các giải pháp giảm thiểu phát thải các chất ô nhiễm không khí và CO₂ ở Việt Nam; Phối hợp với các tổ chức quốc tế như Hiệp hội Công nghiệp Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới, JICA... tổ chức các hội thảo tăng cường năng lực kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát khí thải công nghiệp cho các địa phương, cán bộ quản lý ở Bộ, ngành liên quan; (2) Riêng đối với TP. Hà Nội đã có các hoạt động hợp tác với Ngân hàng Thế giới (WB) tiến hành lấy mẫu, phân tích thành phần hóa học của bụi PM_{2.5} nhằm xác định thành phần ô nhiễm không khí của TP; hợp tác với

Tổ chức phi Chính phủ, C40 triển khai các hoạt động nhằm nghiên cứu, rà soát và tham vấn nhằm hỗ trợ TP. Hà Nội cập nhật, xây dựng khung Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu lần thứ 3; hợp tác với ICLEI về tham vấn cộng đồng, tạo kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện chất lượng không khí; hợp tác với GIZ để khảo sát, đề xuất triển khai thực hiện nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của giao thông tới chất lượng không khí.

Các địa phương cũng đã cải thiện từng bước chất lượng môi trường không khí trên địa bàn: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng không khí tại địa phương; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định pháp luật về BVMT các cơ sở phát sinh khí thải; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về BVMT không khí; xây dựng hạ tầng kết nối phục vụ cho việc truyền dữ liệu về khí thải công nghiệp từ các cơ sở có lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục về Sở TN&MT và Bộ TN&MT. Ví dụ TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đã triển khai đồng bộ từ việc ban hành các chỉ thị, quy định và tổ chức các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát các nguồn thải từ phương tiện giao thông, công nghiệp.

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác quản lý chất lượng không khí còn một số tồn tại, hạn chế như: Thực trạng ô nhiễm môi trường không khí tại một số TP lớn vẫn tiếp tục diễn ra, tại một số thời điểm, một số khu vực ở mức xấu, gây hoang mang cho người dân cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe cộng

đồng; Nguồn lực (tổ chức bộ máy, nhân lực, kinh phí) về thực hiện các hoạt động quản lý chất lượng không khí, quan trắc và công bố thông tin chất lượng môi trường không khí chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, năng lực cán bộ còn chưa đáp ứng yêu cầu, ít có chương trình nhiệm vụ cho lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí và cải thiện chất lượng môi trường không khí; Hoạt động và kinh phí đầu tư của Nhà nước cho xây dựng, lắp đặt, duy trì các trạm quan trắc không khí tự động liên tục còn chưa tương xứng, chưa đáp ứng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu quản lý trên thực tế...

Các giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí trong giai đoạn sắp tới

Trước diễn biến ô nhiễm môi trường không khí ngày càng phức tạp, ngoài việc yêu cầu các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, TP triển khai thực hiện các biện pháp để cải thiện chất lượng môi trường không khí theo Quyết định số 985a/QĐ-TTg, Bộ TN&MT đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí để thúc đẩy các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các biện pháp cấp bách, trước mắt để kiểm soát, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường không khí, trong đó, đặc biệt chú trọng 2 TP lớn nhất cả nước là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, đồng thời trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025 làm cơ sở cho các nội dung, hoạt động triển khai quản lý, kiểm soát chất lượng môi trường không khí trong giai đoạn đến năm 2025.

Đối với UBND TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, TP có nguy cơ cao gây ô nhiễm không khí

Xây dựng và ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng không khí của địa phương; triển khai công tác kiểm kê nguồn khí thải; quan trắc, đánh giá và dự báo về ô nhiễm bụi (PM_{10} , $PM_{2.5}$) trong không khí, hoàn thành trước ngày 31/12/2021. Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí của địa phương sau khi được ban hành. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp khẩn cấp trong trường hợp không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn quản lý;

Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng không khí của địa phương. Bố trí nguồn lực đầu tư, lắp đặt bổ sung, tăng cường số lượng các trạm quan trắc chất lượng không khí tự động liên tục để cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về chất lượng không khí trên địa bàn. Đồng thời, các địa phương cần thường xuyên tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng không khí định kỳ trên địa bàn;

Ban hành chính sách khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, phương tiện thân thiện với môi trường, giảm phương tiện cá nhân thông qua các công cụ kinh tế về phí; thu hồi, loại bỏ phương tiện cơ giới lạc hậu, cũ nát, không đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường trong TP; khuyến khích đẩy mạnh công tác tuyên truyền sử dụng phương tiện giao thông bằng xe máy điện, xe ô tô điện, đặc biệt là xe buýt điện;

Nghiên cứu, đề xuất phương án hạn chế lưu thông các phương tiện giao thông cá nhân trong những thời điểm ô nhiễm ở mức rất xấu, nguy hại. Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc kéo dài gây ô nhiễm môi trường; tổ chức và duy trì thường xuyên hoạt động phun nước rửa đường tại các trục, tuyến đường giao thông chính của các đô thị, TP, đặc biệt là khi thời tiết hanh khô, lặng gió để hạn chế bụi phát tán. Thu gom triệt để rác, bụi bẩn trên các trục, tuyến, giải phân cách đường giao thông...

Đối với các Bộ, ngành Trung ương

Chính phủ cũng đã giao nhiệm vụ cụ thể trong quá trình

tổ chức thực hiện Kế hoạch cho các Bộ, ngành, trực thuộc Trung ương, các cơ sở sản xuất. Trong đó, Bộ TN&MT thực hiện các nội dung:

Tích cực triển khai Luật BVMT năm 2020 và các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý chất lượng không khí hiệu quả trên địa bàn tỉnh, TP; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với khí thải phương tiện giao thông vận tải tiệm cận với các nước tiên tiến; chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với khí thải phương tiện giao thông vận tải lắp ráp, nhập khẩu mới, phương tiện nhập khẩu đã qua sử dụng và phương tiện đang lưu hành theo địa bàn, khu vực;

Xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với chất lượng không khí xung quanh và khí thải tiệm cận với tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới;

Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án tăng cường năng lực quan trắc chất lượng không khí, cảnh báo ô nhiễm và công bố thông tin cho cộng đồng;

Chủ trì xây dựng, ban hành tiêu chí và chứng nhận nhãn sinh thái đối với các sản phẩm, phương tiện và dịch vụ giao thông vận tải thân thiện môi trường■

Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học hướng tới Thập kỷ phục hồi hệ sinh thái

TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG, Phó Cục trưởng
Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
Tổng cục Môi trường

Việt Nam được đánh giá là một nước có đa dạng sinh học (ĐDSH) cao trên thế giới. ĐDSH đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, là nguồn vốn tự nhiên quan trọng đối với phát triển bền vững đất nước, đặc biệt là nền tảng để phát triển các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và du lịch. Vì vậy, bảo tồn thiên nhiên (BTTN) và ĐDSH đã được xác định là vấn đề môi trường toàn cầu, được các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm, góp phần thúc đẩy hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế. Tuy nhiên, với áp lực của phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước chưa phù hợp, khai thác quá mức và buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã; ô nhiễm môi trường (ÔNMT); biến đổi khí hậu (BĐKH); sinh vật ngoại lai xâm hại (SVNLXH) có xu hướng gia tăng, ảnh hưởng ngày càng lớn đến ĐDSH. Do đó, việc nhận diện các tác động, ảnh hưởng gây suy giảm ĐDSH là cần thiết, làm cơ sở cho các định hướng ưu tiên về BTTN và ĐDSH trong thập kỷ phục hồi hệ sinh thái (HST).

1. MỘT SỐ KẾT QUẢ QUAN TRỌNG TRONG CÔNG TÁC BTTN VÀ ĐDSH

Bảo tồn, phục hồi HST

Hệ thống khu vực ưu tiên bảo tồn được củng cố và mở rộng: Toàn quốc quy hoạch 219 khu bảo tồn (KBT), 38 cơ sở bảo tồn, 21 hành lang ĐDSH đến năm 2030 trên 8 vùng trong phạm vi cả nước. Đến năm 2019 đã có 23 quy hoạch bảo tồn ĐDSH cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt; 11 địa phương đã xây dựng quy hoạch bảo tồn ĐDSH song chưa được phê duyệt. Trong quá trình rà soát, đánh giá nhu cầu bảo tồn các tỉnh (23 tỉnh) đã quy hoạch thêm 44 khu BTTN, 37 cơ sở bảo tồn ĐDSH và 15 hành lang ĐDSH.

Trong giai đoạn 2016-2020, số lượng KBT, các vùng đất ngập nước (ĐNN) có tầm quan trọng quốc tế tiếp tục gia tăng. Trên cả nước, đã thành lập mới 9 KBT (4 KBT ĐNN, 3 khu rừng đặc dụng, 2 KBT biển), thành lập 3 hành lang ĐDSH

tại các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị, nâng tổng số KBT lên 180 khu với tổng diện tích là 2.614.065,34 ha, gồm 34 vườn quốc gia; 69 khu dự trữ thiên nhiên; 18 khu bảo tồn loài và sinh cảnh; 59 khu bảo vệ cảnh quan. Giai đoạn này có 7 cơ sở bảo tồn ĐDSH được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận thành lập.

Các khu vực tự nhiên có tầm quan trọng quốc tế về bảo tồn được công nhận cũng gia tăng về số lượng. Trong 5 năm trở lại đây đã có thêm 4 vùng ĐNN quan trọng quốc tế (Ramsar); 5 Vườn Di sản ASEAN (AHP) được công nhận. Tính đến nay, Việt Nam có 9 khu được công nhận là khu Ramsar, với tổng diện tích 120.549 ha; 11 khu Dự trữ sinh quyển thế giới được UNESCO công nhận với tổng diện tích trên 4,3 triệu ha; 10 AHP được công nhận với tổng diện tích 365.389 ha, là quốc gia có số lượng AHP đứng đầu khu vực; 1 vùng chim nước di cư quan trọng quốc tế tuyến đường bay Úc - Đông Á (EAAFP).

Bảo tồn, phục hồi HST rừng: Trong giai đoạn 2015-2020, tỷ lệ che phủ rừng của cả nước ổn định ở mức từ 41- 42%. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc đạt 42,01%. Diện tích đất rừng đặc dụng và đất rừng phòng hộ được trồng rừng mới trong giai đoạn 2014-2019 là 57.481,8 ha. Đến năm 2019 đã phục hồi được 25.273 ha rừng bị suy thoái (21.060 ha rừng tự nhiên, 4.213 ha rừng trồng). Hiện nay, nhiều KBT, vườn quốc gia đã có các chương trình, dự án, hoạt động

trồng rừng, phục hồi HST rừng. Hàng trăm héc-ta rừng bị suy thoái được phục hồi và phát triển ổn định, góp phần tăng độ che phủ rừng trên cả nước.

Ngày 1/4/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án số 524/QĐ-TTg trồng 1 tỷ cây xanh. Theo đó, đến hết năm 2025, cả nước sẽ trồng được 1 tỷ cây xanh, trong đó 690 triệu cây trồng phân tán ở các khu đô thị và vùng nông thôn, 310 triệu cây trồng tập trung trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và trồng mới rừng sản xuất, nhằm góp phần BVMT sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với BĐKH, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và phát triển bền vững đất nước. Trong đó, năm 2021 cả nước đã trồng được 210 triệu cây, đạt 115% so với kế hoạch. Từ năm 2022 trở đi, dự kiến trồng bình quân 204,5 triệu cây/năm.

Bảo tồn, phục hồi HST ĐNN: Tổng diện tích ĐNN là 11.847.975 ha chiếm đến 37% tổng diện tích đất tự nhiên của Việt Nam. Trong đó, đồng bằng sông Cửu Long chiếm gần 51% diện tích ĐNN Việt Nam, đồng bằng sông Hồng chiếm 13%. Trong thời gian qua, các KBT đã có nhiều nỗ lực trong công tác phục hồi HST đặc trưng nhằm tạo sinh cảnh sống cho các loài. VQG (Vườn Di sản ASEAN) Lò Gò - Xa Mát ghi nhận sự xuất hiện trở lại của hơn 1.000 cá thể cò nhạn quý hiếm bay về trú ngụ tại khu vực trảng Tà Nốt (Huyện Tân Biên, Tây Ninh) sau nhiều năm vắng bóng. KBT ĐNN (Khu Ramsar) Láng Sen, tỉnh Long An hiện

đang thực hiện khôi phục cánh đồng năng kim tạo nguồn thức ăn cho Sếu đầu đỏ với diện tích 70 ha, chăm sóc và trồng dặm 30 ha lúa hoang.

Bảo tồn, phục hồi HST biển: Cho đến nay, 16 khu vực biển đã được quy hoạch là KBT biển của Việt Nam. 12/16 khu đã được thành lập và đưa vào quản lý vận hành. Các KBT biển, HST biển trên cả nước đang được quan tâm bảo vệ, phục hồi. Tại nhiều vùng biển thuộc các KBT biển, hoạt động bảo tồn đã thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương, các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là thanh, thiếu niên. Tuy nhiên, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương đang là một trong những vấn đề môi trường cấp bách nhất hiện nay đang từng bước được các bên quan tâm giải quyết.

Bảo tồn hiệu quả các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ; từng bước kiểm soát các SVNLXH

Bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ: Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ bao gồm 17 loài thực vật, 83 loài động vật, 21 nguồn giống vật nuôi kèm theo tiêu chí xác định và chế độ quản lý tại Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Đến năm 2019, Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ được cập nhật, bổ sung bao gồm 96 loài động vật và 28 loài thực vật tại Nghị định số 64/2019/NĐ-CP về sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Trong giai đoạn vừa qua, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động khẩn cấp đến năm 2020 để bảo tồn voi ở Việt Nam (Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 19/7/2012); Chương trình quốc gia về bảo tồn hổ giai đoạn năm 2014 - 2022 (Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 16/4/2014); Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 10/5/2017); Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1176/QĐ-TTg ngày 12/9/2019)... Đây là cơ sở để các cơ quan quản lý và các tổ chức bảo tồn triển khai các hoạt động bảo vệ và bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Trong thời gian qua, hoạt động bảo tồn tại chỗ và nuôi, trồng các loài thuộc danh mục ưu

tiên bảo vệ đã mang lại các kết quả tích cực khi nhiều loài đang được phục hồi. Sự gia tăng các đàn linh trưởng như 500 cá thể Voọc chà vá chân xám tại Konplon, Kon Tum; hơn 200 cá thể Voọc xám đông dương tại KBT Xuân Liên, Thanh Hóa; hơn 150 cá thể Voọc mông trắng ở vùng núi đá vôi đầm Vân Long, Ninh Bình và khoảng 40 cá thể ở vùng núi đá vôi Hà Nam do mở rộng sinh cảnh các nhóm loài linh trưởng này. Gần đây, đã xác định được 2 cá thể Rùa hồ gươm (đã từng được xem là tuyệt chủng ở Việt Nam) tại hồ Đồng Mô và hồ Xuân Khanh, Hà Nội, là cơ sở xây dựng khu bảo tồn loài - sinh cảnh tại đây.

Phát hiện loài mới cho khoa học: Trong giai đoạn 2010 - 2020, các nhà khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã công bố 1 họ, 5 giống/chi mới và 606 loài và phân loài sinh vật mới cho khoa học. Theo Báo cáo của Tổ chức Quốc tế về BTTN (WWF) năm 2021, 91 loài mới đã được phát hiện tại Việt Nam năm 2020, trong đó có 85 loài đặc hữu, chỉ xuất hiện ở Việt Nam. Trong khoảng hơn một thập kỷ qua, số loài thực vật và ghi nhận mới được phát hiện ở Việt Nam hàng năm là khoảng 50 loài.

Quản lý, kiểm soát SVNLXH: Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ TN&MT kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo việc tăng cường kiểm soát tình hình nhập khẩu, buôn bán tôm hùm nước ngọt; xây dựng và tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 8/12/2020 về tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại. Danh mục loài ngoại lai xâm

hại với 2 danh mục: Loài ngoại lai xâm hại và Loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại được ban hành tại Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 về quy định tiêu chí xác định và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại. Tại nhiều khu BTTN ở các địa phương trên cả nước đã triển khai có hiệu quả chương trình kiểm soát SVNLXH.

Tăng cường bảo tồn, sử dụng bền vững nguồn gen và quản lý sinh vật biến đổi gen (GMO)

Hiện nay, ở Việt Nam đã hình thành mạng lưới các cơ quan gồm một số đơn vị đầu mối và 68 đơn vị thuộc 6 Bộ/ngành tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen động, thực vật và vi sinh vật. Công tác thu thập, lưu giữ bảo tồn nguồn gen được thực hiện hàng năm và tăng đáng kể. Năm 2020 thu thập được tổng cộng 88.968 nguồn gen, tăng 3,12 lần so với năm 2010. Từ số liệu trên cho thấy, tính đến năm 2020 đã đánh giá ban đầu 41.363 nguồn gen và đánh giá tiềm năng di truyền của 3.136 nguồn gen; chọn lọc 343 nguồn gen có tiềm năng nhân rộng, khả năng thị trường tốt được khai thác phát triển thành sản phẩm hàng hóa. Có nguồn gen trở thành sản phẩm đặc trưng của địa phương (OCOP). Trong số đó, hơn 20 nguồn gen đã được nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật để nhân rộng và chế biến tạo sản phẩm; chuyển sang khai thác và chia sẻ nguồn gen với 111 nguồn gen được phát triển thành sản phẩm thương mại hóa, 3.179 nguồn gen được chia sẻ phục vụ nghiên cứu và ứng dụng trong sản xuất.

2. NHẬN DIỆN MỘT SỐ ÁP LỰC, TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG ĐẾN BTTN VÀ ĐDSH

HST tiếp tục bị suy thoái

HST rừng: Tuy diện tích rừng đã tăng lên đáng kể do mở rộng diện tích rừng trồng, nhưng diện tích rừng tự nhiên tăng không đáng kể, thậm chí có thời kỳ giảm từ 10,41 triệu ha (năm 2006) xuống còn 10,1 triệu ha (năm 2014). Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên cũng bị suy giảm về diện tích từ 4,3 triệu ha năm 2010 xuống còn 3,95 triệu ha năm 2019, trong đó, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên giàu và trung bình chỉ còn trên dưới 1 triệu ha (chiếm chưa tới 30% diện tích rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của cả nước). Chặt phá rừng tự nhiên, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng làm sinh cảnh của động vật hoang dã bị cô lập, phân mảnh, thu hẹp hoặc mất đi, nhất là đối với các loài có kích thước lớn như hổ, voi hoặc loài di chuyển nhiều như chim.

HST ĐNN: Trong giai đoạn 2005 - 2015, diện tích rừng ngập mặn tự nhiên liên tục suy giảm. Diện tích rừng ngập mặn tự nhiên chỉ còn 70.684 ha vào năm 2002, giảm xuống còn 19.559 ha vào năm 2015. Các đầm phá ven biển miền Trung suy thoái, cấu trúc, chức năng, diện tích phân bố và thể tích khối nước đầm phá bị suy giảm theo không gian và thời gian; thành phần loài và phân bố của cỏ biển, các loài sinh vật sống có liên quan đến thảm cỏ biển tại các đầm phá cũng suy giảm.

HST biển: Trong hai thập kỷ qua, diện tích thảm cỏ biển đã giảm 45,4% và tỉ lệ giảm trung bình mỗi năm trên cả nước là 4,4%. Tổng diện tích thảm cỏ biển ở miền Nam Việt Nam năm 2020 là 10.832 ha, giảm 19,1% so với số liệu trước đó. Tỷ lệ suy giảm thảm cỏ biển khoảng 2,4% mỗi năm. Ở một số nơi như tại vùng biển của Quảng Ninh và Hải Phòng, thảm cỏ biển đã biến mất hoàn toàn. Khi thảm cỏ biển bị suy thoái, nguồn lợi thủy sản cũng bị suy giảm theo. Không những thế, nhiều loài sinh vật biển quý hiếm sẽ bị mất đi nguồn dinh dưỡng và môi trường sống. HST rạn san hô được ví như là “rừng mưa nhiệt đới ở dưới biển” và cũng là HST dễ bị tổn thương nhất do BĐKH bởi nhạy cảm với yếu tố nhiệt độ và chất lượng môi trường nước biển.

Các loài hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ tiếp tục bị đe dọa

Theo Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), nếu như năm 1996 mới chỉ có 25 loài động vật của Việt Nam ở mức nguy cấp (EN) thì đến năm 2021, có khoảng 513 loài động vật và 290 loài thực vật của Việt Nam ghi trong Danh

lục Đỏ IUCN (2021). Trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007, tổng số các loài động - thực vật hoang dã trong thiên nhiên đang bị đe dọa là 882 loài (418 loài động vật và 464 loài thực vật), trong đó có tới 8 loài động vật được xem đã tuyệt chủng ngoài tự nhiên tại Việt Nam, cụ thể là: tê giác hai sừng, bò xám, heo vòi, cây rái cá, cá chép gốc, cá lợ thân thấp, hươu sao, cá sấu hoa cà. Đặc biệt, năm 2011, phân loài tê giác Việt Nam (*Rhinoceros sondaicus annamiticus*) đã chính thức bị tuyệt chủng ở Việt Nam. Trong hệ thực vật, loài lan hài Việt Nam đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên. Nhiều loài thực vật trước đây chỉ ở mức sắp nguy cấp thì nay bị xếp ở mức rất nguy cấp như hoàng đàn, bách vàng, sâm vũ diệp, tam thất hoang...

Mất rừng, sinh cảnh bị suy thoái và nạn săn bắn do nhu cầu tiêu thụ và buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã đã khiến nhiều loài linh trưởng của khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông Mở rộng đang trên bờ tuyệt chủng. Một phần tư các loài này nằm trong danh sách các loài Cực kỳ Nguy cấp trong Sách Đỏ Thế giới IUCN và một nửa trong số chúng thuộc danh sách các loài Nguy cấp. Việt Nam có tới 5 loài linh trưởng đặc hữu, thế nhưng chúng đều nằm trong danh sách 25 loài linh trưởng Cực kỳ Nguy cấp trên toàn cầu. Theo Danh lục Đỏ IUCN 2019, nguy cơ tuyệt chủng đã gia tăng đối với một phần tư loài, so với đánh giá năm 2008. Nguy cơ tuyệt chủng của những loài còn lại cũng không giảm đi.

Một số nguyên nhân tác động, ảnh hưởng gây suy giảm ĐDSH

Có nhiều yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng, tác động đến ĐDSH bao gồm cả các yếu tố, nguyên nhân riêng lẻ cũng như các yếu tố, nguyên nhân có tính tích hợp. Đồng thời các yếu tố, nguyên nhân tác động, ảnh hưởng đến ĐDSH có tính trực tiếp, gián tiếp.

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mất nước nhiều nơi chưa phù hợp

Chuyển đổi sử dụng đất (có rừng): Trong giai đoạn 2017 - 2020 đã có 3.630 dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng, với tổng diện tích đề nghị là 183.740 ha, trong đó, rừng tự nhiên 39.133 ha, rừng trồng 74.242 ha, đất chưa có rừng 13.816 ha, diện tích ngoài quy hoạch 3 loại rừng 56.550 ha. Theo số liệu thống kê qua các năm, trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2016-2020, khoảng 2.430 ha rừng tự nhiên bị mất đi, tập trung chủ yếu tại 2 khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, trong khi diện tích rừng sản xuất lại tăng lên so với trước đây. Việc suy giảm diện tích rừng đầu nguồn do các dự án thủy điện, phát triển giao thông và bởi các nguyên nhân khác đã và đang gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường, trong đó có các tác động làm suy giảm lớp phủ thực vật, phân mảnh môi trường sống hoang dã của nhiều loài sinh vật nguy cấp, làm suy giảm nguồn sinh thủy trên các lưu vực sông, đồng thời làm xói mòn lưu vực, tăng nguy cơ lũ, giảm lượng dự trữ nước ngầm, đẩy nhanh quá trình bồi lắng, làm giảm tuổi thọ của các hồ chứa nước. Việc thay đổi sử dụng đất là một trong những áp lực lớn nhất tác động tới các hệ sinh thái tự nhiên vốn có để chuyển sang các hệ sinh thái nhân tạo khác và qua đó, làm giảm ĐDSH và dịch vụ HST.

Chuyển đổi sử dụng mặt nước: Không chỉ rừng, nhiều HST rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều ven biển đã bị cải tạo nhanh chóng với quy mô lớn thành các đầm nuôi tôm, bãi nuôi ngao và các hải sản khác đã khiến các khu rừng ngập mặn nguyên sinh gần như bị biến mất ở nhiều tỉnh. Việc phát triển các đầm, ao nuôi trồng thủy sản ở vùng cửa sông, ven biển dẫn đến những thay đổi về nơi cư trú của quần xã sinh vật, thay đổi về môi trường, lắng đọng trầm tích và nguy cơ xói lở bờ sông, bờ biển. Hơn nữa, tại một số khu vực nuôi tôm, cá tập trung việc xả thải các chất hữu cơ, chất độc vi sinh vật (cả mầm bệnh) và các chất thải sinh hoạt làm cho môi trường suy thoái, bùng nổ dịch bệnh và gây thiệt hại đáng kể về kinh tế cũng như môi trường. Mặt nước ven bờ, đặc biệt những vũng, vịnh, đầm phá được sử dụng nuôi trồng các loài thủy sản gây ÔNMT nước, trầm tích đáy, tác động tới các HST ĐNN ven biển, đặc biệt HST rạn san hô, cỏ biển. Việc phát triển xây dựng các đô thị và khu công nghiệp diễn ra nhanh chóng ở ven bờ biển ảnh hưởng nghiêm trọng đến lưu lượng nước, chất lượng nước, trầm tích và ĐDSH.

Khai thác quá mức và buôn bán trái phép tài nguyên ĐDSH

Từ năm 2007 đến năm 2013, cả nước có 2.000 - 4.500 vụ khai thác gỗ trái phép. Tính riêng năm 2018 đã phát hiện 12.900 vụ vi phạm pháp luật về rừng, tổng số vụ vi phạm đã được xử lý là 11.289 vụ, trong đó xử phạt hành chính 10.900 vụ, xử lý hình sự 363 vụ, tịch thu 16.027 m³ gỗ các loại, diện tích rừng bị thiệt hại là 936 ha. Khoảng 100.000 m³ gỗ khai thác trái phép bị tịch thu mỗi năm. Hàng năm, các lâm sản ngoài gỗ, bao gồm: 350 triệu cây tre, 4500 tấn mây, 1.500 tấn măng, 300 tấn quả, 5.000 tấn các sản phẩm thực phẩm khác, 4.500 tấn dược liệu, 130.000 tấn tinh dầu và nhựa đã được khai thác. Khai thác quá mức trong một thời gian dài tác động tiêu cực đến chất lượng tài nguyên rừng, mất môi trường sống, chia cắt, nhiễu loạn HST rừng và giảm khả năng tái sinh tự nhiên. Đối với HST biển, hàng nghìn ha rạn san hô và thảm cỏ biển cũng bị mất do khai thác quá mức và sử dụng lồng bè nuôi trồng thủy sản. Các kỹ thuật khai thác mang tính hủy diệt như dùng chất

nổ, chất độc và sốc điện đánh bắt thủy sản đang diễn ra khá phổ biến, chưa kiểm soát hiệu quả ở cả vùng nước trong đất liền và trên biển, đang là mối đe dọa cao đối với các HST tự nhiên có mức ĐDSH cao như sông, suối vùng núi, đầm hồ, thảm cỏ biển và rạn san hô ở vùng nước ven bờ biển của Việt Nam.

BĐKH và ÔNMT

Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất của BĐKH. Nhiệt độ trung bình tăng sẽ làm thay đổi vùng phân bố và cấu trúc quần thể sinh vật của nhiều HST. Bên cạnh đó, ÔNMT cũng tác động tiêu cực đến ĐDSH ở mọi cấp độ. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng tại Việt Nam đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng không khí, chất lượng nước và thải ra nhiều chất thải nguy hại. Nước thải sinh hoạt, công nghiệp không được xử lý và thải trực tiếp vào các sông, hồ tác động xấu đến ĐDSH của các HST tự nhiên. Việc mở rộng thâm canh nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật với nhiều nguồn gốc khác nhau được sử dụng ngày càng phổ biến và thiếu kiểm soát đã góp phần làm suy thoái các quần thể chim và côn trùng ở các vùng nông thôn và ngoại ô thành phố.

Sự du nhập các SVNLXH

Việt Nam có đường bờ biển dài và đường biên giới giáp ranh với 3 nước (Trung Quốc, Campuchia và Lào) nên sinh vật ngoại lai có thể xâm nhập bằng nhiều con đường khác nhau như nhập khẩu có chủ đích phục vụ nuôi, trồng, sản xuất, kinh doanh và du nhập tự nhiên và không chủ đích của con người. Sinh vật

ngoại lai, tùy theo từng trường hợp, có thể mang lại lợi ích tạo ra giống mới có giá trị kinh tế cao (như cá tầm, cá diêu hồng, cá mú, cá bớp...), nhưng nếu không được kiểm soát tốt có thể mang lại những thiệt hại lớn về kinh tế và sinh thái. Các loài ngoại lai xâm hại khi du nhập vào sẽ phát triển quần thể nhanh chóng, lấn át các loài bản địa về thức ăn, nơi cư trú, thậm chí làm xói mòn nguồn gen loài bản địa do tính lai tạp.

3. ĐỊNH HƯỚNG ƯU TIÊN BTTN VÀ ĐDSH TRONG THỜI GIAN TỚI

Trong 5 năm trở lại đây, thế giới phát triển một số xu hướng kinh tế mới gắn liền với sử dụng thông minh các nguồn tài nguyên sinh vật có khả năng tái tạo và thân thiện với môi trường như kinh tế sinh học, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chiếc bánh vòng... Một xã hội hài hòa với tự nhiên là mẫu hình chung cho nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đang trở thành xu thế tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh tài nguyên ngày càng suy thoái, cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, BĐKH diễn biến khốc liệt. Xây dựng kinh tế tuần hoàn đã được xác định là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030.

Cơ hội

Tháng 3/2019, Đại hội đồng Liên hợp quốc tuyên bố thập kỷ 2021 - 2030 là thập kỷ về phục hồi HST. Khó khăn lần thứ 75 của Đại hội đồng Liên hợp quốc được tổ chức vào tháng 11/2020 đã đưa ra Bản Cam kết các Lãnh đạo vì thiên nhiên và Việt Nam là một trong 93 quốc gia chính thức ủng hộ

Cam kết này. Khung ĐDSH toàn cầu sau 2020 xác định và kêu gọi hướng tới một thế giới sống hòa hợp với thiên nhiên, trong đó ĐDSH được coi trọng, bảo tồn, phục hồi và sử dụng một cách bền vững, duy trì các dịch vụ HST, duy trì một hành tinh lành mạnh và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người.

Công tác quản lý, BTTN và ĐDSH nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo, đặc biệt Lãnh đạo cấp cao được thể hiện thông qua các nội dung về BTTN và ĐDSH được ghi nhận trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước như: Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/1/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế xác định công tác bảo tồn ĐDSH, trong đó đặt ra nhiệm vụ về bảo tồn ĐDSH và HST biển, yêu cầu lập cơ sở dữ liệu ĐDSH quốc gia; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên đã xác định bảo vệ, phát triển rừng, BTTN và ĐDSH là một nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển bền vững của đất nước...

Các chủ trương, cam kết chính trị đã và đang tiếp tục được thể chế hóa. Đặc biệt, Luật BVMT năm 2020 đã chính thức được thực hiện từ ngày 1/1/2022 với nhiều chính sách, giải pháp đột phá, đánh dấu giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ trong công tác BVMT, hướng tới mục tiêu cao nhất cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân, cân bằng sinh thái, bảo tồn ĐDSH và phát triển kinh tế bền vững.

Hệ thống chính sách, pháp luật về BTTN và ĐDSH cũng ngày càng hoàn thiện. Việt Nam đã ban hành và triển khai các luật quan trọng về BTTN và ĐDSH như Luật ĐDSH, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản, Luật Du lịch, Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cùng nhiều văn bản hướng dẫn thi hành.

Thách thức

Áp lực ngày càng gia tăng từ tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng GDP nước ta giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 5,9%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Với mục tiêu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng tổng

sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD/người thì áp lực đối với môi trường nói chung, bảo tồn ĐDSH nói riêng sẽ càng lớn hơn.

BĐKH ngày càng gia tăng tác động tới các HST và loài. Nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước đã chỉ ra những tác động của BĐKH ngày càng tăng đối với ĐDSH. Ước tính có ít nhất 38,9% diện tích đồng bằng sông Cửu Long và 16,8% diện tích đồng bằng sông Hồng sẽ bị ngập nếu nước biển dâng lên 100 cm. Các HST ven biển ở Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng.

Hầu hết các khu bảo tồn hiện nay có diện tích không rộng, phân tán, thiếu tính kết nối. Diện tích bảo tồn của các khu vực được bảo vệ không đủ lớn (phần lớn có diện tích dưới 50.000 ha) để đảm bảo cho nhiều loài động vật có kích thước lớn như voi, hổ. Trong khi đó, còn có các khu vực khác có giá trị ĐDSH cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng thì việc xác định và quản lý các hệ sinh thái tự nhiên ngoài KBT lại chưa được quan tâm. Nguồn nhân lực cho bảo tồn ĐDSH chưa đáp ứng nhu cầu, thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, đặc biệt đối với những lĩnh vực như đánh giá tác động môi trường, an toàn sinh học, bảo tồn ĐDSH, kinh tế môi trường... Đầu tư kinh phí thực hiện công tác bảo tồn ĐDSH từ nguồn ngân sách còn dãn trải, thiếu trọng điểm và hiệu quả đầu tư còn thấp. Ngân sách cho bảo tồn

ĐDSH còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng ngân sách cho nhiệm vụ môi trường; Nhận thức của xã hội về bảo tồn ĐDSH còn chưa đầy đủ và toàn diện.

Trên cơ sở hiện trạng ĐDSH, nhận diện áp lực, tác động cũng như nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân gián tiếp, đồng thời xác định cơ hội, thách thức trong thời gian tới, một số định hướng, nhiệm vụ ưu tiên BTTN và ĐDSH được xác định: Tăng cường bảo tồn, phục hồi ĐDSH; Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; Tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen; Đánh giá, phát huy lợi ích của ĐDSH phục vụ phát triển bền vững, phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH; Kiểm soát các hoạt động gây tác động tiêu cực đến ĐDSH.

Các giải pháp chủ yếu tập trung vào các nhóm giải pháp: Hoàn thiện chính sách, pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về ĐDSH; Nâng cao nhận thức, ý thức về BTTN và ĐDSH; Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, đặc biệt trong quản lý, điều tra, quan trắc, theo dõi, kiểm tra, giám sát ĐDSH; Bảo đảm nguồn lực tài chính cho bảo tồn ĐDSH; Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế về bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH■

Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt hướng tới nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam

ThS. NGUYỄN THÀNH YÊN, Phó Vụ trưởng
Vụ Quản lý chất thải, Tổng cục Môi trường

Trong những năm qua, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước, Đảng, Quốc hội, Chính phủ luôn quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với BVMT, bước đầu đã đạt được kết quả tích cực, tạo tiền đề tốt để tăng cường công tác BVMT thời gian tới. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự gia tăng dân số mạnh mẽ đã làm cho lượng chất thải rắn (CTR) phát sinh với thành phần ngày càng phức tạp gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý chất thải, đặc biệt là đối với chất thải rắn sinh hoạt (CTRS).

Luật BVMT năm 2020 đã đưa ra những quy định riêng về kinh tế tuần hoàn (KTTH), trong đó định nghĩa KTTH là mô hình kinh tế với các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối... Đây là cách tiếp cận mới trong quản lý mà Bộ TN&MT đang và sẽ thực hiện trong thời gian tới, góp phần thực hiện mục tiêu của Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 7/6/2022

1. THỰC TRẠNG PHÁT SINH, PHÂN LOẠI, THU GOM, VẬN CHUYỂN CTRSH GIAI ĐOẠN 2016-2021

CTRSH tại đô thị và nông thôn

Trong giai đoạn 2016 - 2021, lượng CTRSH phát sinh tiếp tục gia tăng trên phạm vi cả nước. Ước tính lượng CTRSH phát sinh ở các đô thị trên toàn quốc tăng trung bình 10% - 16% mỗi năm. Năm 2019, tổng lượng CTRSH phát sinh trên toàn quốc là khoảng 64.018 tấn/ngày, trong đó lượng CTRSH phát sinh tại khu vực đô thị là

35.624 tấn/ngày, lượng CTRSH phát sinh tại khu vực nông thôn là 28.394 tấn/ngày. Trong đó, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội có khối lượng CTRSH đô thị phát sinh lớn nhất. Chỉ tính riêng 2 đô thị này, tổng khối lượng CTRSH phát sinh từ khu vực đô thị lên tới 12.000 tấn/ngày, chiếm 33,6% tổng lượng CTRSH đô thị phát sinh trên cả nước. Về cơ bản, lượng phát sinh CTRSH ở nông thôn phụ thuộc vào mật độ dân cư và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Nhìn chung, khu vực đồng bằng có lượng phát sinh CTRSH cao hơn khu vực miền núi; khu vực nào có mức tiêu dùng cao hơn thì lượng CTRSH phát sinh cũng cao hơn. Trong năm 2020, lượng CTRSH phát sinh ngày càng lớn, có tính chất, thành phần phức tạp. Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn các tỉnh/thành phố là khoảng 81.121 tấn/ngày. Các địa phương có khối lượng CTRSH phát sinh trên 1.000 tấn/ngày chiếm 25%.

Phân loại, thu gom, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển CTRSH

Trong thời gian qua, công tác phân loại chất thải tại nguồn đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần giảm thiểu lượng chất thải phải xử lý và tăng cường tái chế, tận dụng tài nguyên. Nhiều địa phương đã tích cực xây dựng

các chương trình, dự án để tổ chức triển khai thực hiện. Tuy nhiên, đánh giá chung cho thấy, việc phân loại tại nguồn chưa đạt được kết quả cao do quy định chưa có tính cưỡng chế cao, chủ yếu mang tính khuyến khích. Mặt khác, hiện nay nhiều địa phương chưa có thiết bị, phương tiện thu gom riêng đối với từng loại chất thải được phân loại. Do vậy, trong nhiều trường hợp chất thải đã được phân loại được vận chuyển chung trong cùng thiết bị, phương tiện, một số trường hợp cơ sở xử lý chỉ áp dụng một phương pháp xử lý chung đối với chất thải đã được phân loại nên hiệu quả của việc phân loại tại nguồn không cao.

Việc thu gom, vận chuyển được thực hiện khác nhau giữa đô thị và nông thôn, giữa các địa phương và thậm chí giữa các vùng trong cùng một địa phương. Nhìn chung, các địa phương còn thiếu các thiết bị chuyên dụng cho việc thu gom, vận chuyển CTRSH. Trên thực tế, các đô thị mới có các phương tiện chuyên dụng như các thùng chứa CTRSH, các xe chuyên dụng chở CTRSH, trong khi tại các vùng nông thôn thường không có các phương tiện vận chuyển chuyên dụng mà sử dụng các phương tiện xe thủ công để vận chuyển CTRSH đến điểm tập kết.

Tỷ lệ thu gom CTRSH khu vực đô thị của các địa phương

trên toàn quốc năm 2020 đạt 94,71% chất thải phát sinh đạt mục tiêu đặt ra theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 7/5/2018.

Tại nông thôn, nhiều địa phương đã hình thành các tổ tự quản, hội phụ nữ thực hiện việc thu gom chất thải theo tần suất nhất định và chuyển đến điểm tập kết để các công ty môi trường đô thị vận chuyển về cơ sở xử lý. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã có một số nơi chất thải sau khi được thu gom về điểm tập kết nhưng không được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý đã dẫn đến việc hình thành các bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường.

Một số tỉnh/thành phố có sử dụng trạm trung chuyển chất thải trong quá trình thu gom, vận chuyển. Việc lựa chọn các khu vực tập kết và trạm trung chuyển thường khó khăn, gặp phải sự phản đối của người dân do phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác và thu hút côn trùng. Nhiều điểm tập kết không có mái che nên khi mưa ướt, nước rỉ rác phát sinh ảnh hưởng đến môi trường. Bên cạnh đó, công tác vận chuyển hiện còn gặp nhiều khó khăn do hầu hết các bãi chôn lấp chất thải thường ở xa khu dân cư đã làm tăng chi phí vận chuyển. Ngoài ra, năng lực vận chuyển của một số địa phương còn hạn chế, phương tiện vận chuyển còn thô sơ, chưa bảo đảm an toàn gây rò rỉ, rơi vãi chất thải trong quá trình vận chuyển.

Xử lý CTRSH

Hiện nay, một phần chất thải có khả năng tái chế phát sinh từ sinh hoạt đã được người dân tự phân loại, thu gom và bán cho các cơ sở thu gom phế liệu, cuối cùng được chuyển đến các cơ sở tái chế. Việc này một mặt góp phần giảm thiểu lượng chất thải phải xử lý, tận dụng được tài nguyên có trong chất thải. Tuy nhiên, nhiều cơ sở tái chế là các cơ sở tại các làng nghề hoặc các cơ sở quy mô nhỏ lẻ, sử dụng công nghệ tái chế lạc hậu, không đáp ứng các yêu cầu về BVMT. Ngoài ra, các cơ sở này thường phá dỡ, tận dụng các phần có khả năng tái chế, phần không có khả năng tái chế được thải chung với CTRSH. Các hoạt động nêu trên tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nếu không được quản lý phù hợp.

Trên cả nước hiện có khoảng 400 lò đốt CTRSH, 37 dây chuyền sản xuất phân compost tập trung, trên 900 bãi chôn lấp, trong đó có nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Một số cơ sở áp dụng

phương pháp đốt CTRSH có thu hồi năng lượng để phát điện hoặc có kết hợp nhiều phương pháp xử lý khác nhau.

Về tỷ lệ xử lý chất thải theo các phương pháp xử lý, hiện nay khoảng 71% tổng lượng chất thải được xử lý bằng phương pháp chôn lấp (chưa tính lượng bã thải từ các cơ sở chế biến phân compost và tro xỉ phát sinh từ các lò đốt); khoảng 16% tổng lượng chất thải được xử lý tại các nhà máy chế biến phân compost và khoảng 13% tổng lượng chất thải được xử lý bằng phương pháp đốt và các phương pháp khác.

2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CTRSH

Về tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về CTRSH

Tại Trung ương

Trước khi Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 của Chính phủ được ban hành, công tác quản lý nhà nước về CTRSH được giao cho nhiều Bộ cùng tham gia quản lý, bao gồm Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc giao thoa, chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực CTRSH bao gồm việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, đề án, chương trình, quy hoạch, kế hoạch; tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng và dự báo tình hình quản lý CTRSH; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý.

Ngay sau khi Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 của Chính phủ được ban hành, Bộ TN&MT là đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về CTR. Bộ TN&MT đã nhanh chóng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phương án thống

nhất quản lý nhà nước về CTR và triển khai các hoạt động như rà soát, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; kiểm tra, đánh giá công tác quản lý CTR trên phạm vi cả nước; tổ chức các hội thảo, hội nghị về công nghệ xử lý, mô hình quản lý đối với CTRSH với sự tham gia của các Bộ, ngành, địa phương và các chuyên gia, nhà khoa học; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và toàn xã hội về công tác quản lý chất thải.

Theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ TN&MT hiện được giao là đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về CTRSH.

Tại địa phương

Trước đây, tại các địa phương không có sự thống nhất trong việc giao cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong vấn đề quản lý CTRSH; một số tỉnh/thành phố giao cho Sở Xây dựng trong khi một số tỉnh/thành phố khác giao Sở TN&MT, một số giao cho cả hai đơn vị trong việc tham mưu giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý CTRSH.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019, một số địa phương đã bắt đầu định hướng giao cho Sở TN&MT là cơ quan chuyên môn giúp việc về quản lý CTRSH. Tuy nhiên, đến nay việc chuyển giao cho Sở TN&MT là cơ quan chuyên môn giúp việc về quản lý CTRSH trên cả nước vẫn còn chưa được thực hiện ở tất cả các địa phương.

Về thực hiện các nội dung quản lý CTRSH đô thị và nông thôn

Thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ quản lý CTRSH

Theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu đến năm 2025, 90% tổng lượng CTRSH phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT; phần đầu tỷ lệ CTRSH xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom; 80% lượng CTRSH phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu về BVMT.

Mặt khác, theo Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/1/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị, mục tiêu đến năm 2025 là 90% CTR đô thị được thu gom, xử lý, phần đầu tỷ lệ CTR đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom.

Theo kết quả báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về công tác BVMT năm 2020, tỷ lệ CTR được thu gom tại khu vực đô thị đạt khoảng 94,71%. Như vậy, có thể đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH hiện nay tại các đô thị đã đáp ứng được mục tiêu của Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR và Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Chính phủ. Tuy nhiên, với tỷ lệ chôn lấp cao như hiện nay, mục tiêu phần đầu tỷ lệ CTRSH xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% so với lượng chất thải được thu gom là rất khó đạt được nếu các địa phương không nhanh chóng chuyển đổi các công nghệ chôn lấp hiện có sang các công nghệ xử lý CTRSH tiên tiến, thân thiện với môi trường.

Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng về nội dung quản lý CTRSH.

Luật Xây dựng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Nghị định số 81/2017/NĐ-CP quy định Bộ Xây dựng có nhiệm vụ: (i) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch quản lý CTR; (ii) Tổ chức lập, thẩm định, lấy ý kiến bằng văn bản của

Bộ TN&MT, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ quy hoạch quản lý CTR vùng liên tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt; (iii) Thẩm định quy hoạch quản lý CTR các thành phố trực thuộc Trung ương là đô thị loại đặc biệt để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; có ý kiến thống nhất bằng văn bản để UBND các thành phố trực thuộc Trung ương là đô thị loại I phê duyệt quy hoạch quản lý CTR của thành phố; (iv) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và quản lý quy hoạch xây dựng các cơ sở xử lý CTR. Ngoài ra, Nghị định số 59/2007/NĐ-CP quy định trách nhiệm Bộ Xây dựng như sau: (i) Hướng dẫn quy hoạch xây dựng các công trình xử lý CTR, tái sử dụng mặt bằng cơ sở xử lý CTR và các công trình phụ trợ sau khi chấm dứt hoạt động (Khoản 2 Điều 9); (ii) Quy hoạch quản lý CTR cấp vùng, liên tỉnh, liên đô thị, vùng kinh tế trọng điểm do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt (Khoản 1 Điều 10).

Thực hiện các quy định nêu trên, Bộ Xây dựng đã chủ trì xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều quy hoạch về quản lý CTR, như: Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý CTR y tế nguy hại đến năm 2025 tại Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 8/2/2012; Quy hoạch quản lý CTR vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 tại Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 14/10/2016; Quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 tại Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12/2/2015;

Quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 6/1/2015; Quy hoạch quản lý CTR lưu vực sông Cầu đến năm 2020 tại Quyết định số 2211/QĐ-TTg ngày 14/11/2013; Đề án “Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý CTRSH” tại Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014...

Mặt khác, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ TN&MT trong việc tổ chức thực hiện các nội dung về quản lý chất thải phục vụ công tác lập và triển khai quy hoạch BVMT. Điều này được sửa đổi trong Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch, trong đó quản lý chất thải là một nội dung của quy hoạch BVMT và thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về BVMT và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch cũng quy định trách nhiệm của Bộ TN&MT là tổ chức lập quy hoạch BVMT quốc gia; xây dựng nội dung BVMT trong quy hoạch vùng; hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nội dung BVMT trong quy hoạch tỉnh; trong đó bao gồm nội dung về quy hoạch quản lý chất thải. Hiện nay, Bộ TN&MT đang tiến hành xây dựng Quy hoạch BVMT quốc gia, trong đó có nội dung về quy hoạch quản lý chất thải.

Đánh giá chung về công tác quản lý CTRSH

Nhìn chung, hệ thống văn bản pháp quy ngày càng hoàn thiện, tạo căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý chất thải thống nhất theo định hướng mới; là bước tiến quan trọng

để thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải; góp phần ngăn chặn các công nghệ xử lý chất thải lạc hậu, công nghệ chôn lấp và nâng cao hiệu quả công tác BVMT. Tỷ lệ thu gom CTRSH tại khu vực đô thị ngày càng tăng, đáp ứng mục tiêu theo Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/1/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị. Tại các địa phương đã xây dựng quy hoạch quản lý CTR cấp vùng và quy hoạch tại địa phương, làm căn cứ để xây dựng các cơ sở xử lý CTRSH. Một số địa phương, đặc biệt là các thành phố trực thuộc Trung ương đã bắt đầu áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến như đốt có thu hồi năng lượng làm căn cứ để xem xét, nhân rộng. Sự quan tâm của các cấp, các ngành, ý thức của người dân và xã hội ngày một tăng đối với công tác quản lý CTRSH.

Bên cạnh đó, công tác quản lý CTRSH còn tồn tại, hạn chế. Phần lớn CTRSH chưa được phân loại tại nguồn, các chương trình phân loại CTRSH tại các địa phương tuy được triển khai nhiều năm gần đây nhưng mang tính xây dựng mô hình, chưa đồng bộ; Tỷ lệ CTRSH được chôn lấp còn cao; công nghệ xử lý CTRSH của nhiều cơ sở còn lạc hậu; Công suất xử lý CTRSH hiện hữu không đáp ứng được khối lượng CTRSH phát sinh, trong khi việc đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng dự án không đáp ứng yêu cầu; Các công nghệ xử lý CTRSH tiên tiến, hiện đại có giá thành đầu tư, xử lý cao trong khi ngân sách của các địa phương dành cho xử lý CTRSH còn hạn chế.

Nguyên nhân là do việc thu phí vệ sinh (giá dịch vụ) CTRSH đối với các hộ gia đình, cá nhân được thu theo hộ gia đình hoặc theo nhân khẩu dẫn đến việc không khuyến khích người dân giảm thiểu lượng chất thải phát sinh, phân loại tại nguồn. Việc xây dựng các cơ sở xử lý chất thải hiện đại đòi hỏi phải có vốn đầu tư lớn, nhiều địa phương không đủ nguồn lực hoặc đầu tư chưa tương xứng; trong khi đó, việc thúc đẩy xã hội hóa công tác đầu tư cơ sở xử lý CTRSH còn chậm. Nhiều địa phương còn chưa chủ động trong công tác triển khai xây dựng các cơ sở xử lý chất thải; việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải phân tán, nhỏ lẻ... Việc quy hoạch, xác định

vị trí, địa điểm xây dựng cơ sở xử lý chất thải gặp khó khăn do người dân phản đối; việc tổ chức triển khai quy hoạch tại các địa phương còn chậm, thiếu nguồn lực để thực hiện; Nhận thức của một bộ phận người dân trong việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển CTRSH còn nhiều hạn chế. Nhiều nơi, người dân chưa tích cực tham gia vào các hoạt động phân loại tại nguồn, chưa đóng góp phí vệ sinh môi trường đầy đủ.

3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CTRSH HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN

Ngay sau khi Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 3/2/2019 được ban hành, Bộ TN&MT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 1/12/2020 về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý CTR; xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật BVMT năm 2020; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022, trong đó có nhiều nhiều quy định mới, cụ thể so với trước đây về quản lý CTRSH, bao gồm quy định về phân loại chất thải tại nguồn, lộ trình hạn chế chôn lấp trực tiếp chất thải; tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý CTRSH; thu giá, phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH từ hộ gia đình, cá nhân theo khối lượng hoặc thể tích chất thải; hướng dẫn về phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH...

Bên cạnh đó, để sớm đưa Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật vào thực tiễn cuộc sống, trong thời gian qua, Bộ TN&MT đã tổ chức các Hội nghị, Hội

thảo tập huấn cho các địa phương trong thực hiện các quy định mới của Luật, đồng thời cũng đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT, nhất là trong lĩnh vực quản lý CTRSH, thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn.

Trong năm 2022, Bộ TN&MT đang khẩn trương thực hiện một số nội dung:

- Ban hành và công bố danh mục công nghệ xử lý CTRSH khuyến cáo áp dụng tại Việt Nam, làm cơ sở cho các địa phương tổ chức triển khai;

- Xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi chôn lấp CTR và lò đốt chất thải;

- Ban hành hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rác thải tại nguồn để các địa phương làm căn cứ thực hiện; triển khai thí điểm các hoạt động phân loại CTRSH tại hộ gia đình và cá nhân ở một số địa phương;

- Ban hành các hướng dẫn kỹ thuật đối với việc cải tạo, nâng cấp và xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp rác thải không hợp vệ sinh, các khu vực bị ô nhiễm do rác thải gây ra, đảm bảo yêu cầu về BVMT;

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý CTRSH theo các quy định mới của Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thống nhất với Bộ Xây dựng về cơ quan ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết các nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Các hoạt động sẽ tiếp tục triển khai trong thời gian tới:

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách mới trong Luật BVMT năm 2020, trong đó đề cao vai trò trách nhiệm

của chính quyền địa phương, của người dân và doanh nghiệp. Thực hiện thí điểm, sớm hơn lộ trình quy định của Luật BVMT năm 2020 trong việc triển khai phân loại rác thải tại nguồn; thu giá, phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo khối lượng, bao bì chứa tại một số tỉnh, thành phố lớn. Triển khai thực hiện hiệu quả quy định trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu, ưu tiên khuyến khích doanh nghiệp chủ động xây dựng hệ thống thu gom, tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì sau xử lý.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến quản lý CTRSH; cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích xã hội hóa trong công tác quản lý CTRSH, đặc biệt là trong việc khuyến khích đầu tư xây dựng và vận hành cơ sở xử lý CTRSH, triển khai áp dụng mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật về BVMT và Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) đảm bảo tính hiệu quả, ổn định và bền vững của dự án, phát huy và đa dạng hóa nhiều nguồn lực cho xử lý chất thải.

- Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực. Các địa phương cần bố trí quỹ đất cho khu xử lý CTRSH theo quy hoạch, bố trí đủ kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn■

Tăng cường hiệu quả công tác đánh giá tác động môi trường...

(Tiếp theo trang 14)

quan đối với công tác ĐTM và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quá trình lập ĐTM.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành về ĐTM; hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và cơ sở dữ liệu về môi trường để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập và thẩm định, quản lý báo cáo ĐTM. Nâng cao chất lượng báo cáo ĐTM.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ĐTM ở các địa phương. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ trong công tác đào tạo tăng cường năng lực về ĐTM.

Thứ sáu, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) để áp dụng tại Việt Nam; định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục BAT bảo đảm sự phù hợp với thực tế và mức độ phát triển của khoa học và công nghệ; hướng dẫn áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Thứ bảy, xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và kho tàng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường góp phần triển khai thực hiện tốt Luật BVMT, trong đó tập trung vào các cơ sở, kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 53 Luật BVMT.

Thứ tám, thực hiện điều tra, đánh giá loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn. Tổng hợp, đánh giá các quy định liên quan đến khoảng cách an toàn áp dụng theo từng loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ và kho tàng. Tổng hợp, đánh giá kinh nghiệm quốc tế về phương pháp xác định khoảng cách an toàn về môi trường theo từng loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ. Trên cơ sở đó, Bộ TN&MT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường liên quan đến khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 53 Luật BVMT■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Mai Thế Toàn, *Đánh giá môi trường chiến lược, ĐTM tại Việt Nam*, Hà Nội, 2014;
2. Lê Trình, *ĐTM tự nhiên và xã hội*;
3. Luật BVMT năm 2020;
4. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;
5. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM:

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

VŨ ĐÌNH LONG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Luật BVMT năm 2020 đã quy định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động BVMT”; “... thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia BVMT”. Phát huy vai trò của mình, thời gian qua, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBTWMTTQVN) đã tích cực tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội, nghề nghiệp cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia chung tay BVMT với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả thiết thực.

CÔNG TÁC BVMT VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thực hiện Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực TN&MT giữa Ban Thường trực UBTWMTTQVN và Bộ TN&MT, đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trên cả nước đã ký kết chương trình phối hợp hoặc kế hoạch phối hợp giữa Ban Thường trực UBTWMTTQVN với Sở TN&MT để thực hiện. Công tác phối hợp tập trung vào các nội dung chủ yếu như: Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện các nhiệm vụ BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH); giám sát và phản biện xã hội về BVMT; xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình điểm...

Ban Thường trực UBTWMTTQVN đã chỉ đạo triển khai xây dựng các mô hình điểm Khu dân cư BVMT, hiện đã được nhân rộng tại các địa phương và trong cả nước. Kết quả, 63/63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng như: “Lồng ghép nhiệm vụ BVMT và ứng phó với BĐKH” trong Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Khu dân cư tự quản BVMT” gắn với cuộc

vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Khu dân cư thực hiện hài hòa giảm nghèo bền vững và BVMT” gắn với nhiệm vụ ứng phó với BĐKH. Hiện đang duy trì, xây mới và nhân rộng mô hình điểm “Vận động nhân dân ở khu dân cư thực hiện tang văn minh, tiến bộ và BVMT”; xây dựng điểm và nhân rộng mô hình thu gom, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn... Bên cạnh đó, Ban Thường trực UBTWMTTQVN, Bộ TN&MT cùng 40 tổ chức tôn giáo trong cả nước đã ký Chương trình phối hợp phát huy vai trò các tôn giáo tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH (giai đoạn 2015 - 2020) với 5 nội dung và 7 mục tiêu, giải pháp cụ thể. Trên cơ sở đó, đến nay, cả nước đã có trên 2.000 mô hình thuộc 43 tổ chức tôn giáo tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Những nội dung của công tác BVMT đã được Ban Công tác Mặt trận hướng dẫn lồng ghép vào các chương trình, dự án, phong trào, cuộc vận động ở khu dân cư, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân và thành viên cùng tham gia. Nhiều nội dung của công tác BVMT đã được UBTWMTTQVN các cấp phối hợp với chính quyền, đoàn thể nhân dân tuyên truyền rộng rãi đến từng đoàn viên, hội viên, hộ gia đình và mỗi người dân như: trồng rừng, bảo vệ vườn, rừng

cây xanh; giữ gìn nguồn nước; thu gom và xử lý rác thải; sử dụng đúng quy trình thuốc bảo vệ thực vật; xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen nếp sống thiếu vệ sinh; quan tâm bảo vệ giữ gìn, tôn tạo cảnh quan văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh... Từ những mô hình trên, đã có nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động thiết thực về BVMT được hình thành ở các địa bàn dân cư. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền về nội dung BVMT được duy trì thường xuyên, có tác dụng tích cực, tạo thành phong trào trên địa bàn, giúp người dân xây dựng “thói quen tốt” về BVMT. Người dân đã nêu cao ý thức, trách nhiệm hơn trong giám sát việc BVMT của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong quá trình triển khai các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn khu dân cư... Từ hiệu quả thực tiễn, các mô hình điểm đã được nhân rộng ra nhiều địa phương, tạo thành phong trào thi đua và góp phần nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và hiệu quả các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Mới đây, Ban thường trực UBTWMTTQVN cũng đã phối hợp với Bộ TN&MT tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình phối hợp tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH cho hơn 100 đại biểu là cán bộ Mặt trận, TN&MT các cấp đến từ 9 tỉnh,



▲ Hội nghị tập huấn triển khai Chương trình phối hợp tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH năm 2022 tại tỉnh Hà Tĩnh, ngày 20/5/2022

thành phố gồm Hà Tĩnh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa - Thiên Huế, TP. Đà Nẵng, Quảng Nam và kết nối trực tuyến đến 40 Sở TN&MT của các tỉnh trên cả nước. Tại Hội nghị, các đại biểu được lắng nghe, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm từ các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý từ các cơ quan của Bộ TN&MT và các Sở TN&MT, các đại biểu Mặt trận các cấp, nhất là đại biểu ở khu dân cư với những kinh nghiệm, cách làm rất cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Trong đó, các đại biểu tập trung cụ thể hóa 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã được thống nhất đề ra trong Chương trình phối hợp giữa Ban Thường trực UB TWMTTQVN và Bộ TN&MT, như: Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức; xây dựng mới và nhân rộng các mô hình, điển hình; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp phối hợp; Phát huy vai trò của MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội trong đề xuất, phản biện xã hội, góp ý xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý; Phát huy vai trò giám sát của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội đối với trách nhiệm của các cấp chính quyền và cơ quan chức năng...

CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI, TẬP HỢP Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ BVMT

Trong thời gian qua, Ban Thường trực UB TWMTTQ Việt Nam cùng Bộ TN&MT đã phối hợp với các cơ quan liên quan chủ trì, tổ chức các chương trình giám sát về khai thác tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH; việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về công tác quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, rác thải nhựa trong sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, làng nghề, hộ gia đình và cộng đồng dân cư; các văn bản việc thực hiện chính sách, pháp

luật về BVMT và ứng phó với BĐKH; giám sát qua báo chí, ý kiến, kiến nghị của nhân dân về thực hiện chính sách, pháp luật BVMT tại một số tỉnh, thành phố như Hải Dương, Lào Cai, Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Đồng Nai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Thọ, Thanh Hóa... Cùng với đó, hướng dẫn UB TWMTTQVN các cấp, nhất là cấp xã thực hiện rà soát tại những nhà máy, cơ sở sản xuất có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường ở xã, phường, thị trấn, báo cáo lên cấp trên để tổng hợp, xem xét, giám sát. Ban Thường trực UB TWMTTQVN các cấp đã triển khai 2.550 cuộc giám sát, thường xuyên tập hợp ý kiến của nhân dân trên lĩnh vực tài nguyên, môi trường để phản ánh đến các cơ quan Đảng, chính quyền, báo cáo tại các kỳ họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Hoạt động giám sát của MTTQVN các cấp đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp, đã huy động được nguồn lực của địa phương, có sự phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên và nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện. Sau giám

sát, MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội đã kịp thời có báo cáo, kiến nghị cụ thể, xác đáng gửi các cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo khắc phục những hạn chế, bất cập, đồng thời rà soát hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Đặc biệt, UB TWMTTQ các cấp đã tham gia phản biện, góp ý kiến vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT như: Luật BVMT năm 2020; Dự thảo Luật Khí tượng thủy văn và nhiều văn bản dưới luật... Đồng thời, thường xuyên tổ chức tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân về quản lý tài nguyên, ứng phó với BĐKH, BVMT để báo cáo trước các kỳ họp Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; cùng với cấp ủy, chính quyền tổ chức đối thoại với nhân dân những nội dung có liên quan đến quản lý tài nguyên, BVMT, ứng phó với BĐKH. Qua đối thoại và những kiến nghị của Mặt trận, đã góp phần giải quyết những vướng mắc, nêu bật nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và BVMT như các dự án khai thác đá, khai thác titan, khai thác cát sỏi, ô nhiễm ở một số nhà máy, khu công nghiệp, làng nghề...

MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Từ những kết quả đã đạt được, để tiếp tục triển khai ngày càng hiệu quả công tác BVMT và ứng phó với BĐKH trong năm 2022 và các năm tiếp theo, UBTWMTTQ sẽ tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BVMT; Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, việc chấp hành Luật BVMT năm 2020. Tiếp tục cụ thể hóa các nhiệm vụ đã được xác định trong các chương trình phối hợp giữa UBTWMTTQ với các tổ chức thành viên và Bộ TN&MT về quản lý tài nguyên, ứng phó với BĐKH và BVMT.

Hai là, tiếp tục tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đoàn viên, hội viên, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, tổ chức tôn giáo về quản lý tài nguyên thiên nhiên, BVMT và ứng phó với BĐKH; không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa dùng một lần; sản xuất, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường; sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên đến các cấp, ngành, tổ chức đoàn thể, cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân.

Ba là, UBTWMTTQ các cấp và Ban Công tác Mặt trận khu dân cư tiếp tục vận động nhân dân thực hiện và nhân rộng các mô hình có hiệu quả BVMT, quản lý tài nguyên, ứng phó với BĐKH; Tập trung xây dựng Đề án và triển khai trong toàn quốc mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn ở cộng đồng dân cư; Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thành viên, các tổ chức tôn giáo nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân tham gia BVMT” góp phần xây dựng diện mạo khu dân cư nông thôn mới, đô thị văn minh Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, khu dân cư tiêu biểu, hộ gia đình văn hóa. Đồng thời, duy trì tổ chức ký cam kết đến từng hộ gia đình, từng khu dân cư về BVMT, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của công tác BVMT.

Bốn là, tăng cường phối hợp với ngành TN&MT và các cơ quan chức năng trong công tác giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật BVMT, nhất là những vụ việc, địa bàn nhân dân có nhiều bức xúc; tham gia phản biện, xây dựng, góp ý kiến vào dự thảo các văn bản pháp luật về lĩnh vực tài nguyên, môi trường, các quy hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ BVMT, phát triển bền vững; tổ chức tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân về lĩnh vực tài nguyên, môi trường phản ánh đến lãnh đạo Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền các cấp; phối hợp khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân về chất lượng môi trường sống hàng năm...■

TẬP HUẤN CHO ĐỘI NGŨ NHÀ BÁO, PHÓNG VIÊN, BIÊN TẬP VIÊN, CÁN BỘ TUYÊN TRUYỀN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Nhằm giới thiệu những quy định mới về BVMT không khí trong Luật BVMT năm 2020, qua đó tham vấn, đề xuất giải pháp để phát huy hơn nữa vai trò của báo chí trong công tác tuyên truyền về BVMT không khí, ngày 23/8/2022, tại Vĩnh Phúc, Tổng cục Môi trường đã tổ chức Hội nghị tập huấn cho đội ngũ nhà báo, phóng viên, biên tập viên, cán bộ tuyên truyền về BVMT không khí. Tham dự Hội nghị có đại diện Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Tổng cục Môi trường; đại diện Lãnh đạo Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc; Các chuyên gia, nhà quản lý cùng 40 phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, ông Lê Hoài Nam, Vụ trưởng Vụ Quản lý chất lượng môi trường, Tổng cục Môi trường cho biết, ô nhiễm môi trường không khí (MTKK) đang là vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm, những quy định về BVMT không khí trong Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ đã đáp ứng được yêu cầu cấp bách về BVMT không khí trong giai đoạn hiện nay. Với quan điểm quản lý chất lượng MTKK phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1973/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng MTKK giai đoạn 2021 - 2025, trong đó giao Bộ TN&MT chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý MTKK cấp tỉnh, đồng thời bổ sung, sửa đổi các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan đến MTKK; Tăng cường đầu tư cho hoạt động quan trắc MTKK tại các đô thị lớn và thông tin cảnh báo chất lượng không khí tới người dân, cộng đồng... Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ TN&MT thường xuyên tổng hợp các kết quả quan trắc, đánh giá chất lượng không khí, đưa ra cảnh báo, khuyến nghị và đăng tải chính thức trên website của Tổng cục Môi trường tại địa chỉ vea.gov.vn để phục vụ công tác chuyên môn về giảm thiểu tác hại của ô nhiễm MTKK đến sức khỏe cộng đồng. Bên cạnh đó, Bộ TN&MT cũng tích cực phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về BVMT nói chung, BVMT không khí nói riêng với nhiều hình thức đa dạng, hướng tới nhiều nhóm đối tượng khác nhau.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tập trung trao đổi, thảo luận xoay quanh một số nội dung được xã hội quan tâm như: Các quy định về BVMT không khí tại Việt Nam; Hiện trạng MTKK tại một số đô thị; Tác động của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người - Nguyên nhân và giải pháp; Đẩy mạnh công tác truyền thông về BVMT không khí... Đồng thời, Hội nghị cũng là dịp để các nhà báo, cán bộ tuyên truyền viên chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong quá trình tác nghiệp tại hiện trường; vai trò của báo chí trong công tác tuyên truyền, phản ánh thông tin đa chiều về các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến BVMT, nhất là MTKK... từ đó đề xuất, tham vấn các giải pháp, cách làm để tăng cường hơn nữa chất lượng, hiệu quả tuyên truyền về BVMT không khí thông qua các hoạt động báo chí.

GIA LINH

Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường

NGUYỄN QUANG VINH - Phó Chủ tịch chuyên trách Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Trong bối cảnh vận hành của nền kinh tế dựa trên cơ sở thể chế kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng, doanh nghiệp (DN) được xác định không chỉ là nòng cốt tạo ra sản phẩm cho xã hội, mà còn có vai trò quan trọng góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, DN thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng góp vào ngân sách quốc gia cũng như của địa phương nơi DN hoạt động; giúp tạo ra công ăn việc làm, sinh kế bền vững cho cộng đồng; cũng như góp phần BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học... Tại những khu vực có yếu tố địa chính trị quan trọng như các vùng sâu, vùng xa, khu vực hải đảo, biên giới, sự có mặt của DN với những mô hình inclusive business (kinh doanh cùng người thu nhập thấp), có tính bao trùm còn giúp ổn định an sinh xã hội nơi “phên dậu” của tổ quốc và đặc biệt góp phần ổn định an ninh quốc phòng của quốc gia.

Xét riêng về khía cạnh môi trường, việc huy động DN tham gia vào công tác BVMT là yếu tố đặc biệt quan trọng, quyết định sự thành công của các chiến lược, mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu hiện nay. Tuy nhiên, quá trình tăng trưởng nhanh cùng với cơ cấu kinh tế chưa hoàn thiện cũng đã và đang bộc lộ những thách thức đối với công tác BVMT.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DN VIỆT NAM VÀ THÁCH THỨC ĐẶT RA VỚI CÔNG TÁC BVMT

Chương trình Nghị sự 2030 của Liên hợp quốc với 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) được thông qua ngày 15/9/2015 đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của DN trong việc thực hiện 17 SDGs bên cạnh vai trò của Chính phủ và các tổ chức. Để thực hiện thành công các cam kết mạnh mẽ của Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc lần thứ 21 (COP 21) và lần thứ 26 (COP 26) cũng không thể thiếu vai trò quan trọng của DN. Các chiến lược quốc gia, văn bản pháp luật của

Việt Nam về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cũng luôn nhấn mạnh vai trò của cộng đồng DN. BVMT là một trong ba trụ cột chính (Kinh tế - Môi trường - Xã hội) của phát triển bền vững DN nói riêng và phát triển bền vững của đất nước nói chung.

Việt Nam được các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước đánh giá là quốc gia có các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng nhanh và hội nhập mạnh mẽ với khu vực và thế giới với hàng loạt cam kết quốc tế về môi trường, đặc biệt trong nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới được ký kết, trong đó có các quy định, yêu cầu về môi trường đối với sản phẩm xuất khẩu của các DN Việt Nam. Yêu cầu thực hiện các cam kết môi trường này cũng đã được thể chế hóa thông qua văn bản chính sách, pháp luật của Việt Nam. Điều này yêu cầu các bên liên quan phải thực hiện, trong đó có DN.

Tại Việt Nam, theo tổng điều tra kinh tế năm 2021, tính đến 31/12/2020 cả nước có 683,6 nghìn DN đang hoạt động, kinh doanh với tổng số lao động là 14,7 triệu người, tăng 35,3% về số DN và 4,7% về số lao động so với năm 2016. Như vậy, cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong những năm vừa qua, mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 trong các năm 2020 và 2021, số lượng DN vẫn

có những tăng trưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, quá trình tăng trưởng nhanh cùng với cơ cấu kinh tế chưa hoàn thiện cũng đã bộc lộ những thách thức đối với công tác BVMT. Bên cạnh những nỗ lực, kết quả đạt được, công tác BVMT của DN vẫn còn nhiều tồn tại như tình trạng DN khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên quá mức; nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng tăng; xả thải, ô nhiễm môi trường làm giảm chất lượng môi trường, làm suy giảm mạnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hệ sinh thái và đa dạng sinh học... Mặt khác, biến đổi khí hậu toàn cầu đã và đang tạo nên những hình thái thời tiết cực đoan và gây ra nhiều hệ lụy, tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN.

CÔNG TÁC BVMT TẠI DN

DN BVMT, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, do đó, cần phải tuân thủ chính sách, pháp luật về BVMT trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc tuân thủ sẽ đảm bảo cho DN không gặp những vấn đề về mặt pháp lý và duy trì liên tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hơn nữa, việc tuân thủ cũng góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động của DN, đảm bảo sản phẩm, dịch vụ của DN đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của người mua về vấn đề môi trường, tạo ra những cơ hội kinh doanh mới cho các DN. Điều này đã được minh chứng cụ thể trong những năm vừa qua ở Việt Nam và trên thế giới. Với sự quản lý, giám sát

của các cơ quan Nhà nước, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, công tác BVMT của cộng đồng DN Việt Nam trong thời gian vừa qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Đối với nhóm DN lớn trong nước: Đây là những DN được tổ chức và vận hành bài bản, có tầm nhìn và sứ mệnh gắn với các vấn đề về môi trường và xã hội. Với tiềm lực tài chính lớn, các DN thuộc nhóm này tuân thủ tốt vấn đề tuân thủ chính sách pháp luật và có những chương trình, sáng kiến vượt lên trên mức độ tuân thủ, được triển khai trong nội bộ DN và trong cộng đồng. Đây là nhóm DN tiêu biểu, là hình mẫu trong công tác BVMT.

Với nhóm DN có vốn đầu tư nước ngoài: Việc thực hiện các vấn đề môi trường và các chương trình sáng kiến khác có liên quan thường được quy định ở công ty mẹ trên cấp độ toàn cầu, các công ty con hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam ngoài việc tuân thủ chính sách pháp luật về môi trường ở nước sở tại cũng phải triển khai nghiêm túc các chính sách, quy định toàn cầu từ công ty mẹ. Với các cam kết ràng buộc ở cấp độ toàn cầu này nên có thể nói phần lớn nhóm DN có vốn đầu tư nước ngoài có kết quả tốt trong công tác BVMT.

Về nhóm DN trong nước sản xuất hàng xuất khẩu: Hàng rào kỹ thuật về môi trường, các sản phẩm xuất khẩu thân thiện với môi trường là yêu cầu, quy định bắt buộc của các nước nhập khẩu đối với những sản phẩm xuất xứ từ Việt Nam trong những năm gần đây. Để đáp ứng những yêu cầu, quy định này, các DN xuất khẩu của Việt Nam đã và đang từng bước đáp ứng thông qua việc truy xuất nguồn gốc hàng hóa, đạt được những giấy chứng nhận về BVMT và thực hiện kiểm toán môi trường một cách tự nguyện. Nhóm DN này thường có công tác BVMT tốt.

Đối với nhóm DN còn lại, bao gồm các DN nhỏ và vừa, các DN siêu nhỏ: Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm DN này gắn liền với tuân thủ các chính sách pháp luật về BVMT với sự giám sát, quản lý bởi các cơ quan chức năng có liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, những kết quả khả quan, công tác BVMT của DN còn tồn tại một số hạn chế như: Số lượng DN tăng trưởng nhanh, mức độ đô thị hóa và công nghiệp hóa cao dẫn tới khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên ồ ạt, lãng phí và thiếu kiểm soát, ảnh hưởng tới các hệ sinh thái và đa dạng sinh học, phát sinh nhiều nguồn gây ô nhiễm, chất thải, phát thải ngày càng tăng về thành phần và khối lượng; Còn một số DN tập trung vào các lợi ích kinh tế trước mắt, chưa thực sự quan tâm, chú trọng tới vấn đề BVMT trong khi vấn đề môi trường là một trong những



▲ Ông Nguyễn Quang Vinh (ngoài cùng bên trái) tham gia trồng cây trong Chương trình “Vì một Việt Nam không rác thải” do Coca-Cola Việt Nam tổ chức tại Đà Nẵng, tháng 8/2022

trụ cột quan trọng của phát triển bền vững DN; Hoạt động BVMT còn mang tính đối phó; Việc sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu trong sản xuất kinh doanh góp phần ảnh hưởng xấu tới môi trường.

Bên cạnh đó, nhiều sự cố môi trường nghiêm trọng, do chưa tuân thủ hay cố tình chưa tuân thủ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của DN đã xảy ra. Điều này gây ra các ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, an ninh trật tự và xã hội, mất nhiều thời gian, nguồn lực để khắc phục hậu quả. Công việc ứng phó, chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu của DN còn nhiều hạn chế; các mô hình kinh doanh, sản phẩm thân thiện với môi trường chưa được phổ biến rộng rãi.

CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DN THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC BVMT

Từ năm 2022, Luật BVMT năm 2020 bắt đầu được thực thi với nhiều điểm mới mang tính đột phá, đề cao vai trò người dân, DN là vị trí trung tâm đối với hoạt động BVMT. Luật BVMT năm 2020 đã xác định cộng đồng DN là nhân tố đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp BVMT. Việc

thực hiện tốt công tác BVMT không chỉ là trách nhiệm của DN mà còn giúp DN nâng cao khả năng cạnh tranh, thâm nhập thị trường quốc tế và đảm bảo phát triển bền vững. Phát huy được vai trò của các DN trong công tác BVMT chính là giải pháp then chốt nhằm giải quyết các áp lực về môi trường hiện nay. Căn cứ trên Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2045 được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 13 vừa qua có thể thấy rằng, một lần nữa, Việt Nam khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình phát triển này đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự công bằng của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và điều này trở thành định hướng để Luật quy định trách nhiệm, chuyển đổi vai trò của Nhà nước sang vai trò trung tâm của DN và người dân. Do đó, hỗ trợ DN thực hiện tốt công tác BVMT cần được thực hiện một cách xuyên suốt, đồng bộ từ Trung ương tới địa phương, các bên liên quan và từ cam kết của chính DN. Để làm được điều này, trong thời gian tới, cần triển khai các nội dung:

(Xem tiếp trang 40)

Thanh niên Việt Nam phát huy vai trò xung kích bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

NGUYỄN THỊ THU VÂN

Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Thanh niên Nông thôn
Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi cho thanh, thiếu niên nói riêng, nhân dân nói chung trong BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), ngày 17/7/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 894/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đoàn Thanh niên Cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH giai đoạn 2019 - 2022”, giao Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án. Sau 3 năm thực hiện, đến nay, Đề án đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần chung tay vào công cuộc BVMT của cả nước.

TĂNG CƯỜNG PHỐI HỢP

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã ban hành Kế hoạch số 236-KH/TWĐTN-TNNT ngày 11/3/2020 về việc triển khai Đề án “Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH giai đoạn 2019 - 2022”; Kế hoạch số 304-KH/TWĐTN-TNNT ngày 16/9/2020 về tổ chức Cuộc thi “Hành trình thứ 2 của hạt”; Kế hoạch số 309-KH/TWĐTN-TNNT ngày 29/9/2020 về tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức BVMT, ứng phó với BĐKH năm 2020. Năm 2021, Trung ương Đoàn tiếp tục ban hành các Kế hoạch: Số 386-KH/TWĐTN-TNNT ngày 2/6/2021 về việc tổ chức Hội nghị tập huấn trực tuyến cho các đội thanh niên tình nguyện ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý môi trường; số 379-KH/TWĐTN-TNNT ngày 29/4/2021 về việc phối hợp với Chương trình Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) tổ chức “Cuộc thi Thanh niên sáng tạo vì khí hậu”; số 389-KH/TWĐTN-VP ngày 25/6/2021 về việc tổ chức Chương trình “Triệu cây xanh - Vì một Việt Nam xanh” năm 2021; số 400a - KH/TWĐTN-TNNT triển khai Chương trình “Vì một Việt Nam xanh” giai đoạn 2018 - 2022 và giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính Phủ. Cùng với đó là các hướng dẫn: Số 18-HD/TNNT ngày 1/3/2019 về triển khai một số nội dung trọng tâm của Chương trình BVMT năm 2019; số 46-HD/TWĐTN-TNNT ngày 31/3/2020 về xây dựng mô hình cộng đồng hành động phòng chống rác thải nhựa; số 78-HD/TWĐTN-TNNT ngày 31/3/2022 về triển khai những nội dung trọng tâm của Chương trình BVMT, ứng phó với BĐKH năm 2022.

Ngoài ra, hàng năm, Ban Bí thư Trung ương Đoàn duy trì thực hiện hiệu quả hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh”, trồng cây chào mừng các sự kiện, ngày lễ quan trọng về môi trường; đưa nội dung BVMT, ứng phó với BĐKH, trồng và chăm sóc cây xanh trở thành tiêu chí đánh giá thi đua của các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc. Chỉ đạo các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc, cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của Đoàn đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức nhiều hoạt động BVMT thiết thực như: Tết trồng cây, Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Tháng Thanh niên, Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè; phát hiện, giới thiệu, tuyên truyền mô hình hay, cách làm sáng tạo trong BVMT...

Về phía các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc, hàng năm đều xây dựng kế hoạch và chủ động phối hợp với Sở TN&MT, Sở NN&PTNT tỉnh đề xuất các hoạt động thực hiện Đề án đã được phê duyệt; phối hợp chặt chẽ với ngành

TN&MT của tỉnh tham mưu kế hoạch triển khai các nội dung của Đề án đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn; chủ động tham mưu Đề án Đoàn Thanh niên tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH cấp tỉnh để UBND các tỉnh ban hành... Kết quả, đã tham mưu ban hành 18 đề án cấp tỉnh, 29 kế hoạch, 33 hướng dẫn và hơn 670 văn bản khác.

ĐA DẠNG CÁC HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

Hàng năm, 100% các cấp bộ đoàn đảm bảo tuyên truyền kịp thời tới thanh, thiếu nhi cũng như người dân về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVMT, ứng phó BĐKH; ý nghĩa của việc BVMT, từ đó đưa ra thông điệp cho thế hệ trẻ; vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đoàn, đoàn viên, thanh niên trong công tác BVMT, ứng phó với BĐKH; vận động người dân thay đổi phương thức sản xuất, tập quán du canh, du cư, đốt rừng làm rẫy, sử dụng thuốc trừ sâu quá liều lượng, nổ mìn đánh bắt hải sản. Đồng thời, biểu dương, nhân rộng mô hình mới, cách làm sáng tạo,



▲ Hội nghị Tổng kết thực hiện Đề án “Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH giai đoạn 2019 - 2022” diễn ra ngày 19/7/2022, tại Hà Nội

những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác BVMT, ứng phó với BĐKH.

Tuyên truyền trực quan

Các cấp bộ đoàn thiết kế, sử dụng hệ thống băng rôn, khẩu hiệu, tờ rơi tuyên truyền trực quan tại các tuyến đường, thôn, xóm địa phương nơi mình sinh sống và đẩy mạnh việc tuyên truyền trực quan thông qua biên tập, phát hành tài liệu sinh hoạt chi đoàn - chi hội - chi đội, lồng ghép vào hoạt động thanh, thiếu nhi và sự kiện của địa phương. Trong giai đoạn 2019 - 2022, toàn Đoàn đã triển khai 272.580 băng rôn, khẩu hiệu; 72.180 tờ rơi nội dung về BVMT, ứng phó với BĐKH.

Tuyên truyền trên báo chí, phát thanh, truyền hình

Các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của địa phương đăng tải thông tin về hoạt động ứng phó với BĐKH, BVMT của đoàn viên, thanh, thiếu nhi; biên tập, đăng tải các bài viết tuyên truyền trên hệ thống website, bản tin thanh niên, hệ thống đài phát thanh của xã, phường, thị trấn. Đồng thời, xây dựng các chuyên mục dài kỳ, phóng sự truyền hình, viết tin, bài phản ánh về hoạt động tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH của thanh niên trên hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương; tổ chức các chương trình truyền hình thực tế, truyền hình tương tác về BVMT giữa đoàn viên, thanh niên, người dân. Kết quả, các cấp bộ đoàn đã triển khai 60.213 bài phát thanh trên loa xã, phường, thị trấn; phối hợp xây dựng 101.500 phóng sự trên các kênh truyền hình địa phương.

Trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông hiện đại

Xây dựng bộ sản phẩm tuyên truyền hiện đại infographic về BVMT, ứng phó với BĐKH hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của thanh niên và nhân dân

thông qua hệ thống mạng internet, facebook, zalo; xây dựng bộ khung ảnh đại diện sử dụng chung trên facebook cho toàn Đoàn nhân ngày diễn ra sự kiện quan trọng liên quan đến môi trường. Tính trong giai đoạn 2019 - 2022, Trung ương Đoàn đã xây dựng và ban hành 200 bộ infographic triển khai đồng bộ trong toàn Đoàn. Cùng với đó, xây dựng, đưa vào vận hành các ứng dụng phần mềm tra cứu thông tin về môi trường, thông tin cảnh báo thiên tai, giải pháp, công nghệ BVMT... qua mạng xã hội, mạng điện thoại di động.

Thông qua tổ chức các chiến dịch, diễn đàn, tọa đàm, cuộc thi, liên hoan

Hàng năm, Trung ương Đoàn tổ chức phát động, triển khai Chiến dịch truyền thông BVMT, ứng phó với BĐKH hưởng ứng các sự kiện về môi trường như: Ngày Chủ nhật xanh, Chương trình Vì một Việt Nam xanh, Tết trồng cây, Giờ Trái đất, Ngày Môi trường thế giới, Ngày quốc tế đa dạng sinh học, Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam, Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Ngày Quốc tế bảo vệ tầng ôzôn, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn,

Chiến dịch Hãy làm sạch biển... Cùng với đó, Trung ương Đoàn tổ chức các cuộc thi, mini game cung cấp kiến thức về BVMT, ứng phó với BĐKH, triển khai đồng loạt tại các cấp bộ Đoàn; giáo dục ý thức BVMT trong thiếu nhi thông qua hình thức thi vẽ tranh, sáng tác thơ văn về môi trường; hoạt động giáo dục trong nhà trường về bảo vệ nguồn nước sạch, bỏ rác đúng nơi quy định, trồng và chăm sóc cây xanh...

Ngoài ra, hàng năm, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với ngành TN&MT tổ chức nhiều hội nghị, tập huấn để cung cấp tài liệu liên quan đến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVMT, ứng phó với BĐKH cho đội ngũ tuyên truyền viên; diễn tập cho thành viên đội tình nguyện mùa bão lũ và đoàn viên, thanh niên kiến thức, kỹ năng tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với BĐKH, khắc phục hậu quả thiên tai; mời giảng viên có trình độ, chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng truyền thông để tham gia giảng bài tại các hội nghị, tập huấn. Đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tham quan thực tế mô hình tiêu biểu, cách làm sáng tạo trong công tác BVMT, ứng phó với BĐKH... Giai đoạn 2019 - 2022, Trung ương Đoàn đã tổ chức trên 30 lớp tập huấn diễn tập kỹ năng tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ thông qua 2 hình thức trực tuyến, trực tiếp cho gần 1 triệu đoàn viên, thanh niên và thành lập trên 700 đội thanh niên tình nguyện ứng dụng công nghệ sinh học trong BVMT cấp huyện, thu hút 14.500 đội viên đội tình nguyện cùng 1 mạng lưới

thanh niên xung kích phòng, chống thiên tai, với hơn 10.000 cán bộ Đoàn cơ sở tham gia.

Các tỉnh, thành đoàn, đoàn trực thuộc tổ chức các khóa đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên nòng cốt của các đội thanh niên tình nguyện BVMT, đội ngũ tuyên truyền viên, tình nguyện viên. Nội dung tập huấn được đổi mới thường xuyên, phù hợp với tình hình BĐKH, nhu cầu của thanh niên hiện nay theo từng chuyên đề, từng lĩnh vực, giúp trang bị kiến thức cơ bản về môi trường như: Luật BVMT, Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020 của Chính phủ và các văn bản quy định về môi trường; thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam... Tính đến nay, các cấp bộ Đoàn đã tổ chức được 8.028 lớp tập huấn cho 680.235 đoàn viên, thanh niên.

THỰC HIỆN NHIỀU MÔ HÌNH HAY, CÁCH LÀM SÁNG TẠO

Nhiều công trình BVMT, mô hình sáng tạo khởi nghiệp xanh trong đoàn viên, thanh niên, mô hình sản xuất, kinh doanh sạch được xây dựng và nhân rộng. Trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, các tổ chức Đoàn cơ sở đã thành lập, đưa vào vận hành 367 mô hình chợ dân sinh hạn chế rác thải nhựa; 211 mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa. Bên cạnh đó, 162 sân chơi được làm từ lốp xe tái chế, 390.608 vườn ươm được triển khai ở cấp xã để cung cấp cây xanh, tạo nguồn thu cho các hoạt động của Đoàn cơ sở. Đoàn Thanh niên các cấp cũng tập trung hỗ trợ ý tưởng, mô hình khởi nghiệp, lập nghiệp của thanh niên trong lĩnh vực BVMT như: Mô hình thu gom, xử lý, tái chế rác thải, mô hình sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường thông qua các cuộc thi, dự án khởi nghiệp thanh niên nông thôn; hỗ trợ tư vấn công nghệ chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật; hỗ trợ vốn vay; giới thiệu các chuyên gia trực tiếp tư vấn về mô hình khởi nghiệp trong lĩnh vực BVMT... Năm 2020, Trung ương Đoàn đã tổ chức tập huấn hướng dẫn mô hình khởi nghiệp từ các sản phẩm tái chế, sản phẩm chế biến từ rác hữu cơ, sản phẩm hữu cơ sử dụng công nghệ vi sinh cho 7.500 đoàn viên, thanh niên có nhu cầu khởi nghiệp trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, triển khai nhiệm vụ hướng dẫn thành lập, duy trì hoạt động của các đội hình thanh niên xung kích tham gia làm sạch bờ biển; thanh niên tình nguyện chuyên sâu phòng chống thiên tai, hỗ trợ người dân xử lý sự cố môi trường; xây dựng câu lạc bộ Thanh niên tình nguyện về BVMT... Các cấp bộ Đoàn đã thành lập được 32.478 đội hình thanh niên tình nguyện

BVMT, ứng phó với BĐKH với trên 827.264 đoàn viên, thanh niên tham gia. Toàn Đoàn đã triển khai hiệu quả Chương trình “Vì một Việt Nam xanh” với nhiều giải pháp sáng tạo, mang lại hiệu quả cao như: Trồng cây đồng loạt trên toàn quốc, xây dựng quỹ cây xanh, tìm giải pháp cung cấp nguồn cây giống; mô hình trồng cây chắn sóng, sạt lở, vườn cây sinh kế, rừng cây, đường hoa thanh niên; tổ chức cho đoàn viên, thanh niên trồng, bảo vệ, chăm sóc rừng ngập mặn, rừng chắn sóng ở các tỉnh ven biển khu vực vịnh Bắc bộ, các tỉnh ven biển miền Trung, khu vực rừng ngập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long; trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng đầu nguồn ở các tỉnh miền núi phía Bắc, khu vực vùng núi miền Trung và Tây Nguyên... Kết quả, các cấp bộ Đoàn đã trồng được 39.946.012 cây xanh; xây dựng mới 23.118 nhà tiêu hợp vệ sinh, thu gom hàng triệu tấn rác thải; thành lập 25.874 đội hình thanh niên tình nguyện BVMT các cấp với 395.776 thanh niên tham gia; thực hiện 14.242 công trình thanh niên BVMT, ứng phó với BĐKH; 1.052 nhà tránh lũ cho các hộ nghèo, 94.831 chi đoàn dân cư đăng ký triển khai thực hiện “Tuyến đường Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp.

Để đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng của các mô hình nêu trên, các cấp bộ Đoàn luôn chú trọng tới khâu kiểm tra, giám sát với việc xây dựng Chương trình kiểm tra, giám sát, phối hợp với các ngành chức năng tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ, đột xuất hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao do đoàn viên,

thanh niên làm chủ; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về BVMT. Giai đoạn 2019 đến nay, Đoàn cấp xã đã triển khai 18.220 hoạt động giám sát, tố giác hành vi vi phạm môi trường với sự tham gia của 224.827 thanh niên. Mặt khác, các cấp bộ Đoàn còn quan tâm đến công tác biểu dương, tuyên dương, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác BVMT, ứng phó với BĐKH dưới nhiều hình thức như tuyên dương thanh niên tiêu biểu cấp tỉnh, thành phố; giới thiệu cá nhân tiêu biểu tham gia các giải thưởng do Trung ương Đoàn tổ chức, qua đó góp phần cổ vũ, khích lệ tinh thần, ý thức của đoàn viên, thanh niên nói riêng, cộng đồng nói chung trong giữ gìn, bảo vệ TN&MT.

Với những kết quả như trên, có thể nói, Đề án “Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH giai đoạn 2019 - 2022” đã góp phần giúp cho thanh, thiếu nhi và cộng đồng hiểu rõ lợi ích của BVMT, ứng phó với BĐKH. Việc tổ chức các hoạt động tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH phần nào làm đa dạng hóa các hoạt động, tiếp tục tạo sự chuyển biến về chất lượng tổ chức của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, tăng cường sức mạnh đoàn kết, tập hợp thanh niên. Tính liên kết trong tổ chức giữa tổ chức Đoàn các cấp với ngành TN&MT, chính quyền địa phương từng bước được hình thành thông qua các chương trình phối hợp cụ thể. Ngoài ra, thành công của Đề án còn góp phần thực hiện hiệu quả nội dung của Chiến lược BVMT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030■

Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường

Thiếu tướng, TS. TRẦN MINH LỆ - Cục trưởng
Trung tá, ThS. NGÔ ĐỨC PHONG

Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Bộ Công an

Cùng với sự hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, ngày càng khẳng định vị thế trên trường quốc tế, tuy nhiên, biến đổi khí hậu (BĐKH) đang diễn biến theo chiều hướng phức tạp, khó lường, tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống xã hội, cùng với đó là sức ép của sự phát triển kinh tế - xã hội; tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (ATTP) đã làm cho chất lượng môi trường bị ảnh hưởng nặng nề, nguồn tài nguyên bị suy giảm nghiêm trọng, điều kiện vệ sinh ATTP không đảm bảo, gây ra nhiều bức xúc trong xã hội, hình thành một số điểm nóng về an ninh trật tự (ANTT). Vì vậy, công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật về BVMT có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng và cấp bách, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước. Đặc biệt, thực hiện Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 6/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, Đảng ủy Công an Trung ương, Lãnh đạo Bộ Công an rất coi trọng việc tổ chức lực lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm (PCTP), vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ĐẤU TRANH, XỬ LÝ TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG

Những năm qua, các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại, nước thải, hóa chất ở các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, khu đô thị, khu dân cư nông thôn, làng nghề... trên phạm vi cả nước diễn ra phổ biến, làm cho nguồn nước ở nhiều nơi bị ô nhiễm, dần khan hiếm và có nguy cơ mất an ninh, an toàn; môi trường đất bị ô nhiễm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, tình trạng hủy hoại rừng, khai thác lâm sản, khoáng sản, chuyển đổi đất nông nghiệp, lâm nghiệp trái pháp luật; nạn săn bắt, buôn bán trái phép động vật hoang dã, quý, hiếm làm suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên, một số loài dần cạn kiệt, có nguy cơ mất cân bằng sinh thái trên diện rộng; hành vi đưa chất thải vào Việt Nam bằng thủ đoạn trá hình dưới dạng đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, nhập khẩu nguyên liệu để đưa máy móc cũ, lạc hậu, chất thải công nghiệp, nguy hại xuyên quốc gia... tạo ra nguy cơ dịch chuyển ô nhiễm từ nước ngoài vào Việt Nam và phát sinh lượng chất thải, khí thải nguy hại, gây hiệu ứng nhà kính, là tác nhân chính của tình trạng BĐKH, ảnh hưởng đến việc thực

hiện các cam kết của Việt Nam về BVMT. Mặt khác, tội phạm, vi phạm pháp luật về ATTP diễn ra phức tạp, nhất là nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm chứa chất cấm, không đảm bảo an toàn cũng diễn ra thường xuyên... Thực trạng nêu trên không chỉ làm suy giảm chất lượng môi trường, mà còn gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sức khỏe con người, tiềm ẩn nguy cơ lớn đối với an ninh môi trường Việt Nam, ảnh hưởng trực tiếp đến các mục tiêu bảo đảm an ninh quốc gia và sự phát triển bền vững của đất nước.

Hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó xác định công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật về BVMT là nội dung trọng tâm, có vai trò, ý nghĩa rất

quan trọng, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước. Đặc biệt, thực hiện Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 6/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, Đảng ủy Công an Trung ương, Lãnh đạo Bộ Công an rất coi trọng việc tổ chức lực lượng đấu tranh PCTP, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP; tiếp tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và bố trí lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường ở 3 cấp: Cấp Bộ (Cục Cảnh sát PCTP về môi trường); cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát PCTP về môi trường) và cấp huyện (Bộ phận thực hiện chức năng, nhiệm vụ PCTP về môi trường Công an cấp huyện). Đây là lực lượng nòng cốt trên mặt trận PCTP và các vi phạm pháp luật, đảm



▲ Đơn vị nghiệp vụ của Cục Cảnh sát PCTP về môi trường kiểm tra, thu mẫu nước thải của một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, ngày 25/11/2021

bảo ANTT, an toàn xã hội (ATXH) trong lĩnh vực BVMT, tài nguyên, ATTP. Đây cũng là lực lượng tiên phong phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng liên quan, tranh thủ sự giúp đỡ của nhân dân để hoàn thành tốt nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về môi trường, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự ATXH và bảo vệ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đặc biệt, quán triệt quan điểm, mục tiêu, đường lối lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác BVMT và bảo đảm ANTT, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường đã kịp thời nắm bắt tình hình, thường xuyên nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Quốc hội, Chính phủ, kiến nghị với các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện các văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến công tác quản lý nhà nước về BVMT, tài nguyên và ATTP. Cùng với đó, kết hợp chặt chẽ giữa công tác nghiệp vụ với công tác phòng ngừa xã hội, tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, góp phần làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức về BVMT của các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân, qua đó đã phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong đấu tranh PCTP, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP; tăng cường biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý tội phạm vi phạm quy định của pháp luật về môi trường. Từ năm 2016 đến tháng 6/2022, lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường đã phát

hiện 156.328 vụ việc vi phạm của 173.010 đối tượng, trong đó khởi tố, đề nghị khởi tố 2.129 vụ, 3.147 đối tượng; xử phạt vi phạm hành chính 142.908 vụ, 149.459 đối tượng, số tiền xử phạt vi phạm hành chính trên 1.976 tỷ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PCTP và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP thời gian qua vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định: Công tác phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường với các ngành chức năng trong việc phân tích, đánh giá, dự báo tình hình trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa kịp thời, có lúc còn bị động trong nhận diện và tổ chức triển khai biện pháp xử lý, ứng phó với những tình huống phức tạp về môi trường; kết quả phát hiện, đấu tranh, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật ở một số lĩnh vực, địa bàn chưa tương xứng với thực trạng tình hình; tỷ lệ xử lý hình sự đối với các vi phạm pháp luật về môi trường còn thấp... Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống văn bản quy phạm

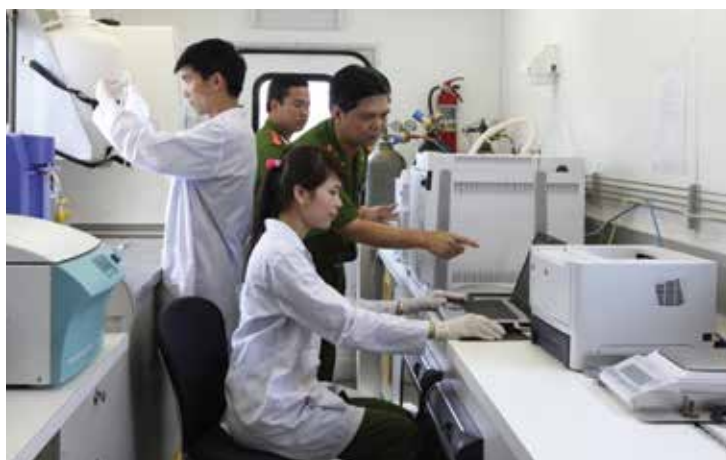
pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho công tác PCTP và vi phạm pháp luật về môi trường nói chung, cho hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường nói riêng thiếu đồng bộ, chưa cụ thể, chậm được sửa đổi, bổ sung, dẫn đến việc áp dụng vào thực tiễn lúng túng, chưa thực sự hiệu quả; công tác quản lý nhà nước về môi trường, tài nguyên, ATTP còn một số sơ hở, bất cập so với diễn biến tình hình thực tế, trong khi tội phạm ngày càng có nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi để đối phó.

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ TOÀN DIỆN CÁC MẶT CÔNG TÁC PCTP VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong những năm tới, dự báo hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song song với đó là những diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường, các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống sẽ tiếp tục gia tăng, trong đó nổi lên là vấn đề an ninh môi trường. Đáng chú ý, một số vấn đề an ninh môi trường có tính chất xuyên quốc gia rất phức tạp, hệ trọng, đòi hỏi các quốc gia phải cùng hợp tác, chia sẻ, nỗ lực tham gia vào các chương trình, kế hoạch, dự án ứng phó với mối đe dọa này. Dẫn chứng cụ thể, BĐKH, an ninh nguồn nước xuyên biên giới, môi trường biển, vận chuyển chất thải nguy hại xuyên quốc gia, nguy cơ từ các nhà máy điện hạt nhân của một số nước lân cận... Trong khi đó, ở trong nước, việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch ven biển tiềm ẩn những nguy cơ không nhỏ, có thể gây ra sự cố môi trường nghiêm trọng nếu không thực hiện tốt công tác phòng ngừa,

giám sát việc xử lý chất thải; những dự án đầu tư nước ngoài cũng có thể lợi dụng cơ chế mở cửa để nhập khẩu máy móc, công nghệ sản xuất cũ, lạc hậu, sử dụng năng lượng bị thải loại, đưa rác thải về nước để làm nguyên liệu sản xuất, gây tác động xấu tới môi trường. Ngoài ra, tình trạng khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản (cát, sỏi, đất, đá) làm vật liệu xây dựng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư do thiếu hụt nguồn cung vật liệu; quá trình triển khai các hiệp định thương mại tự do đồng thời cũng tạo ra những thách thức không nhỏ trong kiểm soát chất lượng hàng hóa, nguy cơ thẩm lậu hàng hóa thực phẩm kém chất lượng vào Việt Nam... Hơn nữa, trong điều kiện hệ thống pháp luật vẫn đang tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, sẽ có những sơ hở hoặc khoảng trống pháp lý mà các đối tượng có thể lợi dụng để thực hiện che giấu hành vi vi phạm. Thực tế cho thấy, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường sẽ ngày càng diễn biến phức tạp, xu hướng toàn cầu hóa đan xen lẫn nhau giữa tội phạm truyền thống và phi truyền thống, có yếu tố nước ngoài gia tăng, diễn biến phức tạp, thủ đoạn tinh vi, khó phát hiện... Thực trạng trên đặt ra yêu cầu lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường phải không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả trên toàn diện các mặt công tác để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Do vậy, để tăng cường công tác PCTP, bảo đảm ANTT, ATXH trong lĩnh vực môi trường, gắn với việc thực hiện Luật BVMT năm 2020, thời gian tới, lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo Bộ Công an về công tác BVMT, phát triển bền vững và PCTP về môi trường, tài nguyên, ATTP. Tập trung tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo các cấp chỉ đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Công an về đấu tranh PCTP, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 51-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia; Kết luận số 05-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTP trong tình hình mới”; Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững; Chiến lược BVMT quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm



▲ Cán bộ chiến sỹ Trung tâm Kiểm định môi trường, Cục Cảnh sát PCTP về môi trường kiểm định mẫu nước thải trên Trạm kiểm định di động

nhìn đến năm 2050... gắn với các chương trình phát triển kinh tế, xã hội, tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân vào công tác phòng ngừa, đấu tranh PCTP và các vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP.

Hai là, tiếp tục tham mưu với Đảng ủy Công an Trung ương và Lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Luật CAND, Luật BVMT, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và các quy định pháp luật liên quan đến công tác PCTP về môi trường. Đồng thời, thường xuyên nghiên cứu, sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật để phát hiện những bất cập, vướng mắc, sơ hở, thiếu sót trong cơ chế, chính sách, pháp luật cũng như công tác quản lý nhà nước, từ đó kịp thời tham mưu, kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền các cấp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực này.

Ba là, lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường đẩy mạnh công tác phòng ngừa,

đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP với tinh thần “lấy chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở là chính, lấy cơ sở là địa bàn trọng tâm tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống tội phạm” tại Kết luận số 13/KL-TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt các mặt công tác nghiệp vụ, xác định đây là vũ khí sắc bén, là “khâu quyết định” trong công tác PCTP. Trên cơ sở đó, chủ động phát hiện, tổ chức tốt công tác nắm tình hình, kịp thời nhận diện đầy đủ, chính xác những vấn đề mới về tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường để chủ động đưa ra biện pháp phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả, nhất là các vấn đề môi trường lớn mang tầm quốc gia (ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm không khí, an ninh nguồn nước...), vấn đề đan xen, gắn kết trong hoạt động giữa tội phạm về môi trường với tội phạm kinh tế, công nghệ cao,

yếu tố phi truyền thống, yếu tố nước ngoài trong hoạt động của tội phạm về môi trường để tham mưu với lãnh đạo các cấp, nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, ATXH và BVMT, quản lý tài nguyên, ATTP.

Kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa nghiệp vụ với phòng ngừa xã hội thông qua việc thường xuyên thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về BVMT, tài nguyên, ATTP. Chú trọng, đa dạng hóa các biện pháp phòng ngừa xã hội, nhất là đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, giáo dục ý thức về BVMT, tài nguyên, ATTP, về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế ít chất thải, các bon thấp; xây dựng và nhân rộng các phong trào, mô hình, điển hình, cách làm hay, sáng tạo về BVMT, tài nguyên, ATTP và PCTP.

Bốn là, củng cố, tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế trong PCTP về môi trường. Thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường với các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về môi trường, kiểm lâm, quản lý thị trường, y tế... trong thanh tra, kiểm tra những cơ sở, địa bàn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm minh, ngăn chặn triệt để các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT. Phối hợp với các bộ, ban, ngành triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP26). Chủ động nghiên cứu những vấn đề về môi trường trong quan hệ quốc tế; thường xuyên rà soát, phát hiện sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội và tham mưu, đề xuất xử lý, ngăn chặn bằng hàng rào xuất nhập khẩu, kỹ thuật, thuế quan... phù hợp với thông lệ quốc tế liên quan đến lĩnh vực môi trường. Tranh thủ sự hỗ trợ về kinh nghiệm, thông tin, kỹ thuật, phương tiện, nguồn lực phục vụ công tác đấu tranh PCTP về môi trường, tài nguyên, ATTP.

Năm là, tăng cường đầu tư, đa dạng hóa các nguồn lực tài chính cho công tác BVMT, quản lý tài nguyên và bảo đảm ATTP. Đầu tư phát triển khoa học công nghệ và ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0, công nghệ thông tin; nghiên cứu, triển khai các đề án, dự án và huy động tiềm lực khoa học - công nghệ nhằm nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát PCTP về môi trường để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, ATTP■

Phát huy vai trò của doanh nghiệp...

(Tiếp theo trang 33)

Một là, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT phù hợp với bối cảnh của Việt Nam và xu thế của thế giới, Chính phủ đóng vai trò kiến tạo cho DN trong hoạt động BVMT gắn liền với sản xuất, kinh doanh;

Hai là, nâng cao nhận thức về BVMT: Xây dựng các chương trình mục tiêu về công tác BVMT gắn kết các bên liên quan trong đó các hiệp hội, tổ chức đại diện, tập hợp DN đóng vai trò cầu nối giữa Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các bên liên quan khác nhằm truyền thông bài bản, sâu rộng tới DN. Nâng cao nhận thức cho DN về hạch toán vốn tự nhiên trong hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng các nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn; các DN lớn trong và ngoài nước cũng cần chung tay lan tỏa, nhân rộng những mô hình tốt trong công tác BVMT;

Ba là, nâng cao năng lực cho DN: Phối hợp giữa các tổ chức xã hội nghề nghiệp, đối tác, nhà tài trợ, các DN tiên phong xây dựng các chương trình tập huấn cho DN về BVMT, những lợi ích, cơ hội kinh doanh mới xuất phát từ BVMT và lập báo cáo phát triển bền vững DN;

Bốn là, hỗ trợ tài chính, tiếp cận nguồn vốn xanh: Chính phủ tạo cơ chế thuận lợi cho DN có nhu cầu tài chính xanh trong nước và quốc tế để thay đổi công nghệ, cách thức hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường;

Năm là, công bố thông tin về môi trường của DN: Ngoài việc báo cáo công tác BVMT với cơ quan chức năng theo quy định, DN cần xây dựng báo cáo phát triển bền vững (hoặc báo cáo môi trường và xã hội, báo cáo phi tài chính) để minh bạch, thực hiện công việc giải trình về hoạt động môi trường với các bên liên quan, nhà đầu tư và đối tác tiềm năng. Lợi ích của việc lập báo cáo phát triển bền vững đã chứng minh trong nhiều năm vừa qua ở trên bình diện quốc tế cũng như tại Việt Nam. Hiện tại, các DN đang niêm yết trên thị trường chứng khoán được yêu cầu công bố thông tin về môi trường theo hướng dẫn hàng năm, các DN còn lại chưa bắt buộc. Nhà nước cần thể chế hóa việc lập báo cáo phát triển bền vững theo lộ trình phù hợp với các loại hình DN;

Sáu là, hỗ trợ, thúc đẩy DN áp dụng Bộ chỉ số DN bền vững (CSI), tham gia Chương trình đánh giá, công bố các DN bền vững tại Việt Nam do VCCI chủ trì tổ chức hàng năm. Bộ chỉ số CSI được VCCI xây dựng với tiêu chí thân thiện, dễ hiểu, dễ áp dụng, phù hợp với bối cảnh phát triển của DN Việt Nam. Đây cũng là công cụ hữu hiệu hỗ trợ DN thực hiện công việc phát triển bền vững, lập báo cáo phát triển bền vững. DN thực hiện tốt nội dung môi trường trong Bộ chỉ số CSI không những đáp ứng được công tác tuân thủ pháp luật về BVMT trong nước mà còn dễ dàng đáp ứng các yêu cầu quốc tế về môi trường có liên quan■

Thanh Hóa tăng cường các giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường hướng đến phát triển bền vững

LÊ ĐỨC GIANG

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

LÊ VĂN BÌNH

Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn (11.114,71 km²), đứng thứ 5 cả nước và được ví như đất nước Việt Nam thu nhỏ, với 3 vùng sinh thái (đồng bằng, miền núi, trung du và ven biển). Trong những năm qua, được sự quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban, ngành ở Trung ương và đặc biệt là ngày 5/8/2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 58-NQ/TW về xây dựng, phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của cấp ủy, chính quyền các cấp và toàn thể nhân dân, Thanh Hóa đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Thanh Hóa đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhiều chỉ tiêu vượt mức so với cùng kỳ, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 13,41%, cao hơn nhiều so với cùng kỳ (8,66%), đứng thứ 3 cả nước... Tuy nhiên, song song với mục tiêu phát triển kinh tế, cũng đặt ra cho địa phương nhiệm vụ quan trọng và thách thức trong công tác BVMT, vì vậy, tỉnh luôn xác định quan điểm “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế” theo đúng tinh thần của Luật BVMT năm 2020.

TRIỂN KHAI ĐỒNG LOẠT CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ, GÓP PHẦN CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã xác định “Quản lý hiệu quả tài nguyên và BVMT” là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước giai đoạn 2015 - 2020. Điều này lại một lần nữa được khẳng định tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII “Lấy BVMT sống, sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT), bảo đảm chất lượng môi trường sống,

bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác BVMT, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp và triển khai đồng loạt các hoạt động cụ thể, góp phần chung sức cùng cả nước vào công cuộc bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường. Cụ thể, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực BVMT như: Quy chế phối hợp BVMT trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch; quy định về mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; phê duyệt Phương án xử lý CTR tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; quy định chi tiết quản lý CTR sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh... qua đó, góp phần hình thành nhiều phong trào, hoạt động BVMT gắn với phát triển kinh tế - xã hội, với sự ủng hộ và tích cực hưởng ứng tham

gia của các tầng lớp nhân dân ngay tại mỗi gia đình, trường học, cộng đồng dân cư, nhất là trong điều kiện tình hình dịch bệnh Covid -19 bùng phát, diễn biến phức tạp. Hiện nay, nhiều phong trào BVMT Xanh - Sạch - Đẹp, trồng cây xanh, xây dựng tuyến đường hoa được xây dựng và nhân rộng; các hoạt động mít tinh, ra quân vệ sinh môi trường nhân kỷ niệm Ngày Môi trường thế giới, Ngày quốc tế Đa dạng sinh học, hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn cũng được tổ chức định kỳ hàng năm, với một số kết quả nổi bật như sau:

Thứ nhất: Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi trường luôn được quan tâm, đổi mới cả về nội dung và hình thức; việc thẩm định hồ sơ môi trường thực hiện đúng quy định, từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã thẩm định, trình phê duyệt gần 700 báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), 145 phương án cải tạo, phục hồi môi trường... Đây là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm tra, giám sát và doanh nghiệp nâng cao ý thức, thực hiện tốt trách nhiệm BVMT ở cơ sở.

Thứ hai: Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Từ năm 2016 đến nay, đã kiểm tra theo kết hoạch, giải quyết đơn thư, khiếu nại đối với hơn 2.200 cơ sở, doanh nghiệp đang hoạt



▲ Thanh Hóa hướng đến nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường

động trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra đã phát hiện, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT với tổng số tiền phạt trên 18 tỷ đồng.

Thứ ba: Đẩy mạnh xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, 37/82 cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm và được rút ra khỏi danh mục cơ sở gây ô nhiễm. Đối với các cơ sở còn lại, UBND tỉnh giao Sở TN&MT phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành rà soát, đánh giá mức độ ÔNMT hiện tại để có kế hoạch xử lý trong thời gian tới.

Thứ tư: Chủ động kiểm soát, rà soát, yêu cầu các cơ sở, khu công nghiệp có lưu lượng xả nước thải từ 500 m³/ngày, đêm phải lắp đặt hệ thống quan trắc (HTQT) tự động nước thải; hệ thống giám sát tự động khí thải đối với cơ sở sản xuất xi măng, nhiệt điện và truyền số liệu trực tiếp về Sở TN&MT để theo dõi, quản lý. Đến nay, đã có 11 đơn vị lắp đặt HTQT tự động khí thải; 14 đơn vị lắp đặt HTQT tự động nước thải. Đồng thời, thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, đất, nước mặt, nước dưới đất, tần suất 6 lần/năm, góp phần dự báo môi trường nhằm phòng ngừa, hạn chế ÔNMT trên địa bàn.

Thứ năm: Tăng cường quản lý CTR nói chung và CTR sinh hoạt nói riêng trên địa bàn tỉnh; đã hình thành hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý CTR từ tỉnh đến huyện, xã, khu dân cư; ban hành phương án xử lý CTR, đơn giá thu gom, xử lý rác thải (XLRT) và cơ chế, chính sách hỗ trợ trong việc xử lý CTR, tạo điều kiện cho nhà đầu tư thực hiện các dự án xử lý chất thải. Ngay từ đầu năm, tỉnh giao chỉ tiêu thu gom, XLRT

sinh hoạt cho các huyện, nhờ đó, tỷ lệ thu gom, XLRT ngày càng được nâng lên (năm 2021 đạt 89% toàn tỉnh); hỗ trợ kinh phí cho các địa phương, đơn vị XLRT sinh hoạt bằng công nghệ đốt với tổng kinh phí đến nay là 148 tỷ đồng, góp phần giảm thiểu lượng CTR sinh hoạt xử lý bằng biện pháp chôn lấp không hợp vệ sinh đang có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây.

Thứ sáu: Luật BVMT năm 2020 chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2022, đây cũng là giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ trong việc BVMT, hướng tới mục tiêu cao nhất là cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân, cân bằng sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển kinh tế bền vững. Do vậy, công tác BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài của cả hệ thống chính trị, của từng doanh nghiệp, từng gia đình, mỗi người dân để có hành động cụ thể, thiết thực làm chuyển biến về nhận thức, trách nhiệm, hành động, góp

phần bảo đảm cho sự nghiệp phát triển bền vững. Đặc biệt, Bộ tiêu chí Quốc gia đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã “Đề cao bộ mặt nông thôn Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, vì thế, các tiêu chí số 17, 18 về môi trường, chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được đặc biệt quan tâm.

MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời gian qua còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế nhất định: Luật BVMT năm 2020 có nhiều điểm mới, quan trọng, mang tính đột phá nhưng công tác tham mưu ở địa phương còn gặp nhiều vướng mắc, lúng túng như quy định về dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ trở lên thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh là đối tượng phải lập Báo cáo ĐTM. Trong khi đó, nhiều dự án phải chuyển mục

đích đất trồng lúa, dù là diện tích rất nhỏ để xây dựng hạ tầng công cộng (nhà văn hóa, đường giao thông trong xã, thôn...) mà không phát sinh nhiều chất thải cũng thuộc trường hợp phải lập Báo cáo ĐTM là chưa phù hợp với thực tiễn, chưa sát với quan điểm của Luật (phân loại dự án để giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, chỉ những dự án có mức độ ÔNMT cao mới phải làm ĐTM). Đồng thời, theo quy định của Luật, UBND tỉnh ban hành quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, nhưng hiện nay, các căn cứ tính toán chi phí xây dựng công trình, thiết bị xử lý nước thải (XLNT) tại chỗ chưa đầy đủ và Bộ TN&MT cũng chưa ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về công trình, thiết bị XLNT tại chỗ đáp ứng yêu cầu BVMT. Do vậy, chưa có cơ sở xác định mức hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình. Ngoài ra, Luật quy định các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư nhưng đến nay Bộ TN&MT chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật nêu trên, dẫn đến khó khăn cho cơ quan quản lý môi trường địa phương trong quá trình xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án mới cũng như quá trình thẩm định hồ sơ môi trường, tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành lộ trình di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng không đảm bảo yêu cầu vào các khu sản xuất tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Bên cạnh đó, việc kêu gọi nhà đầu tư vào thực hiện các dự án xây dựng nhà máy XLRT trên địa bàn tỉnh bằng nguồn vốn xã hội hóa còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Trong khi lượng rác thải trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, XLRT bằng biện pháp chôn lấp nhưng chưa đúng kỹ thuật, gây ÔNMT, nhiều khu xử lý hiện nay đang quá tải, gây khó khăn cho công tác quản lý, XLRT của địa phương. Ngoài ra, việc triển khai thực hiện quy định về chính sách hỗ trợ xử lý CTR, phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt chưa đồng bộ ở các địa phương; ngân sách của tỉnh còn khó khăn, nhiều dự án đã được phê duyệt nhưng thiếu kinh phí để thực hiện, đặc biệt là dự án xử lý các điểm ÔNMT nghiêm trọng thuộc khu vực công ích (bãi chôn lấp rác thải, điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật).



▲ Người dân địa phương tham gia vệ sinh môi trường biển

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, địa phương có một số đề xuất, đề nghị Lãnh đạo Bộ TN&MT xem xét, chỉ đạo:

(1) Lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ quản lý môi trường các cấp; đồng thời, sớm ban hành Sổ tay hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho địa phương trong việc triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2020.

(2) Xem xét, báo cáo Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn hoặc báo cáo Quốc hội để có những điều chỉnh phù hợp với thực tế về đối tượng lập Báo cáo ĐTM là các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa 2 vụ trở lên.

(3) Sớm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về công trình, thiết bị XLNT tại chỗ, đáp ứng yêu cầu BVMT theo quy định, làm cơ sở cho địa phương xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ; khoảng cách an toàn về môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đối với khu dân cư.

(4) Khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án xây dựng nhà máy XLRT trên địa bàn tỉnh bằng nguồn vốn xã hội hóa. Đồng thời, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt để làm cơ sở xây

dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt ở địa phương theo quy định của Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ.

(5) Hướng dẫn lựa chọn công nghệ và đánh giá công nghệ xử lý CTR sinh hoạt cho phù hợp với đặc điểm rác thải Việt Nam nói chung, của các địa phương nói riêng.

(6) Quan tâm, hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Thanh Hóa triển khai các dự án xử lý triệt để ÔNMT tại những cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng thuộc khu vực công ích.

Có thể nói, nhờ sự chung sức, đồng lòng, quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và toàn thể nhân dân mà công tác BVMT của Thanh Hóa trong thời gian qua đã được triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả với nhiều chuyển biến tích cực, đáng khích lệ. Hy vọng thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các Bộ, ban, ngành Trung ương để khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, đưa Thanh Hóa không chỉ trở thành một “cực tăng trưởng mới” ở phía Bắc mà còn là một vùng đất đáng sống, văn minh, thân thiện, hiện đại và giàu bản sắc■

Một số kinh nghiệm của Thành phố Đà Nẵng trong công tác bảo vệ môi trường

VÕ NGUYỄN CHƯƠNG - Phó Giám đốc
Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng

Là trung tâm kinh tế - xã hội (KT-XH) của miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, hoạt động KT-XH của Đà Nẵng những năm qua phát triển mạnh mẽ, năng động, sáng tạo, khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng tất yếu phát sinh nhiều vấn đề về môi trường, tình trạng suy giảm chất lượng môi trường ở một số địa bàn, lĩnh vực sẽ gia tăng, phát sinh những vấn đề, thách thức mới về môi trường. Công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, môi trường mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng chưa theo kịp với quá trình phát triển. Bên cạnh đó, xu thế phát triển toàn cầu, tác động bởi biến đổi khí hậu (BĐKH), thiên tai, dịch bệnh luôn nảy sinh, công tác quản lý đô thị nói chung và công tác quản lý môi trường nói riêng của Thành phố Đà Nẵng cần tiếp tục đặt ra những mục tiêu cao hơn, các chỉ số cao hơn mới đáp ứng với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

1. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Trong thời gian qua, công tác BVMT được cộng đồng dân cư, người dân thành phố quan tâm, tích cực tham gia, đồng hành. Người dân thành phố đồng thuận với mục tiêu xây dựng “Thành phố Môi trường”. Do đó, nhiều mô hình, sáng kiến về BVMT được cộng đồng, khu dân cư, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện như: Ra quân vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, trồng rừng, đóng góp nhà vệ sinh công cộng, tham gia dọn rác bãi biển, lô đất trống, giữ gìn khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học... Để đạt được kết quả này, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT được thực hiện từ rất sớm với sự chủ động, tham gia tích cực của các cấp, các ngành, bằng nhiều hình thức truyền thông phong phú, lời cuốn.

Công tác quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, phát triển KT-XH đã xem xét ưu tiên triển khai các dự án trọng điểm, cấp thiết về BVMT, phòng chống thiên tai, ứng phó BĐKH. Hiện Thành phố đã hoàn thiện hệ thống đề kè, nâng cấp các tuyến đường, khu vực xung yếu, tổ chức quy hoạch, tái định cư các khu vực xung yếu,

sạt lở ven sông, ven biển, cải tạo các tuyến thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, tập trung quản lý, xử lý các hồ, ao, kênh, mương bị ô nhiễm kéo dài (Phú Lộc, Âu thuyền Thọ Quang). Cộng đồng, người dân được đáp ứng các điều kiện cơ bản về nước sạch, dịch vụ vệ sinh môi trường.

Công tác kiểm soát, tuân thủ môi trường đặc biệt được chú trọng. Thành Ủy, HĐND, UBND thành phố đã chỉ đạo sát sao, nhất là các trường hợp có nguy cơ gây ô nhiễm nghiêm trọng. Các Sở, ngành chủ động kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải, khí thải các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm và các trạm xử lý nước thải; đã giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm không khí do hoạt động sản xuất nấu luyện, cán kéo thép tại CCN Thanh Vinh, xả thải không đúng quy định tại các KCN, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại và kiến nghị của cử tri; kiểm soát ô nhiễm bụi, tiếng ồn trên các tuyến đường; tăng cường chất lượng thẩm định, cấp phép và thu phí BVMT.

Thành phố luôn sẵn sàng các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, diễn tập, nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh, môi trường, tràn dầu... Chú trọng các giải pháp chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các trường hợp trước, trong và sau thiên tai. Huy động hiệu quả doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó BĐKH.

Công tác quản lý tài nguyên đất, nước, khoáng sản, hệ sinh thái đã từng bước kiện toàn hệ thống văn bản pháp lý ở thành phố theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương và các Bộ, ngành; bước đầu hoàn thành rà soát, điều tra cơ bản và lập quy hoạch các nguồn tài nguyên để quản lý, khai thác phù hợp; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác.

Đối với hợp tác quốc tế về môi trường, Thành phố chủ động tạo lập sự hợp tác, tiếp nhận sự hỗ trợ, đa dạng hóa nguồn vốn BVMT. Riêng lĩnh vực môi trường, Thành phố thiết lập hợp tác chặt chẽ với 3 chính quyền thành phố (Boras - Thụy Điển, Yokohama - Nhật Bản; Daegu - Hàn Quốc) và nhiều tổ chức tài chính - kỹ thuật trong khu vực và thế giới để hỗ trợ, giúp đỡ về công nghệ, nguồn lực về bảo vệ, xử lý ô nhiễm môi trường nói riêng và phát triển đô thị nói chung. Trong giai đoạn 2021-2024, hiện nay đã huy động được hơn 70 tỷ đồng từ các hợp tác này.

Những kết quả đạt được của Thành phố trong giai đoạn 2016 - 2021 được thể hiện qua các chỉ số cơ bản về BVMT:

Nhóm chỉ số về cung cấp nước sạch - xử lý nước thải: 100% dân số đô thị và hộ gia đình nông thôn ở Đà Nẵng được cung cấp nước sạch vệ sinh; Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường: đạt 88,2%; các trạm xử lý có công nghệ hiện đại, có khả năng tăng công suất; Tỷ lệ

bệnh viện, trung tâm y tế có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường, đạt trên 90%; Tỷ lệ KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%; nước thải công nghiệp xử lý đạt yêu cầu theo các quy chuẩn quy định.

Nhóm chỉ số về quản lý chất thải, kinh tế tuần hoàn: Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong đô thị đạt trên 95%; 100% chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) đã được xử lý đáp ứng yêu cầu; bãi chôn lấp CTRSH đảm bảo quy chuẩn hợp vệ sinh; Tỷ lệ CTRSH được phân loại tại nguồn đạt 80%/tổng số hộ gia đình.

Nhóm chỉ số về công tác quản lý rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: Tổng diện tích rừng, đất quy hoạch phát triển rừng hơn 63 ngàn ha (2021); tỷ lệ che phủ rừng: 47,17% (2021); Tỷ lệ rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đạt 1,5% (và tăng hàng năm); không để xảy ra trường hợp rừng bị chặt phá; Hoàn thành bố trí (thành lập) diện tích đất của các khu bảo tồn thiên nhiên trên tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Nhóm chỉ số về quản lý môi trường: 100% thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường (trên địa bàn) qua đường dây nóng năm 2021, được phối hợp xử lý; Tổng chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT là 1.079,657 tỷ đồng; chiếm 6,15% tổng chi ngân sách của địa phương năm 2021.

Bên cạnh kết quả đạt được, Thành phố nhận thấy những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân như sau:

Công tác quản lý môi trường vẫn còn nhiều vướng mắc, khó khăn, bởi quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị nói chung còn bất cập, các KCN, CCN hoạt động chưa đảm bảo quy định về khoảng cách vệ sinh từ các cơ sở sản xuất với khu vực dân cư xung quanh. Việc thiếu khoảng cách cách ly đã gây tác động như: ô nhiễm mùi KCN DVTS Đà Nẵng, KCN Liên Chiểu, KCN Hòa Cầm; ô nhiễm bụi, tiếng ồn từ các cơ sở sản xuất; các trạm trung chuyển rác quy mô nhỏ trong khu dân cư hay bãi rác Khánh Sơn... Bên cạnh đó, các thủ tục đầu tư đối với dự án liên quan đến môi trường, nhất là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn kéo dài, các quy định đầu tư gặp vướng mắc về trình tự, cơ quan có thẩm quyền thẩm định, cấp phép... Năm 2021, hàng loạt các quy định về đầu tư, xây dựng mới được ban hành, hiện nay vẫn còn thiếu các hướng dẫn chi tiết, trong khi đó năng lực chuyên môn về đầu tư, xây dựng của các sở chuyên ngành chưa đáp ứng kịp thời (cụ thể như hình thức đầu tư xã hội hóa hay đối tác công tư - PPP đối với các dự án về môi trường, xử lý chất thải, nước thải...).

Do đó, Thành phố vẫn tiếp tục áp dụng giải pháp chôn lấp hợp vệ sinh, chưa đáp ứng với yêu cầu của Chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn đến năm 2025.

Nguồn lực, năng lực quản lý môi trường ngày càng giảm đi so với nhu cầu, nhiệm vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên, BVMT theo luật định ngày càng gia tăng. Các công cụ quan trắc môi trường để dự báo và ngăn ngừa ô nhiễm hiện tại có đầu tư nhưng chưa đáp ứng, phần chính vẫn là trang thiết bị quan trắc thủ công, thụ động. Quan trắc môi trường tự động, ứng dụng công nghệ thông tin còn ở mức thấp. Nhân lực quản lý môi trường các cấp, ngành chưa tương ứng với sự phát triển đô thị và công tác quản lý chuyên ngành mới theo Luật BVMT năm 2020 (quản lý tổng hợp chất thải rắn, quản lý thoát nước, xử lý nước thải, khí tượng thủy văn, ứng phó BĐKH, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, quản lý lưu vực sông liên tỉnh, liên ngành, quản lý môi trường đối với các di sản thiên nhiên...).

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch, tái chế, tuần hoàn... ở cấp quốc gia còn thiếu. Nhu cầu công nghệ, nguồn vốn để phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị liên quan là rất lớn và không ngừng phát triển (hệ thống thu gom, xử lý nước thải; thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, hệ thống năng lượng tái tạo, giao thông xanh, tòa nhà xanh, công nghiệp sinh thái...), trong khi ngân sách chưa thể cân đối được, dẫn đến các chương trình, dự án thường chậm, không đồng bộ, dẫn đến không đạt mục tiêu đề ra. Do đó, cần sớm có những chính sách quốc gia như ưu đãi về

đất đai, tín dụng, thuế, phí và rất cần có hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành liên quan thì mới thực hiện được trong thực tế.

2. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG CÔNG TÁC BVMT

Công tác chỉ đạo, điều hành

Hơn 12 năm trước, mục tiêu, các tiêu chí xây dựng Đà Nẵng - Thành phố Môi trường đã trở thành những nội dung được Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố đặc biệt quan tâm, chỉ đạo, với sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành, được lồng ghép trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thành phố. Để phát triển thành phố theo hướng dịch vụ, du lịch, công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến và bảo đảm môi trường chung, Thành phố đã có nhiều chủ trương không đầu tư đối với các lĩnh vực sản xuất công nghệ cũ, lạc hậu; từ chối các dự án lớn khi xét thấy nguy cơ tiềm ẩn ô nhiễm, khuyến khích phát triển du lịch dịch vụ theo hướng sinh thái, ban hành nhiều chính sách để BVMT khu dân cư, hệ sinh thái... Thành phố thiết lập sự cân đối giữa các yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường, kết hợp BVMT với phát triển kinh tế - xã hội một cách hài hòa.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT được triển khai bằng nhiều nguồn lực, hình thức phong phú

UBND các cấp, sở, ngành đã cụ thể hóa các chương trình, kế hoạch, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về BVMT. Ban Tuyên giáo Thành ủy thông qua các hội nghị giao ban định kỳ về báo chí, giao ban ngành, lĩnh vực khoa giáo, hội nghị báo cáo viên, cộng tác

viên dự luận xã hội... đã nắm bắt, định hướng cụ thể để tuyên truyền nhiều vấn đề về môi trường trên địa bàn, nhất là những vấn đề nổi cộm dự luận quan tâm, kịp thời tổng hợp báo cáo lãnh đạo Thành phố chỉ đạo xử lý; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên chỉ đạo, định hướng báo, đài đẩy mạnh thông tin tuyên truyền các nội dung về BVMT. Qua đó thu hút sự tham gia tích cực của đông đảo người dân, tạo sức lan tỏa mạnh và đạt hiệu quả nhất định.

Xây dựng chính sách thực thi, tổ chức phân công, phân nhiệm nhằm triển khai thành công mục tiêu về môi trường theo từng thời kỳ

Đến nay, công tác quản lý môi trường, triển khai xây dựng Thành phố Môi trường đã đi vào nề nếp. Nhiều văn bản, chính sách về quản lý và BVMT của Thành phố đã được ban hành, cập nhật các quy định về BVMT, quy hoạch về quản lý chất thải rắn, quản lý thoát nước và xử lý nước thải. Đồng thời, Thành phố đã ban hành các kế hoạch tập trung để xử lý môi trường, cải thiện hệ thống thoát nước đô thị, quản lý chất thải, phân cấp quản lý môi trường theo chuyên ngành và theo địa bàn.

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực quản lý nhà nước về BVMT của Thành phố cơ bản kịp thời. Sở Xây dựng đã tham mưu ban hành các quy hoạch chuyên ngành về cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn, triển khai kế hoạch quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước. Sở Công Thương thực hiện các kế hoạch và giải pháp về tiết kiệm điện, năng lượng, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch và giảm thiểu khí thải ô nhiễm, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, phát triển các mô hình tiết kiệm năng lượng và tận dụng năng lượng tái tạo, quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng sạch, xây dựng dự án thí điểm tòa nhà xanh... Sở Du lịch đã thực hiện lồng ghép công tác BVMT vào các hoạt động kinh doanh du lịch; chỉ đạo nhanh chóng, kịp thời đến các Ban Quản lý các khu du lịch nhằm kiểm soát tốt công tác BVMT trong hoạt động du lịch,....

Bố trí tương ứng từ ngân sách Thành phố, nghiên cứu khoa học; chủ động hợp tác quốc tế về BVMT, ứng phó BĐKH, phòng chống rủi ro thiên tai

Tỷ lệ chi ngân sách về môi trường đạt trên 2% trong tổng chi ngân sách Thành phố hàng năm. Các chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố được xây dựng và triển khai thực hiện theo từng giai đoạn. Các hoạt

động đối ngoại và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực BVMT, ứng phó với BĐKH, phòng chống rủi ro thiên tai luôn được Lãnh đạo Thành phố và các cấp, các ngành đẩy mạnh. Thành phố đã tham gia, tiếp nhận các dự án quốc tế hỗ trợ về công tác quản lý môi trường, ứng phó BĐKH, các bon thấp. Thành phố đã cử nhiều lượt cán bộ tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để giới thiệu về Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố Môi trường”, các vấn đề thách thức về phát triển đô thị nói chung và xử lý môi trường nói riêng.

3. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ TRONG CÔNG TÁC BVMT

Trong thời gian qua, với nhiều nỗ lực và sự chung tay, công tác BVMT đã được triển khai ở các cấp, ngành, nhiều biện pháp, giải pháp đã được thực hiện nhằm phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và suy thoái môi trường. Luật BVMT năm 2020 mới có hiệu lực, việc thực thi còn nhiều khó khăn do thiếu các văn bản hướng dẫn, chính sách ở địa phương chưa ban hành kịp thời; cơ chế quản lý và phân định trách nhiệm ở một số lĩnh vực chưa rõ ràng... Trên cơ sở đó, với chức năng tham mưu cho UBND Thành phố Đà Nẵng trong công tác quản lý nhà nước về BVMT, Sở TN&MT xin có một số kiến nghị với Bộ TN&MT và các Bộ, ngành liên quan một số nội dung:

- Luật BVMT năm 2020 có một số điểm mới đặc biệt quan trọng trong công tác BVMT, do đó, kiến nghị Bộ TN&MT tiếp tục chủ trì, tổ chức các hội nghị tập huấn, trao đổi chuyên sâu theo các chuyên đề, đặc biệt trong các lĩnh vực

mới về cấp phép môi trường, các quy định kỹ thuật trong xây dựng các kế hoạch quản lý môi trường, quản lý chất thải rắn (phân loại rác tại nguồn), quản lý môi trường đối với các di sản thiên nhiên...

- Sớm xem xét hướng dẫn, quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các ngành trong công tác: Quản lý chất thải rắn; quản lý về di sản thiên nhiên, bộ máy tổ chức các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; quản lý về đất ngập nước; công tác ứng phó với BĐKH, quan trắc tự động...

- Sớm ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, cá nhân đầu tư về BVMT, nhất là hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Cần rà soát, nghiên cứu, cải thiện trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án về môi trường, thúc đẩy, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

- Sớm tổ chức hướng dẫn, chuyển giao hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường ở cấp Bộ, kết nối, chia sẻ với các địa phương.

- Rà soát, đánh giá vai trò, bổ sung hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Quỹ BVMT cấp tỉnh, chức năng thành lập, từ đó hoàn thiện các văn bản pháp lý để Quỹ BVMT cấp tỉnh hoạt động ổn định, có hiệu quả (cần mở rộng phạm vi hoạt động, loại hình hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong BVMT).

- Tăng cường đào tạo chuyên môn đội ngũ cán bộ quản lý môi trường, chú trọng chuyển giao để khai thác, sử dụng các công cụ mô hình, phân tích, dự báo các kịch bản tác động môi trường từng ngành, lĩnh vực, khu vực, lồng ghép vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển Thành phố■

PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN
ĐẾN NĂM 2050



Ngày 26/7/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 896/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn đến năm 2050.

Về thích ứng với BĐKH, Chính phủ đặt ra mục tiêu, đến năm 2030: Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng; Bảo đảm độ che phủ rừng ít nhất 42%; Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với BĐKH được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở các đô thị lớn; ít nhất 95% dân số được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. Đến năm 2050, quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước quốc gia; Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 43% và đảm bảo lâm phận rừng quốc gia...

Về giảm phát thải khí nhà kính (KNK), đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải KNK quốc gia giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Trong đó: Lĩnh vực năng lượng giảm 32,6%, lượng phát thải không vượt quá 457 triệu tấn CO₂ tương đương (CO₂tđ); lĩnh vực nông nghiệp giảm 43,0%, lượng phát thải không vượt quá 64 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 70% lượng phát thải và tăng 20% lượng hấp thụ các bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -95 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực chất thải giảm 60,7%, lượng phát thải không vượt quá 18 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 38,3%, lượng phát thải không vượt quá 86 triệu tấn CO₂tđ. Các cơ sở có mức phát thải KNK hằng năm từ 2.000 tấn CO₂tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải KNK. Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải KNK quốc gia đạt mức phát thải ròng bằng "0"; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh.

Để đạt được những mục tiêu trên, Chiến lược đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Theo đó, nhằm chủ động thích ứng với BĐKH, Chiến lược đặt ra nhiệm vụ cần phải nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế - xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững như: Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên; xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với BĐKH và có giá trị gia tăng cao; quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH. Nhiệm vụ chung về giảm phát thải KNK, đến năm 2030, xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan giảm 30% mức phát thải khí mê-tan so với năm 2020; xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng KNK, các chất làm suy giảm tầng ôzôn đến năm 2030; khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê KNK và giảm phát thải KNK...

Chính phủ cũng giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Chiến lược trên phạm vi cả nước; định kỳ sơ kết 5 năm, 10 năm và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh Chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn; Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xác định các chương trình, dự án, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để thực hiện cam kết quốc tế về BĐKH và mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" theo từng giai đoạn cụ thể, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định...

AN BÌNH

HỖ TRỢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH
KHẮC PHỤC Ô NHIỄM VÀ CẢI THIỆN
MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC LÀNG NGHỀ
BỊ Ô NHIỄM NGHIÊM TRỌNG

Ngày 2/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 925/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình tăng cường BVMT, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, về BVMT làng nghề, Chương trình hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, Chương trình hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại. Đồng thời, tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp



với đặc thù của từng địa phương; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan. Cùng với đó, xây dựng, triển khai và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (như sản phẩm phân bón hữu cơ...); Hỗ trợ đầu tư xây dựng từ 1 - 2 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo Quyết định, Bộ TN&MT được giao chủ trì, phối hợp với Bộ NN&PTNT và các Bộ, ngành liên quan bổ sung, hoàn thiện các quy định về BVMT phù hợp với điều kiện nông thôn; hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương để các địa phương căn cứ thực hiện; xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn và triển khai các nội dung về phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, BVMT làng nghề, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung. Cùng với đó, chỉ đạo Quỹ BVMT Việt Nam ưu tiên bố trí vốn vay để thực hiện xây dựng các mô hình trong Chương trình; đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động BVMT trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm minh các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

BẢO BÌNH

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
GIẢM PHÁT THẢI KHÍ MÊ-TAN
ĐẾN NĂM 2030**

Ngày 5/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030.

Theo đó, mục tiêu cụ thể, đến năm 2025, bảo đảm tổng lượng phát thải khí mê-tan không vượt quá 96,4 triệu tấn CO₂ tương đương (CO₂td), giảm 13,34% so với mức phát thải năm 2020. Trong đó, phát thải khí mê-tan trong trồng trọt không vượt quá 42,2 triệu tấn CO₂td, chăn nuôi không vượt quá 16,8 triệu tấn CO₂td, quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải không vượt quá 21,9 triệu tấn CO₂td, khai thác dầu khí không vượt quá 10,6 triệu tấn CO₂td, khai thác than không vượt quá 3,5 triệu tấn CO₂td, tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch không vượt quá 1,3 triệu tấn

CO₂td. Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí mê-tan không vượt quá 77,9 triệu tấn CO₂td, giảm ít nhất 30% so với mức phát thải năm 2020.

Để thực hiện mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp và cụ thể hóa bằng 26 nhiệm vụ ưu tiên trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 gồm: Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách; Thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí mê-tan trong trồng trọt, chăn nuôi; Thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí mê-tan trong quản lý chất thải và xử lý nước thải; Thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí mê-tan trong khai thác, chế biến dầu khí, khai thác than và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực, nhận thức; Tăng cường hợp tác song phương, đa phương và huy động nguồn lực; Giám sát, đánh giá.

Trong đó, đối với nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí mê-tan trong quản lý chất thải và xử lý nước thải, theo Quyết định, cần hoàn thiện và áp dụng đồng bộ các quy trình, quy định, hướng dẫn, mô hình thu gom, vận chuyển, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; lồng ghép quy hoạch quản lý chất thải cấp vùng và cấp địa phương vào quy hoạch BVMT quốc gia, vùng, tỉnh. Đồng thời, xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định và phù hợp với đặc điểm các khu dân cư tập trung, đô thị, nông thôn và điều kiện của địa phương. Đặc biệt, hạn chế phát sinh chất thải ra môi trường nhằm giảm phát thải mê-tan thông qua thực hiện phát triển năng lượng sinh khối, năng lượng từ đốt chất thải, sản xuất phân bón hữu cơ, tiêu thụ sản phẩm tái chế.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện hàng năm, kịp thời báo cáo và tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ những giải pháp để giải quyết những bất cập, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện ở Trung ương và địa phương, bảo đảm đạt được mục tiêu đề ra và thực hiện Cam kết giảm phát thải khí mê-tan toàn cầu; Chủ trì xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 trong quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải...

PHƯƠNG LINH



Doanh nghiệp tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn để giảm thiểu chất thải

PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH

Nguyên Viện trưởng Viện Chiến lược Chính sách tài nguyên và môi trường

Tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) dựa vào lợi ích kinh tế để giải quyết ba vấn đề chính đối với chất thải, đó là: (i) Giảm khai thác tài nguyên thiên nhiên đầu vào; (ii) kéo dài vòng đời sản phẩm; (iii) giảm thiểu tối đa chất thải ra môi trường. Như vậy, đối với chất thải nếu hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là những ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu thô từ tài nguyên thiên nhiên đầu vào và thải trực tiếp ra môi trường theo mô hình kinh tế tuyến tính (KTTT) (line economy-LE) trước đây chuyển sang mô hình KTTH (circular economy-CE) sẽ đạt hiệu quả cao không chỉ về kinh tế mà còn BVMT thông qua giảm khai thác tài nguyên đầu vào và hạn chế tối đa chất thải ra môi trường. Tuy nhiên, để chuyển đổi từ mô hình KTTT sang mô hình KTTH, bên cạnh những thuận lợi, doanh nghiệp (DN) sẽ gặp những khó khăn nhất định.

NHẬN THỨC CỦA DN VỀ KTTH

Hiện nay, nhận thức của DN về KTTH vẫn còn chung chung và là vấn đề mới. Tuy nhiên, ở khía cạnh nào đó trong từng lĩnh vực cụ thể có những DN đã tiếp cận theo hướng KTTH dựa trên những lợi ích mang lại thông qua đổi mới công nghệ, tái sử dụng, tái chế chất thải. Vì vậy, khi có chủ trương chuyển đổi từ mô hình KTTT sang mô hình KTTH, các DN sẵn sàng thực hiện như Công ty sữa Vinamilk, TH, TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo, Bia Heniken... Một điều tra khảo sát mới đây của Viện nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương về nhận thức KTTH nói chung và một số tiêu chí cần có về KTTH cho thấy, tỷ lệ nhận thức của DN còn thấp chưa vượt quá 50%. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy, khi thực hiện chuyển đổi sang mô hình KTTH, DN sẽ gặp phải những yếu tố tác động bên trong như: Kết quả hoạt động của DN (lợi nhuận), chiến lược kinh doanh của DN, công nghệ, sản phẩm đầu ra, đặc trưng ngành/lĩnh vực, nguyên tắc bền vững. Cùng với đó là những yếu tố tác động đến từ bên ngoài như: Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, truyền thông, khan hiếm nguồn tài nguyên đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tiềm năng

khách hàng, giáo dục thay đổi hành vi, sự quan tâm của các tổ chức quốc tế, chính sách khuyến khích hỗ trợ của Nhà nước, những quy định của Nhà nước liên quan như phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và BVMT, nhận thức của các nhà hoạch định chính sách.

Như vậy, để chuyển đổi sang mô hình KTTH, đối với các DN cùng với nhận thức các yếu tố tác động từ bên trong và bên ngoài, DN cũng phải xác định được những thuận lợi và khó khăn để đạt được mong muốn của DN khi tiếp cận mô hình KTTH nhằm đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI DN CHUYỂN ĐỔI TỪ MÔ HÌNH KTTT SANG KTTH

Những thuận lợi

Thứ nhất, từ chủ trương lớn của Đảng thể hiện trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030. KTTH đã được cụ thể hóa trong Luật BVMT tạo hành lang pháp lý cho DN thực hiện mô hình KTTH.

Tại khoản 3, Điều 142, Luật BVMT năm 2020 quy định "Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối". Trên cơ sở quy định của

Luật BVMT đã được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 thể hiện chi tiết trong mục 3 Điều 138, 139 và 140 của Nghị định này. Đáng chú ý tại khoản b) mục 3 Điều 140 về cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH nêu rõ "Phát triển các mô hình liên kết, chia sẻ việc sử dụng tuần hoàn sản phẩm và chất thải; thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh tái chế, các mô hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và mô hình khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt được tiêu chí của KTTH". Như vậy, đây là căn cứ pháp lý cơ bản để DN thực hiện mô hình KTTH.

Thứ hai, xu thế chung toàn cầu đã và đang chuyển đổi từ KTTT sang KTTH, mô hình KTTH được nhiều quốc gia lựa chọn như vậy DN có cơ hội trao đổi, học tập về kinh nghiệm, thiết kế, chuyển giao công nghệ... trên cơ sở mô hình hoạt động kinh doanh của DN đã và đang thực hiện.

Thứ ba, áp dụng mô hình KTTH, DN sẽ thu được nhiều lợi ích bao gồm: Cơ chế hỗ trợ đã được quy định trong Luật BVMT và các Luật liên quan khác, tránh được các xử lý vi phạm liên quan đến khai thác tài nguyên thiên nhiên và BVMT, lợi nhuận của DN gia tăng, chuyển đổi và giải quyết lao động việc làm.

Thứ tư, sự hỗ trợ của công

nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quá trình đổi mới chuyển đổi sang mô hình KTTH phù hợp với cách mạng công nghiệp 4.0, 5.0... và sự phát triển của khoa học công nghệ.

Thứ năm, các cơ chế ưu đãi từ chính sách của Nhà nước liên quan đến thực hiện mô hình KTTH nhằm khuyến khích DN chuyển đổi từ KTTT sang KTTH dựa trên quy định của pháp luật.

Thứ sáu, một số loại hình DN đã có sự tiếp cận mô hình KTTH trước đây do hiệu quả kinh tế mang lại là những ví dụ điển hình cho tiếp cận mô hình KTTH trong việc giảm chất thải và nâng cao hiệu quả hoạt động của DN. Những mô hình tiếp cận KTTH đã có trong nông nghiệp như: Vườn - Ao - Chuồng, Vườn - Ruộng - Ao - Chuồng, mô hình khép kín nông nghiệp và chế biến như Công ty sữa Vinamilk, TH; mô hình công nghiệp sinh thái; mô hình trong dịch vụ phân loại, tái sử dụng và tái chế chất thải, từ đó phát triển thành mô hình KTTH.

Một số khó khăn

Về nhận thức: Hiện nay, nhận thức về KTTH nói chung và mô hình KTTH nói riêng vẫn là vấn đề mới của DN, nhất là áp dụng cụ thể cho mỗi loại hình DN thế nào được gọi là KTTH vẫn còn hạn chế. Thực tế cho thấy, những DN được chủ DN nhận thức tốt về KTTH sẽ chủ động chuyển đổi sang mô hình KTTH, DN đổi mới nhanh chóng và mang lại hiệu quả kinh tế cao, ngược lại chủ DN thiếu hiểu biết và nhận thức không đầy đủ về KTTH là một cản trở cho DN.

Về cơ chế chính sách: Sự bất cập giữa các luật, nhất là giữa Luật BVMT với Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật DN... Lý do là nội dung KTTH mới đưa vào Luật BVMT, trong khi các Luật khác đã ban hành trước đây và nay đang trong quá trình bổ sung hoàn thiện, do vậy, việc thực hiện chuyển đổi sang mô hình KTTH của DN gặp phải những khó khăn nhất định do vướng mắc với các Luật khác. Sau Luật, việc triển khai thực hiện đã có Nghị định, Thông tư, Đề án triển khai nhưng Kế hoạch hành động thực hiện KTTH mà Bộ TN&MT đang xây dựng trình Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương cũng đang quá trình triển khai những cơ chế chính sách và kế hoạch hành động tiếp theo, do vậy, DN vẫn gặp phải những vướng mắc trong quá trình chuyển đổi sang mô hình KTTH. Mặt khác, để DN được chứng nhận là DN đã chuyển đổi sang mô hình KTTH làm căn cứ cho hưởng lợi những chính sách ưu đãi theo quy định của Luật cần có Bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá và xác nhận, tuy

hiện nay chưa có Bộ tiêu chí cụ thể. Trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, tiêu chí vẫn ở dạng chung chung, khó lượng hóa để khẳng định áp dụng cho DN thực hiện mô hình KTTH.

Tồn tại cũ từ thiết kế mô hình KTTH: Chuyển đổi sang mô hình KTTH đòi hỏi các DN đã hoạt động trước đây phải thiết kế lại hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ khâu đầu vào nguyên liệu, thay vì thải ra môi trường như trước đây, chất thải được thu hồi tái sử dụng, tái chế hoặc đầu vào cho hoạt động sản xuất khác, liên quan đến mặt bằng, công nghệ, kết nối với các DN trong một chu trình khép kín, do vậy, gây ra những khó khăn nhất định cho DN muốn chuyển đổi sang mô hình KTTH, đòi hỏi phải nghiên cứu và thiết kế lại. Những DN đầu tư mới theo mô hình KTTH khâu thiết kế ban đầu cũng sẽ gặp nhiều khó khăn, cần có những chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn sâu và thiết kế phù hợp. Hiện nay, chưa có đào tạo lĩnh vực thiết kế mô hình KTTH, đòi hỏi sự nỗ lực của DN và sớm hình thành đào tạo chuyên môn cho lĩnh vực thiết kế mô hình KTTH đối với DN, cụm công nghiệp hay ở mức độ khác.

Về nguồn vốn đầu tư: Chuyển sang mô hình KTTH đòi hỏi phải thiết kế lại, đầu tư để đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng kéo dài vòng đời sản phẩm, thu hồi chất thải..., như vậy, đặt ra yêu cầu cần phải có nguồn vốn đầu tư phù hợp cho sự chuyển đổi mô hình này của DN.

Nguồn nhân lực: Chuyển đổi sang mô hình KTTH đòi hỏi bổ sung kiến thức và con người, do vậy, DN sẽ gặp những trở ngại nhất định buộc phải

đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có, bổ sung nguồn nhân lực mới phù hợp.

Công nghệ: Chuyển đổi sang mô hình KTTH đòi hỏi phải có những sự đổi mới về quy trình công nghệ, nhất là trong sản xuất và thu hồi chất thải. Như vậy DN sẽ có những sự thay đổi và tìm kiếm công nghệ mới phù hợp, hiệu quả.

Sản phẩm chấp nhận của thị trường: Bên cạnh những sản phẩm dễ được sự chấp nhận của thị trường, sản phẩm đầu ra của mô hình KTTH cũng sẽ gặp những khó khăn nhất định, vì thế, đòi hỏi DN cần phải có những cách thức tiếp cận mới, công tác truyền thông và tìm kiếm thị trường là những khó khăn và thách thức của DN...

CHUYỂN ĐỔI SANG MÔ HÌNH KTTH ĐỐI VỚI CÁC DN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC CHẤT THẢI

DN hoạt động trong lĩnh vực chất thải được hiểu đó là những DN chỉ giải quyết chất thải đầu ra của quá trình sản xuất, tiêu dùng và hoạt động kinh tế - xã hội từ khâu phân loại, thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải. Về cơ bản, hoạt động của các DN ở Việt Nam chủ yếu là chất thải rắn, một số DN hoạt động trong lĩnh vực xử lý nước thải, còn khí thải cơ bản vẫn thải trực tiếp ra môi trường. Tiếp cận mô hình KTTH của các DN trong lĩnh vực chất thải chính là hạn chế tối đa chất thải đưa ra môi trường dựa vào hiệu quả kinh tế khi thiết kế mô hình KTTH, biến chất thải trở thành nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất khác, tận dụng tối đa chất thải hướng đến phát thải ra môi trường bằng không. Ví dụ ở Nhật Bản có mô

hình mỏ đô thị (Urban Mining), thực chất là khu vực phân loại, làm sạch chất thải rắn sinh hoạt để biến các chất thải đó thành nguyên liệu đầu vào cho các cơ sở sản xuất cần các loại nguyên liệu đã phân loại và làm sạch. Với cách làm này, các chất thải rắn sinh hoạt đưa về khu vực phân loại, làm sạch sẽ được tận dụng tối đa vật chất có ích cho tái sử dụng, tái chế và cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.

Việc chuyển đổi sang mô hình KTTH của lĩnh vực chất thải sẽ đạt được mục tiêu tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên đầu vào và hạn chế tối đa chất thải đưa ra môi trường gây ô nhiễm. Vì hiệu quả của mô hình KTTH trong chất thải nên tạo ra thị trường tiêu thụ chất thải lớn, từ đó hình thành các khâu, quy trình có tính tuần hoàn từ phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong thực tế, nếu chúng ta phát triển tốt mô hình KTTH của các DN hoạt động trong lĩnh vực chất thải là yếu tố gần như có tính quyết định thu hút toàn bộ lượng chất thải ra môi trường, biến chúng thành vật chất có ích và mang lại hiệu quả có tính bền vững cho DN và xã hội. Các DN này sẽ tạo ra thị trường có nhu cầu chất thải lớn giống như các nước Bắc Âu, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch đã làm, từ đó sẽ thu hút nguồn chất thải về DN.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHO DN

Thứ nhất, DN cần tận dụng cơ hội mới để đổi mới hoạt động kinh doanh của DN dựa trên những lợi thế của DN và những khó khăn cần khắc phục, chỉ DN mới hiểu để chủ động chuyển đổi sang mô hình KTTH. Phát huy thế mạnh nội sinh và tận dụng ngoại sinh. Trong đó, vai trò của chủ DN là quan trọng nhất.

Thứ hai, chuyển đổi sang mô hình KTTH đòi hỏi DN phải phân tích chi phí - lợi ích (CBA) của mô hình trước và sau khi chuyển đổi để có quyết định xem việc chuyển đổi đó sinh lời cho DN bao nhiêu? Từ đó có phương án quyết định phù hợp.

Thứ ba, cần tư vấn chuyên gia giúp DN chuyển đổi sang mô hình KTTH: Từ chuyên gia chính sách, thiết kế, công nghệ..., tùy thuộc vào mỗi loại hình DN.

Thứ tư, vấn đề truyền thông chuyển đổi sang mô hình KTTH của DN để xã hội hiểu và ủng hộ DN, nhất là đối với những DN trước đây gây ra nhiều bức xúc cho xã hội, tạo nên hình ảnh mới của DN từ nâu sang xanh dựa trên lợi ích tổng thể mang lại kinh tế, xã hội và môi trường của DN từ mô hình KTTH.



▲ Dự án Phân loại rác tại nguồn hướng tới nền KTTH do Tập đoàn SCG phối hợp với UBND TP. Vũng Tàu thực hiện từ năm 2020

Thứ năm, sự kết nối DN và tìm kiếm cơ hội hợp tác với các DN khác, nhất là đối với các DN có mối liên hệ về sử dụng chất thải đầu ra làm nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

Thứ sáu, tạo lập và tìm kiếm thị trường đầu ra sản phẩm của DN thực hiện mô hình KTTH gồm thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

Thứ bảy, chuyển đổi các mô hình kinh doanh của DN trong lĩnh vực chất thải hiện nay sang tiếp cận mô hình KTTH để tạo lập thị trường phân loại, làm sạch các chất thải, nhất là chất thải sinh hoạt, biến các chất thải thành nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cũng như tái sử dụng và tái chế.

Chuyển đổi mô hình KTTT sang mô hình KTTH tự bản thân nó đã giảm thiểu tối

đa chất thải ra môi trường, lấy động lực kinh tế là mục tiêu cơ bản cho DN. Việc chuyển đổi sang mô hình KTTH bên cạnh những thuận lợi DN cũng gặp phải những khó khăn nhất định, cùng với đó phải xác định được các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài. Để thực hiện tiếp cận mô hình KTTH DN cần có những tính toán và mở rộng kết nối để thực hiện mô hình KTTH hiệu quả, nhất là CBA và tiêu thụ sản phẩm của mô hình KTTH, cùng với đó là truyền thông và nâng cao hình ảnh của DN. Việc DN hoạt động trong lĩnh vực chất thải, nhất là chất thải sinh hoạt tiếp cận mô hình KTTH đóng vai trò hết sức quan trọng, tạo ra thị trường thu hút chất thải vì lợi ích kinh tế và đạt mục tiêu tiết kiệm tài nguyên, hạn chế tối đa chất thải ra môi trường■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh. Một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình áp dụng mô hình KTTH tại Việt Nam. Bài giảng được tài trợ bởi UNEP, Đại học Saxon-Hà Lan. 31/6-2/7/2022. Hà Nội.
2. Chính phủ. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Ngày 10/1/2022 về "Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT".
3. Quốc hội. Luật số: 72/2020/QH14. "Luật BVMT"
4. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. Một số kết quả khảo sát DN về kinh doanh tuần hoàn tại Việt Nam. Bài trình bày tại buổi tập huấn ngày 7/7/2022. CIEM, Hà Nội.

Một vài đề xuất về giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam

TS. PHẠM KHANG
Hội Đánh giá tác động môi trường Việt Nam

Trên thế giới, việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án đầu tư được xem là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhằm góp phần đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Ở Việt Nam, ĐTM đã được luật hóa trong Luật BVMT năm 1993, 2005, 2014 và 2020. Việc thực hiện ĐTM ở Việt Nam trong thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ.

Luật BVMT năm 2020 đã có quy định mới mang tính đột phá đối với ĐTM nói chung, thẩm định báo cáo ĐTM nói riêng đó là thay vì ra Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM như đã được quy định tại các Luật BVMT trước đây, Luật BVMT năm 2020 quy định việc ra Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM. Nội dung của Quyết định này được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ TN&MT. Theo đó, “Các nội dung, yêu cầu về BVMT của dự án” kèm theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là toàn diện và chi tiết, cụ thể, trong đó có việc phải thể hiện rõ các nguồn phát sinh chất thải, tính chất và lưu lượng của nước thải, khí thải, tính chất và khối lượng của chất thải rắn, chất thải nguy hại và các tác động không liên quan đến chất thải khác. Các công trình và biện pháp BVMT của dự án cũng được yêu cầu thể hiện rõ các hạng mục công trình xử lý, công nghệ xử lý, lưu giữ tương ứng. Để có thể có được quyết định phê duyệt kết quả thẩm định với yêu cầu nội dung như trên, cần thiết phải dựa trên báo cáo ĐTM có chất lượng tốt.

Có thể thấy, chất lượng của báo cáo ĐTM theo thời gian đã không ngừng được cải thiện chủ yếu bởi các quy định của pháp luật về ĐTM, hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày càng toàn diện, chặt chẽ và kèm theo đó, Bộ TN&MT đã tổ chức nhiều đợt tập huấn và ban hành hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo ĐTM cho nhiều loại hình dự án. Mặc dù vậy, thực tế hiện nay cho thấy, có tới 90% các báo cáo ĐTM được đưa ra thẩm định lần đầu đều không được

thông qua, hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, trong đó có không ít báo cáo ĐTM phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều. Trong khi đó, việc xử lý các báo cáo ĐTM được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định để đảm bảo chất lượng, đáp ứng cho việc ra Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM trong một thời gian tương đối ngắn, được quy định bởi Luật BVMT năm 2020 đã và đang là áp lực lớn đối với Cơ quan Thường trực Hội đồng. Chính vì vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng có tính cấp bách trong thời gian tới đó là cần phải có những giải pháp có tính hiệu lực hơn nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo ĐTM.

Chi phối đến chất lượng của báo cáo ĐTM có nhiều yếu tố, tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết, xin đề cập tới 3 yếu tố:

KINH PHÍ LẬP BÁO CÁO ĐTM

Theo quy định tại Điều 31, Luật BVMT năm 2020, ĐTM do Chủ dự án thực hiện hoặc thông quan đơn vị tư vấn. Tuy nhiên, trên thực tế phần lớn nếu không muốn nói là tất cả báo cáo ĐTM đều được đơn vị tư vấn thực hiện. Theo quy định của pháp luật, việc lựa chọn tư vấn ĐTM được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu và yếu tố kinh phí nhiều khi lại có tính quyết định dẫn đến một thực trạng đó là mức kinh phí lập báo cáo ĐTM có xu hướng ngày một thấp đi

và đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến chất lượng của Báo cáo ĐTM không đáp ứng yêu cầu.

Vấn đề này đã được Bộ TN&MT cũng như Tổng cục Môi trường nhận thấy và trong giai đoạn 2017-2018 đã tiến hành điều tra, nghiên cứu công phu để xây dựng 2 Đề án gồm: Đề án về “Phí thẩm định báo cáo ĐTM” và Đề án về “Mức kinh phí sàn lập báo cáo ĐTM” (được hiểu là mức kinh phí tối thiểu) đối với từng loại hình dự án khác nhau. Các Đề án này đã được trình cho Bộ Tài chính xem xét, ban hành theo thẩm quyền, tuy nhiên, chỉ Đề án phí thẩm định báo cáo ĐTM được chấp nhận. Việc quy định “mức kinh phí sàn lập báo cáo ĐTM” không chỉ góp phần đảm bảo đủ kinh phí tối thiểu cho việc lập báo cáo ĐTM có chất lượng mà còn là căn cứ cho Chủ dự án trong việc lập hợp đồng kinh tế đối với việc lập báo cáo ĐTM. Đây là một cách tiếp cận hoàn toàn đúng đắn và cần thiết nhằm góp phần nâng cao chất lượng của báo cáo ĐTM và cần được tiếp tục xem xét để có giải pháp trong thời gian tới.

TƯ VẤN LẬP BÁO CÁO ĐTM

Điều 31 Luật BVMT năm 2020 quy định “Tư vấn phải có đủ điều kiện thực hiện ĐTM”. Tuy nhiên, trong thời gian qua và cho đến nay “điều kiện để thực hiện ĐTM” mới chỉ được quy định chung chung, không có những tiêu chí cụ thể dẫn đến tình trạng trăm hoa đua

nở, cứ là tư vấn môi trường là có thể tham gia đấu thầu lập báo cáo ĐTM đối với bất kỳ loại hình dự án nào dẫn đến tình trạng nhiều đơn vị tư vấn không có năng lực về chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp cũng thực hiện dịch vụ lập báo cáo ĐTM.

Nhận thấy rõ tình trạng này, năm 2015, Bộ TN&MT đã có kế hoạch ban hành Thông tư trong đó quy định cụ thể các yêu cầu, tiêu chí đối với một tổ chức tư vấn môi trường nói chung, lập báo cáo ĐTM nói riêng và chỉ các đơn vị tư vấn có Chứng chỉ do Bộ TN&MT cấp mới được thực hiện dịch vụ lập báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, do vướng mắc về pháp lý nên Thông tư này cho đến nay vẫn chưa được ban hành. Việc cấp Chứng chỉ lập báo cáo ĐTM cũng tương tự như cấp chứng chỉ hành nghề hay cấp giấy phép lái xe là một định hướng tốt góp phần nâng cao chất lượng của tư vấn lập báo cáo ĐTM, do đó, cần được tiếp tục xem xét để có giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

KỸ THUẬT ĐTM

Hiện nay, có nhiều phương pháp ĐTM bao gồm các phương pháp định tính, bán định lượng và định lượng được sử dụng, trong đó có phương pháp đánh giá nhanh dựa trên hệ số ô nhiễm được ban hành bởi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hoặc Cục BVMT quốc gia Mỹ (USEPA) đã được ban hành từ rất lâu vào những năm 70, 90 của Thế kỷ 20 hoặc của một vài công trình nghiên cứu được công bố ở Việt Nam nhưng chưa có sự chấp thuận chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều đáng nói hơn nữa là phương pháp đánh giá nhanh ngay từ tên gọi của nó cho thấy mục tiêu là để xác định các tác động tiềm tàng của dự án lên môi trường một cách sơ bộ nên có độ chính xác không cao và chỉ phù hợp cho giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi của dự án. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, phần lớn các báo cáo ĐTM được thực hiện ở Việt Nam đều sử dụng phương pháp đánh giá nhanh là phương pháp chính. Chính vì vậy, đang có một thực trạng, đó là các kết quả tính toán định lượng về tải lượng, nồng độ chất ô nhiễm đều thấp và không phù hợp với thực tế. Do vậy, kiến nghị với Bộ TN&MT xem xét có giải pháp theo hướng ban hành các hệ số ô nhiễm phù hợp cho điều kiện của Việt Nam và từng bước hạn chế, tiến tới không cho phép việc sử dụng phương pháp đánh giá nhanh trong ĐTM ở giai đoạn nghiên cứu khả thi của dự án.

Có thể nói, ĐTM là công cụ pháp lý có vai trò quan trọng trong quản lý và BVMT. Công cụ này không chỉ có hiệu quả về mặt BVMT mà còn có hiệu quả về mặt kinh tế đối với chủ đầu tư nói riêng, cộng đồng nói chung. Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật về ĐTM ở Việt Nam hiện nay vẫn còn một số bất cập, điều này cần phải được hoàn thiện trong thời gian tới để ĐTM phát huy đúng vai trò trong đời sống xã hội■

QUAN TRẮC ĐỘT XUẤT KHÍ THẢI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KHU CÔNG NGHIỆP GIÁP KHU DÂN CƯ TẠI ĐÀ NẴNG



▲ Quan trắc môi trường không khí trước Khu chung cư xã hội Hòa Khánh

Từ ngày 23 - 28/8/2022, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng (DHPIZA) đã triển khai đợt 1 Kế hoạch BVMT Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung và các Khu công nghiệp (KCN) trên địa bàn Thành phố năm 2022.

Theo đó, DHPIZA tiến hành quan trắc đột xuất khí thải tại các doanh nghiệp có phát sinh khí thải mà người dân các khu vực lân cận thường xuyên có phản ánh; đồng thời quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các khu vực giáp ranh KCN như Khu chung cư xã hội Hòa Khánh, khu vực đường Phạm Văn Tráng, đường Mê Linh giáp KCN Hòa Khánh; khu vực đường Nguyễn Văn Cừ giáp KCN Liên Chiểu, khu dân cư đường Trần Nhân Tông giáp KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng. Hoạt động mở đầu cho đợt này là việc lấy mẫu đột xuất khí thải, môi trường không khí tại một số điểm thuộc KCN Hòa Khánh giáp với khu dân cư vừa được DHPIZA tiến hành ngày 23/8/2022. Trước khi tiến hành đợt quan trắc đột xuất, DHPIZA đã có Thông báo số 1461/TB-BQL đề nghị các doanh nghiệp trong KCN hạn chế tác động của khói, khí thải đến khu dân cư.

Đồng thời, DHPIZA đề nghị các đơn vị đang sử dụng than đá làm nhiên liệu cho lò hơi quan tâm nghiên cứu chuyển sang các nhiên liệu sạch hơn, giảm tác động đến môi trường; khuyến khích áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, các sáng kiến giúp giảm phát thải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong năm 2022, DHPIZA sẽ tổ chức 3 đợt đột xuất lấy mẫu môi trường không khí, mỗi đợt kéo dài 1 tuần nhằm kịp thời phát hiện các doanh nghiệp vi phạm quy định xả thải, ảnh hưởng đến khu dân cư lân cận. Toàn bộ kết quả quan trắc sẽ được DHPIZA thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử trong vòng 15 ngày sau khi có kết quả.

ĐỨC ANH

Hiện trạng đánh giá tác động đa dạng sinh học trong đánh giá tác động môi trường và các đề xuất, kiến nghị

PGS. TS. LÊ XUÂN CẢNH

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Đánh giá tác động ĐDSH là một nội dung của đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và báo cáo ĐTM theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022. Việc đánh giá tác động ĐDSH trong ĐTM nhằm xác định các yếu tố ĐDSH trong các giai đoạn thực hiện ĐTM để giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án đến ĐDSH và thúc đẩy các giải pháp bảo tồn ĐDSH, sử dụng bền vững và chia sẻ công bằng lợi ích ĐDSH, BVMT trong quá trình thực hiện các dự án có ảnh hưởng đến ĐDSH.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐDSH

Nội dung

Đánh giá tác động ĐDSH là một phần của toàn bộ quá trình ĐTM và báo cáo ĐTM cuối cùng cần đưa ra rõ ràng tất cả các thông tin có liên quan để ra quyết định về môi trường. Một cách lý tưởng, báo cáo phải tuân theo các quy định pháp luật và được cấu trúc theo các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Trong một số trường hợp, đặc biệt là khi đánh giá tác động ĐDSH chưa được xem xét đầy đủ trong báo cáo ĐTM chính, báo cáo ĐTM bổ sung phải được thực hiện để tập trung vào các yếu tố ĐDSH.

Khi chuẩn bị các nội dung ĐDSH của một báo cáo ĐTM hoặc khi chuẩn bị báo cáo đánh giá tác động ĐDSH độc lập để bổ sung cho báo cáo ĐTM, bao gồm: Mô tả dự án; Mô tả hiện trạng của ĐDSH; Xác định các tác động đến ĐDSH ở các cấp độ khác nhau; Giảm nhẹ và quản lý tác động; Kế hoạch giám sát.

Báo cáo cũng cần xác định rõ các nguồn thông tin về ĐDSH và phương pháp được sử dụng trong các cuộc điều tra ĐDSH bổ sung khi cần thiết. Tham khảo ý kiến các bên liên quan, tiếp cận với kiến thức địa phương và bản địa cũng rất quan trọng.

Các nguyên tắc và cách tiếp cận khi thực hiện đánh giá tác động ĐDSH

Việc đánh giá tác động đến ĐDSH cần được xem xét và thực hiện phù hợp các nguyên tắc sau:

Xác định, đánh giá tác động đến các loại hình và điều kiện môi trường sống của các loài hoang dã: Đánh giá các mối đe dọa và áp lực từ dự án phát triển để quản lý, cải thiện điều kiện môi trường sống của các loài hoang dã.

Xác định, đánh giá tác động đến các loài nguy cấp: Đánh giá tác động tại địa điểm có các loài nguy cấp.

Đảm bảo các giai đoạn của dự án không làm mất giá trị thực của ĐDSH: Áp dụng tất cả các biện pháp phòng tránh và giảm thiểu tác động của dự án đến ĐDSH, thực hiện phục hồi tại chỗ và bồi hoàn những thiệt hại còn lại (nếu có) sau khi đã áp dụng các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu trên một quy mô địa lý thích hợp nhằm duy trì giá trị thực của ĐDSH.

Sự mất mát của ĐDSH phải được ngăn chặn trong quá trình chuẩn bị, triển khai và vận hành dự án để tránh mất đi sự ĐDSH mà không thể thay thế được hoặc sự mất mát ĐDSH khác phải được bù đắp (về chất lượng và số lượng). Khi một dịch vụ HST mất mà không thể phục hồi, nhưng trong một số trường hợp có thể được "thay thế" bằng công nghệ thích hợp, vậy nên các cơ hội tăng cường ĐDSH cần được xác định và hỗ trợ trong các giai đoạn thực hiện dự án.

Nguyên tắc phòng ngừa: Phòng ngừa mất mát ĐDSH là hoạt động cần được thực hiện trước tiên, kể cả khi tác động của dự án chưa được xác định đầy đủ về mặt khoa học.

Nguyên tắc phòng ngừa yêu cầu một cách tiếp cận thận trọng và tránh rủi ro trong những trường hợp không thể dự đoán được các tác động một cách chắc chắn và/hoặc khi có sự không chắc chắn về hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu tác động đến ĐDSH. Nếu các tác động của dự án đối với ĐDSH (đặc biệt, các HST tự nhiên quan trọng) không thể xác định một cách chắc chắn, thì hoạt động sẽ bị tạm dừng cho đến khi có đủ thông tin, hoặc "tình huống xấu nhất" được áp dụng dù có tác động đến ĐDSH nhưng có giải pháp thực hiện giảm thiểu rủi ro đến mức có thể chấp nhận được và kiểm soát, quản lý hiệu quả các tác động tiêu cực đến ĐDSH. Nguyên tắc này được áp dụng một cách hài hòa nhằm đảm bảo đem lại lợi ích về BVMT, bảo tồn thiên nhiên, ĐDSH và hiệu quả của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Xác định và đánh giá các kiến thức bản địa, địa phương và truyền thống tại khu vực dự án: Xác định và ghi nhận các kiến thức bản địa, truyền thống hay các kiến thức của người dân địa phương về bảo tồn ĐDSH và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên để sử dụng trong đánh giá tác động ĐDSH.

Sự tham gia: Huy động sự tham gia của các bên liên quan bao gồm cộng đồng địa phương, các tổ chức bảo tồn và khu vực tư nhân có sử dụng tài nguyên thiên nhiên để hiểu được tầm quan trọng của ĐDSH và phương thức sử dụng chúng nhằm giảm thiểu tác động, quản lý và bồi hoàn ĐDSH trong quá trình triển khai dự án.

Các bước cân nhắc ĐDSH trong ĐTM

Bước 1: Sàng lọc

Việc sàng lọc được sử dụng để xác định dự án phải thực hiện ĐTM và loại trừ dự án không tác động có hại đến môi trường, ĐDSH. Các tiêu chí sàng lọc phải bao gồm các cân nhắc ĐDSH, nguy cơ tiềm năng tác động đáng kể đến ĐDSH từ các hoạt động dự án. Kết quả của quá trình sàng lọc là một quyết định về mức độ thực hiện đánh giá tác động ĐDSH.

Việc sàng lọc các dự án phải ĐTM thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật BVMT 2020 và Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Theo đó, tất cả các dự án ĐTM đều phải đánh giá tác động ĐDSH.

Theo quy định tại Điều 30 Luật BVMT năm 2020, đối tượng phải thực hiện ĐTM bao gồm: (i) Dự án đầu tư Nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật BVMT; (ii) Dự án đầu tư Nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật BVMT.

Việc xác định dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật BVMT được quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Quy định sàng lọc đối với dự án thực hiện trong Khu dự trữ sinh quyển theo pháp luật về BVMT tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP như sau: Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu dự trữ sinh quyển với quy mô từ 1 ha vùng lõi và từ 20 ha vùng đệm sẽ phải làm báo cáo ĐTM. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM này thuộc Bộ TN&MT; Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển và từ 5 ha vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển sẽ phải làm báo cáo ĐTM. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM thuộc Bộ TN&MT; Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu dự trữ sinh quyển với quy mô dưới 1 ha vùng lõi và dưới 20 ha vùng đệm sẽ phải làm báo cáo ĐTM. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM này thuộc Sở TN&MT; Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước dưới 5 ha vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển sẽ phải làm báo cáo ĐTM. Thẩm

quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM này thuộc Sở TN&MT.

Như vậy, theo quy định trên, đối tượng các dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước, dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước tại vùng lõi và vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển phải làm báo cáo ĐTM và trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Còn các dự án thực hiện tại vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển sẽ thực hiện theo quy định về danh mục dự án đầu tư Nhóm I, Nhóm II có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cần phải làm báo cáo ĐTM.

Kết quả sàng lọc là đưa ra các phương án để dự án thực hiện:

Dự án được đề xuất là "cực kỳ nguy hiểm" vì không phù hợp với các công ước, chính sách hay luật pháp quốc gia và quốc tế. Quyết định đưa ra là thuyết phục chủ dự án không nên theo đuổi dự án này. Nếu chủ dự án vẫn muốn tiếp tục, ĐTM bắt buộc phải thực hiện trong đó có đánh giá tác động ĐDSH;

Dự án phải thực hiện ĐTM, đánh giá tác động ĐDSH: Nội dung của báo cáo ĐTM theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ TN&MT.

Dự án không đòi hỏi thực hiện ĐTM, đánh giá tác động ĐDSH.

Bước 2: Xác định phạm vi triển khai dự án

Bước xác định phạm vi của dự án nhằm xác định các vấn đề quan trọng cần được thực hiện trong đánh giá tác động ĐDSH. Xác định phạm vi trong nội dung đánh giá

tác động đến ĐDSH cần thực hiện trên quan điểm bảo tồn ĐDSH, bao gồm xác định mức độ cân nhắc ĐDSH và giá trị dịch vụ HST. Cụ thể đối với dự án có sử dụng đất hoặc chiếm dụng đất ở vùng lõi khu dự trữ sinh quyển thế giới, di sản thiên nhiên sẽ có tác động đến ĐDSH khác với các dự án đầu tư phát triển tại vùng đệm và vùng chuyển tiếp của khu dự trữ sinh quyển thế giới, di sản thiên nhiên.

Nội dung xác định phạm vi dự án ảnh hưởng đến ĐDSH:

- Mô tả loại hình dự án, xác định các phương án thực hiện tiềm năng và các hoạt động của dự án có khả năng ảnh hưởng đến ĐDSH và các dịch vụ HST; mức độ ảnh hưởng của dự án đến các phân vùng của khu dự trữ sinh quyển, di sản thiên nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật BVMT năm 2020.

- Xác định phạm vi không gian và thời gian để thực hiện đánh giá tác động ĐDSH;

- Xác định các bên liên quan cần được tham vấn trong đánh giá tác động ĐDSH;

- Xác định các đối tượng bị tác động và mức độ tác động: Các HST tự nhiên, bao gồm: Các HST trên cạn, HST đất ngập nước, HST biển; Các loài sinh vật, bao gồm: Các loài nguy cấp, quý, hiếm; loài đặc hữu; loài chỉ thị.

Bước 3: Mô tả hiện trạng nền

Mục đích của bước này là mô tả các điều kiện hiện tại và hiện trạng của ĐDSH trong khu vực bị ảnh hưởng bởi dự án, như đã được xác định trong bước xác định phạm vi. Việc mô tả các điều kiện nền của ĐDSH là rất quan trọng cho các bước ĐTM tiếp theo. ĐDSH trong khu vực được dự báo có thể sẽ bị ảnh hưởng đáng kể

cần phải được mô tả chi tiết đầy đủ để xác định và đánh giá các tác động.

Mô tả hiện trạng cần bao gồm các HST và môi trường sống khác nhau trong vùng tác động. Các vùng tác động bên trong hoặc gần khu bảo tồn/vùng lõi của khu di sản thiên nhiên đã được công nhận thì cần được ghi nhận và chuyển thành bản đồ. Các yếu tố nhạy cảm sinh thái cần được lưu ý. Hình ảnh vệ tinh rất hữu ích để mô tả môi trường sống, mặc dù hình ảnh này cần phải được kiểm chứng thông qua các cuộc điều tra tại chỗ.

Ngoài ra, các áp lực môi trường liên quan đến ĐDSH cần được xem xét để dự báo tác động tiềm năng đến ĐDSH. Điều quan trọng là cần mô tả những áp lực hiện tại và xu hướng của ĐDSH khi không có dự án.

Hiện trạng ĐDSH được mô tả dựa trên các thông tin được cung cấp bởi chuyên gia tư vấn, nguồn thông tin nền và các kết quả của cuộc điều tra, khảo sát bổ sung được thực hiện trong quá trình ĐTM. Mối liên hệ giữa ĐDSH và đặc điểm kinh tế xã hội của khu vực dự án phải được xác định một cách cẩn thận hoặc là dựa trên kết quả của các nghiên cứu thực hiện trước đó, hoặc là bằng cách kết hợp thực hiện việc điều tra về mối liên hệ này trong các cuộc điều tra bổ sung. Mô tả hiện trạng thường được thực hiện chủ yếu bằng cách sử dụng dữ liệu và thông tin hiện có, tuy nhiên một số phân tích dự báo bổ sung có thể được yêu cầu để dự đoán xu hướng phát triển và thay đổi của ĐDSH, ví dụ dưới tác động của BĐKH.

Tùy thuộc vào phạm vi ảnh hưởng của dự án đối với các phân vùng các di sản thiên nhiên mà mức độ mô tả hiện trạng, thông tin nền khác nhau do mức độ ĐDSH khác nhau. Trong đó, đối với dự án ảnh hưởng trực tiếp đến vùng lõi khu di sản thiên nhiên, cần phải mô tả chi tiết, đầy đủ các thông tin về hiện trạng ĐDSH, dịch vụ HST của khu vực.

Bước 4: Dự báo tác động

Các loại tác động được đánh giá bao gồm tác động trực tiếp, gián tiếp, thứ cấp, tích lũy, ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, vĩnh viễn và tạm thời, tích cực và tiêu cực phát sinh từ dự án. Các tác động gián tiếp và tích lũy cũng như các tác động trực tiếp liên quan đến ĐDSH là đặc biệt quan trọng.

Sau khi xác định được phạm vi và đánh giá tầm quan trọng, hiện trạng của ĐDSH, sẽ xác định, dự báo và đánh giá các tác động trực tiếp hoặc tác động tiềm tàng của dự án đến ĐDSH.

Việc đánh giá tác động đến ĐDSH là một quá trình xác định sơ bộ tác động, đánh giá chi tiết tác động và thiết kế, so sánh các phương án thực hiện cùng các biện pháp giảm thiểu tác động đến ĐDSH. Nội dung phân tích và đánh giá tác động đến ĐDSH bao gồm: Nâng cao sự hiểu biết về những tác động tiềm năng được xác định trong quá trình sàng lọc, xác định phạm vi và được mô tả trong điều khoản tham chiếu. Điều này bao gồm việc xác định các tác động gián tiếp và tích lũy, các chuỗi nguyên nhân - hậu quả có thể xảy ra; xem xét và thiết kế lại các phương án thực hiện; cân nhắc các biện pháp giảm nhẹ và tăng cường, cũng như bồi thường các tác động còn lại; lập kế hoạch quản lý tác động; đánh giá tác động và so sánh các phương án thực hiện; xác định các tác động gián tiếp, tích lũy và các chuỗi nguyên nhân - hậu quả có thể xảy ra đối với ĐDSH tại các khu vực triển khai dự án hoặc xung quanh khu vực dự án...

Bước 5: Giảm thiểu tác động

Giảm thiểu là hành động liên tục được thực hiện để loại bỏ hoặc giảm nhẹ các tác động bất lợi, bằng cách kiểm soát các nguồn tác động, hoặc giảm thiểu sự ảnh hưởng của các thành phần sinh học và yếu tố sinh thái từ các tác động của các giai đoạn trong triển khai thực hiện dự án.

Bước 6: Giảm thiểu và quản lý

Giảm thiểu là hành động liên tục được thực hiện để loại bỏ hoặc giảm nhẹ các tác động bất lợi, bằng cách kiểm soát các nguồn tác động, hoặc giảm thiểu sự ảnh hưởng của các thành phần sinh học và yếu tố sinh thái từ tác động của các giai đoạn trong triển khai thực hiện dự án.

Giảm nhẹ trong ĐTM là tìm cách để đạt được các mục tiêu dự án, đồng thời tránh hoặc giảm nhẹ các tác động tiêu cực đến mức chấp nhận được, cũng như tăng cường những lợi ích về môi trường, và để đảm bảo rằng cộng đồng không phải chịu chi phí lớn hơn những lợi ích dự án có thể mang lại. Mục đích của bước giảm nhẹ trong ĐTM là xác định các biện pháp và các phương án bảo vệ ĐDSH và các dịch vụ HST của khu vực triển khai dự án hoặc các khu vực xung quanh dự án. Giảm nhẹ được cân nhắc trong cả giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thực hiện dự án nhằm: Phát triển các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ, khắc phục, bồi thường những tác động bất lợi đáng kể của dự án đến ĐDSH và sinh kế của cộng đồng bị ảnh hưởng theo nguyên tắc: 1) Tránh các tác động đến ĐDSH và tăng cơ hội bảo tồn ĐDSH khi có thể bằng cách lựa chọn và điều chỉnh thiết kế; 2) Nếu không thể tránh tác động cần xác định phương án khả thi tốt nhất để giảm thiểu và tăng cường nhằm đảm bảo không gây thiệt hại đáng kể về ĐDSH; 3) Bồi thường cần được xem như là phương án cuối cùng...

Bước 7: Giám sát

Chương trình, kế hoạch và hệ thống quản lý với các mục tiêu rõ ràng, phân công trách nhiệm và chương trình giám sát phù hợp cần được xây dựng, để đảm bảo các biện pháp giảm thiểu tác động đến ĐDSH được thực hiện hiệu quả, các tác động và xu hướng diễn biến tiêu cực đối với ĐDSH được phát hiện đầy đủ và giải quyết, lợi ích và tác động tích cực của dự án đạt được như mong đợi.

Kế hoạch quản lý ĐDSH là một phần của kế hoạch quản

lý môi trường tổng thể, cần được dự trù kinh phí và được tài trợ bởi chủ dự án. Chi phí thực hiện nên được bao gồm trong chi phí chung của dự án.

Giám sát và kiểm toán ĐDSH được thực hiện để kiểm tra những gì thực sự xảy ra đối với ĐDSH sau khi dự án đã bắt đầu thực hiện. Cần theo dõi các tác động đến ĐDSH được dự báo và hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu đề xuất trong báo cáo ĐTM. Quản lý môi trường phù hợp cần đảm bảo rằng các tác động đã dự báo được giảm thiểu ở mức mong đợi, những tác động không lường trước được quản lý trước khi trở thành nghiêm trọng và các lợi ích dự kiến sẽ đạt được khi thực hiện dự án.

HIỆN TRẠNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐDSH

Đối với đánh giá tác động ĐDSH trong ĐTM, các quy định pháp luật đã được hình thành, phát triển và có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam. đánh giá tác động ĐDSH đã đạt được những thành tựu quan trọng. Các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, thủ tục thẩm định ĐTM nói chung và đánh giá tác động ĐDSH nói riêng được quy định rõ ràng, minh bạch theo hướng cải cách hành chính, đảm bảo chất lượng của việc thẩm định. Nội dung và chất lượng của báo cáo đánh giá tác động ĐDSH ngày càng có những tiến bộ nhất định. Dựa trên quá trình thẩm định báo cáo ĐTM, một số dự án đầu tư trên các lĩnh vực khác nhau đã phải thay đổi địa điểm hoặc không được phê duyệt vì không đảm bảo các yêu cầu về bảo tồn ĐDSH và chuyển đổi diện tích rừng tự nhiên. Như vậy, có thể thấy ĐTM trở thành công cụ hữu ích khi gắn trách nhiệm của chủ dự án đối với BVMT, bảo tồn ĐDSH. Đồng thời, các nhà khoa học, cơ quan truyền thông và toàn xã hội ngày càng quan tâm hơn đến đánh giá tác động ĐDSH. Việc tham vấn ý kiến cộng đồng khi thực hiện ĐTM trở thành yêu cầu bắt buộc, thể hiện sự dân chủ, nhân văn, khoa học... và đang từng bước tiếp cận với kinh nghiệm quốc tế.

Bên cạnh đó, một số hạn chế còn hiện hữu cần được nghiên cứu, thảo luận rộng rãi và đưa ra giải pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu trong tình hình mới: Chất lượng báo

cáo đánh giá tác động ĐDSH còn phụ thuộc vào chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, loại hình dự án, nguồn lực thực hiện, hội đồng, cơ quan thẩm định. Trong một số trường hợp, vì sức ép tăng trưởng kinh tế, một số ngành, địa phương xem nhẹ vai trò của đánh giá tác động ĐDSH. Ngoài ra, cũng có những trường hợp quá trình đánh giá tác động ĐDSH chưa dự báo đúng mức, chưa lường trước các vấn đề môi trường nhạy cảm, phức tạp của dự án. Việc đầu tư ngân sách cho công tác đánh giá tác động ĐDSH còn hạn chế, chưa có đủ kinh phí để xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐDSH. Các thông tin dữ liệu về ĐDSH trên phạm vi toàn quốc còn tản mạn, không đầy đủ và thiếu hệ thống, trong khi đó, đây là những thông tin quan trọng phục vụ cho công tác đánh giá tác động ĐDSH...

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

Giải pháp

Thứ nhất, cần tiến hành nghiên cứu tổng thể về thực trạng đánh giá tác động ĐDSH của Việt Nam thông qua hoạt động rà soát, đánh giá hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá các điều kiện, nguồn lực thực hiện; hệ thống hóa những tồn tại, khó khăn thách thức, những bài học kinh nghiệm trong thời gian qua. Bên cạnh đó, tiến hành nghiên cứu, tham khảo hệ thống đánh giá tác động ĐDSH của một số nước trên thế giới đã áp dụng thành công.

Thứ hai, cần xem mỗi đánh giá tác động ĐDSH là tập hợp các nghiên cứu chuyên sâu về thành phần môi trường sinh thái; khoa học dự báo... Như vậy, mỗi đánh giá tác động

ĐDSH đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm.

Thứ ba, sàng lọc và quyết định đầu tư dự án trên cơ sở thẩm nhuần quan điểm phát triển bền vững - phát triển kinh tế gắn kết với bảo vệ ĐDSH. Xóa bỏ quan điểm xem ĐTM là một thủ tục hành chính để được cấp phép hoặc chấp thuận đầu tư, thay vào đó, cần xác định rằng ĐTM là công cụ khoa học - kỹ thuật - pháp lý, là một trong những căn cứ quan trọng để đi đến quyết định đầu tư hay không đầu tư dự án hoặc phải thay đổi phương án khác cho dự án.

Kiến nghị

Cần ban hành hướng dẫn kỹ thuật chi tiết cho đánh giá tác động ĐDSH trong ĐTM để các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức xây dựng báo cáo ĐTM và các cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM có cơ sở triển khai thực hiện.

Mở nhiều lớp tập huấn liên quan đến đánh giá tác động ĐDSH, hướng dẫn cách thức tiếp cận và các bước lồng ghép đánh giá tác động ĐDSH trong ĐTM, các biện pháp giảm thiểu tác động và quản lý ĐDSH, nội dung thẩm định đánh giá tác động ĐDSH lồng ghép trong ĐTM.

Ban hành bộ chỉ số ĐDSH quốc gia làm cơ sở để thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng và đánh giá tác động thông qua so sánh mức độ thay đổi ĐDSH so với hiện trạng trước khi thực hiện dự án.

Quy định cụ thể nội dung tham vấn cộng đồng về ĐDSH trong các báo cáo ĐTM và cách thức thực hiện thu thập thông tin, kiến thức bản địa về ĐDSH.

Hướng dẫn kỹ thuật riêng trong công tác giám sát ĐDSH■

Đề xuất tiêu chí, quy trình xây dựng và áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) phù hợp với điều kiện Việt Nam

PGS.TS. PHÙNG CHÍ SỸ
Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước các vấn đề chất lượng môi trường ở nước ta có những diễn biến phức tạp do sự phát triển các ngành công nghiệp, bao gồm ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên đang diễn ra gay gắt với mức độ ngày càng gia tăng, làm thiệt hại lớn về môi trường và kinh tế, gây ra nhiều hệ quả nghiêm trọng khác nhau đòi hỏi có những sáng kiến, những cải tiến công nghệ trong sản xuất nhằm vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm, vừa ít tổn hại đến môi trường. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (Best Available Technology -BAT) là cách tiếp cận quản lý tổng hợp về áp dụng kỹ thuật sẵn có, an toàn và phù hợp với thực tế nhằm giảm hoặc phòng ngừa việc phát thải một hay một số chất gây ô nhiễm, hoặc sử dụng hiệu quả tài nguyên (năng lượng, nguyên liệu hoặc nước) hoặc giảm thiểu rủi ro sự cố (như hóa chất), từ đó tăng hiệu quả kinh tế đối với doanh nghiệp áp dụng BAT.

Trong thời gian qua tại Việt Nam đã có một số ngành sản xuất trong nước đã biết đến và sử dụng BAT từ những năm 90 của thế kỷ trước. Ngành Dệt may và Da giày là hai ngành hội nhập sớm và sâu nhất, cũng là 2 ngành tiếp cận BAT đầu tiên. BAT hỗ trợ cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường và đáp ứng các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang áp dụng các kỹ thuật tốt nhất của ngành nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm phát thải nhưng không gọi BAT. Tuy nhiên, BAT đang sử dụng ở Việt Nam phần lớn đến từ nước ngoài, Việt Nam chưa có danh mục BAT riêng.

Tại Việt Nam, lần đầu tiên khái niệm BAT được đưa vào Luật BVMT năm 2020: “Kỹ thuật hiện có tốt nhất là các kỹ thuật và phương thức quản lý hiệu quả, tiên tiến, phù hợp với thực tế nhằm ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm trong từng giai đoạn của quá trình sản xuất, giảm thiểu tác động đến môi trường” (Khoản 36, Điều 3).

Bài trình bày đề xuất tiêu chí, quy trình xây dựng và lộ trình áp dụng BAT phù hợp với điều

kiện Việt Nam theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

2. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH KỸ THUẬT HIỆN CÓ TỐT NHẤT

Dựa theo định nghĩa về BAT theo Khoản 36, Điều 3, Luật BVMT năm 2020, các tiêu chí xác định BAT bao gồm:

a) Nhóm tiêu chí kỹ thuật, bao gồm các thông số sau:

- Định mức tiêu thụ nguyên vật liệu đối với mỗi loại nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất (tính bằng kg/tấn sản phẩm).

- Định mức tiêu thụ hóa chất đối với mỗi loại hóa chất phục vụ cho sản xuất (tính bằng kg/tấn sản phẩm).

- Định mức tiêu thụ nhiệt hay năng lượng do đốt than, dầu, củi, khí hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (NG), sinh khối (tính bằng GJ/tấn sản phẩm).

- Định mức tiêu thụ điện (tính bằng MWh/tấn sản phẩm).

- Định mức tiêu thụ nước (tính bằng m³/tấn sản phẩm).

Những tiêu chí thuộc nhóm kỹ thuật được ký hiệu là Ykt-i, trong đó i là số lượng các tiêu chí kỹ thuật từ 1 đến 5

b) Nhóm tiêu chí về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường (gọi tắt là nhóm tiêu chí môi trường), bao gồm các thông số:

- Hệ số phát thải đối từng chất ô nhiễm có trong khí thải (tính bằng kg/tấn sản phẩm) (Gọi tắt là Hệ số phát thải khí thải).

- Hệ số phát thải đối từng chất ô nhiễm có trong nước thải (tính bằng kg/tấn sản phẩm) (Gọi tắt là Hệ số phát thải nước thải).

- Hệ số phát thải đối với chất thải rắn thông thường (tính bằng kg/tấn sản phẩm) (Gọi tắt là Hệ số phát thải chất thải rắn thông thường).

- Hệ số phát thải đối với chất thải nguy hại (tính bằng kg/tấn sản phẩm) (Gọi tắt là Hệ số phát thải chất thải nguy hại).

Những thông số thuộc tiêu chí môi trường được ký hiệu là Ymt-j, trong đó j là số lượng các thông số môi trường từ 1 đến 4.

Để cho đơn giản có thể gọi chung các thông số là Yti trong đó i từ 1 đến 9.

Do mỗi nhóm thông số được sử dụng để đánh giá kỹ thuật hiện có của một dây chuyền công nghệ cụ thể. Nếu trong một cơ sở sản xuất có nhiều dây chuyền công nghệ, mỗi dây chuyền công nghệ tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau thì cần phải xác định từng nhóm thông số cho từng dây chuyền công nghệ, cho từng loại sản phẩm.

Có thể tóm tắt nhóm thông số để đánh giá kỹ thuật hiện có trong Bảng 1.

Các thông số đánh giá kỹ thuật thực tế tốt nhất (BAT)

sẽ thay đổi theo thời gian theo hướng ngày càng tốt hơn phụ thuộc vào trình độ công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải và trình độ quản lý sản xuất, quản lý môi trường.

Do vậy, kỹ thuật thực tế tốt nhất (BAT) sẽ chỉ phù hợp trong một khoảng thời gian nhất định và chỉ phù hợp cho một quốc gia, một vùng lãnh thổ nhất định. Vì vậy, không thể lấy các thông số BAT của những năm 2015-2020 để áp dụng cho giai đoạn 2021-2025; Cũng không thể lấy BAT (thiết lập năm 2020) của các nước phát triển như Mỹ, các nước châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... để áp dụng cho các nước đang phát triển như Việt Nam được. Mỗi quốc gia, trong một khoảng thời gian nhất định cần phải thiết lập một bộ các thông số BAT phù hợp với điều kiện thực tế của quốc gia mình.

3. QUY TRÌNH XÂY DỰNG KỸ THUẬT HIỆN CÓ TỐT NHẤT

Quy trình xây dựng BAT cho một ngành cụ thể bao gồm các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định số lượng các cơ sở sản xuất trong một ngành có công nghệ tương tự, lập danh mục các cơ sở cần điều tra, khảo sát thực tế (Ví dụ: Sản xuất giấy tẩy trắng từ giấy phế liệu) (Số lượng nhà máy được ký hiệu từ 1 đến n).

- *Bước 2:* Lập mẫu phiếu điều tra trong đó có các thông tin chung; thông tin về công nghệ sản xuất; công suất sản phẩm; các thông số kỹ thuật (tiêu thụ nguyên vật liệu, hóa chất, nhiệt, điện, nước); các thông số môi trường (đặc trưng khí thải, nước thải (lưu lượng, nồng độ), chất thải rắn, chất thải nguy hại); công nghệ xử lý chất thải; các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm môi trường.

- *Bước 3:* Tiến hành điều tra thực tế, đo đạc, lấy mẫu, phân tích theo mẫu phiếu điều tra đã lập ở bước 2 tại các cơ sở sản xuất đã nêu tại bước 1.

- *Bước 4:* Tính toán các các thông số kỹ thuật và các thông số môi trường (Yti) đối với mỗi nhà máy (Ký hiệu Yn-ti).

- *Bước 5:* Lập bảng so sánh để xác định các thông số tương ứng với kỹ thuật thực tế tốt nhất của ngành sản xuất (Ký hiệu Yci) (Xem Bảng 2).

4. LỘ TRÌNH ÁP DỤNG KỸ THUẬT HIỆN CÓ TỐT NHẤT

Theo Khoản 3, Điều 105, Luật BVMT năm 2020 về áp dụng kỹ thuật thực tế tốt nhất thì Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có

Bảng 1. Các tiêu chí đánh giá kỹ thuật hiện có

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính theo sản phẩm	Ký hiệu theo nhóm	Ký hiệu chung
I	Nhóm thông số kỹ thuật		Y _{kt-i}	Y _{ti}
1	Định mức tiêu thụ nguyên vật liệu	kg/tấn	Y _{kt-1}	Y _{t1}
2	Định mức tiêu thụ hóa chất	kg/tấn	Y _{kt-2}	Y _{t2}
3	Định mức tiêu thụ nhiệt	GJ/tấn	Y _{kt-3}	Y _{t3}
4	Định mức tiêu thụ điện	MWh/tấn	Y _{kt-4}	Y _{t4}
5	Định mức tiêu thụ nước	m ³ /tấn	Y _{kt-5}	Y _{t5}
II	Nhóm thông số môi trường		Y _{mt-j}	
6	Hệ số phát thải khí thải	kg/tấn	Y _{mt-1}	Y _{t6}
7	Hệ số phát thải nước thải	kg/tấn	Y _{mt-2}	Y _{t7}
8	Hệ số phát thải CTR thông thường	kg/tấn	Y _{mt-3}	Y _{t8}
9	Hệ số phát thải đối với CTNH	kg/tấn	Y _{mt-4}	Y _{t9}

Bảng 2. Xác định kỹ thuật hiện có tốt nhất trên cơ sở số liệu điều tra thực tế

TT	Tiêu chí	Y _{1-ti}	Y _{2-ti}	Y _{3-ti}		Y _{n-ti}	Y _{ci}	BAT
I		Nhóm các thông số kỹ thuật						
1	Định mức tiêu thụ nguyên vật liệu	Y _{1-t1}	Y _{2-t1}	Y _{3-t1}	...	Y _{n-t1}	Min {Y _{1-t1} ...Y _{n-t1} }	Y _{c1} Y _{t1}
2	Định mức tiêu thụ hóa chất	Y _{1-t2}	Y _{2-t2}	Y _{3-t2}	...	Y _{n-t2}	Min {Y _{1-t2} ...Y _{n-t2} }	Y _{c2} Y _{t2}
3	Định mức tiêu thụ nhiệt	Y _{1-t3}	Y _{2-t3}	Y _{3-t3}	...	Y _{n-t3}	Min {Y _{1-t3} ...Y _{n-t3} }	Y _{c3} Y _{t3}
4	Định mức tiêu thụ điện	Y _{1-t4}	Y _{2-t4}	Y _{3-t4}	...	Y _{n-t4}	Min {Y _{1-t4} ...Y _{n-t4} }	Y _{c4} Y _{t4}
5	Định mức tiêu thụ nước	Y _{1-t5}	Y _{2-t5}	Y _{3-t5}	...	Y _{n-t5}	Min {Y _{1-t5} ...Y _{n-t5} }	Y _{c5} Y _{t5}
II		Nhóm các thông số môi trường						
6	HSPT khí thải	Y _{1-t6}	Y _{2-t6}	Y _{3-t6}	...	Y _{n-t6}	Min {Y _{1-t6} ...Y _{n-t6} }	Y _{c6} Y _{t6}
7	HSPT nước thải	Y _{1-t7}	Y _{2-t7}	Y _{3-t7}	...	Y _{n-t7}	Min {Y _{1-t7} ...Y _{n-t7} }	Y _{c7} Y _{t7}
8	HSPT CTR thông thường	Y _{1-t8}	Y _{2-t8}	Y _{3-t8}	...	Y _{n-t8}	Min {Y _{1-t8} ...Y _{n-t8} }	Y _{c8} Y _{t8}
9	HSPT đối với CTNH	Y _{1-t9}	Y _{2-t9}	Y _{3-t9}	...	Y _{n-t9}	Min {Y _{1-t9} ...Y _{n-t9} }	Y _{c9} Y _{t9}

liên quan xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng BAT để áp dụng tại Việt Nam. Định kỳ Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục BAT bảo đảm sự phù hợp với thực tế và mức độ phát triển của khoa học và công nghệ; hướng dẫn kỹ thuật áp dụng BAT đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, xem xét công nhận BAT đã được áp dụng tại nhóm các nước công nghiệp phát triển để áp dụng cho các dự án đầu tư mới tại Việt Nam. Chỉ có thể áp dụng BAT của các nước phát triển như Mỹ,

các nước châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc... đối với các dự án đầu tư mới (đặc biệt là các dự án đầu tư nước ngoài) tại Việt Nam. Hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng BAT đối với một ngành bao gồm các thông tin chung, các vấn đề môi trường ngành, các công đoạn sản xuất và kỹ thuật áp dụng, mức phát thải và tiêu thụ tài nguyên, các kỹ thuật được xem xét để xác định BAT, kết luận về BAT, các kỹ thuật mới, kết luận - kiến nghị. Dựa vào hướng dẫn kỹ thuật, Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định kỹ thuật để bắt buộc áp dụng.

Điều 53, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã quy định lộ trình áp dụng BAT đối với

chủ dự án đầu tư thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này như sau: Đối với dự án đầu tư Mức I trước ngày 1/1/2027, mức II trước ngày 1/1/2028, mức III trước ngày 1/1/2029 (Khoản 1). Đối với cơ sở đang hoạt động thì lộ trình áp dụng được lùi 1 năm so với dự án đầu tư: Cơ sở thuộc Mức I trước ngày 1/1/2028, mức II trước ngày 1/1/2029, mức III trước ngày 1/1/2030 (Khoản 2).

Để đáp ứng được lộ trình áp dụng BAT nêu trên, Bộ TN&MT cần phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan ban hành hướng dẫn kỹ thuật, tiếp theo là quy định kỹ thuật để bắt buộc áp dụng BAT đối với 17 loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường nêu tại Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Khoản 3, Điều 53, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cũng khuyến khích chủ dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường áp dụng BAT đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất sớm hơn lộ trình quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 53 để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

5. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Hiện nay tại Việt Nam đã có một số doanh nghiệp đang sử dụng BAT, nhưng phần lớn tham khảo từ nước ngoài, Việt Nam chưa có danh mục BAT riêng.

Để có thể áp dụng BAT theo quy định của Luật BVMT năm 2020, cần phải xây dựng hệ thống tiêu chí, quy trình xác định và điều kiện áp dụng BAT.

Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan sớm xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng BAT, từ đó ban hành quy định kỹ thuật để bắt buộc áp dụng BAT cho 17 loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [01]. Luật BVMT năm 2020.
 - [02]. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
 - [03]. Tài liệu Hội thảo “Lộ trình áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất và các giải pháp áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam”.
- TP. Hồ Chí Minh, 12/7/2022.

KON TUM: ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngày 29/7/2022, UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Công văn số 2445/UBND-NNTN về việc triển khai thực hiện các quy định về BVMT trên địa bàn tỉnh.

Trong đó, UBND tỉnh yêu cầu Sở TN&MT theo chức năng nhiệm vụ, chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thi hành Luật BVMT năm 2020, Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1009/UBND-NNTN ngày 29/3/2021. Đồng thời, xây dựng, tham mưu trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2020 theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh. Thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính về môi trường (thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường...) thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; không để xảy ra tình trạng chậm tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về môi trường theo quy định của Luật BVMT năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

Cùng với đó, tổ chức tập huấn Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị của địa phương; tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chính sách mới về BVMT đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về BVMT, tạo sự đồng thuận trong xã hội về thực thi pháp luật BVMT, góp phần nâng cao hiệu quả công tác BVMT trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh cũng giao UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt các cơ quan trên địa bàn thực hiện ngay việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai thủ tục hành chính về môi trường tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ; Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chính sách mới về BVMT đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh tổ chức xây dựng, trình HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2020 theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 462/QĐ-UBND về ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Kon Tum quy định chi tiết được giao tại các Luật được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua, đảm bảo triển khai thi hành Luật BVMT năm 2020.

AN BÌNH

Giám định động vật hoang dã - Công cụ hỗ trợ phục vụ công tác điều tra và truy tố tội phạm

GS.TSKH ĐẶNG HUY HUỠNH

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Trong 10 năm qua, hoạt động buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã (ĐVHD) bất hợp pháp ở Việt Nam có chiều hướng gia tăng rõ rệt cả về số lượng vụ việc và quy mô. Một trong những nguyên nhân khiến các cơ quan thực thi pháp luật gặp khó khăn khi điều tra và truy tố tội phạm về ĐVHD là thiếu các giám định cần thiết để xác định các sản phẩm từ ĐVHD bị buôn bán hoặc săn bắt trái phép và nguồn gốc xuất xứ của chúng. Như vậy, giám định là một công đoạn quan trọng để cung cấp minh chứng khoa học trong các vụ xử lý vi phạm hay các vụ án liên quan đến buôn bán động thực vật hoang dã. Có thể thấy đây là một thủ tục cần thiết mà các cơ quan chức năng phải thực hiện trong quá trình xử lý các vụ việc vi phạm liên quan đến ĐVHD, đặc biệt là trong các vụ việc có dấu hiệu hình sự.

CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH ĐVHD

Việt Nam đã ban hành một số luật và văn bản hướng dẫn như: Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), Luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi năm 2018, 2020); Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 82/2006/NĐ-CP về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021); Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Chỉ thị số 28/2016/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài ĐVHD trái pháp luật, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD... Tuy

nhiên, các văn bản này cũng đều chưa quy định rõ nội dung giám định mẫu vật động, thực vật hoang dã.

Theo Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018 và năm 2020), các tổ chức giám định tư pháp công lập bao gồm: Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an; Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh; Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng và một số tổ chức giám định tư pháp khác chuyên về pháp y và pháp y tâm thần. Ngoài ra, hàng năm các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh cũng lựa chọn, lập và công bố danh sách một số tổ chức và chuyên gia giám định tư pháp có chuyên môn phù hợp để thực hiện yêu cầu giám định trong một số lĩnh vực cụ thể. Trong các trường hợp đặc biệt, các cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện nhưng không có tên trong danh sách đã công bố vẫn có thể được trưng cầu để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do.

Theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP), Cơ quan khoa học CITES Việt Nam có chức năng giám định mẫu động vật và thực vật. Quyết định số 2249/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ định bốn cơ quan là Cơ quan

khoa học CITES Việt Nam, trong đó có 2 cơ quan chuyên môn để giám định ĐVHD là Viện Sinh thái Tài nguyên và Sinh vật (lĩnh vực Động vật và Thủy sinh vật) và Viện Nghiên cứu Hải sản (lĩnh vực Thủy sinh vật).

QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH LOÀI ĐVHD

Hiện nay vẫn chưa có tiêu chuẩn cụ thể nào về giám định loài ĐVHD được quy định trong pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, hai phương thức giám định loài đã được các Cơ quan Khoa học CITES sử dụng là giám định hình thái và phân tích bằng kỹ thuật phân tử (AND).

Phương pháp hình thái học: Xác định các loài dựa trên những đặc điểm hình thái, đối với những mẫu vật còn nguyên vẹn hoặc tương đối nguyên vẹn. Phương pháp này hiệu quả cao, ít tốn kém và thời gian đòi hỏi không nhiều, đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan chức năng khi xử lý vụ việc. Tuy nhiên, phương pháp này còn một số bất cập như số lượng động, thực vật thu giữ ngày càng tăng, địa bàn hoạt động của các đối tượng vi phạm lại rộng, chúng lại rất đa dạng, nhưng số lượng cán bộ có trình độ giám định tốt lại mỏng (biên chế có hạn), chuyên môn của các cán bộ rất hẹp nên một lúc không thể đáp ứng được đối với tất cả các nhóm loài và tới được tất cả các địa điểm. Mặt khác, hiện nay Việt Nam mở cửa với tất cả các đối tác nên số vụ buôn bán quốc tế trong lĩnh vực động, thực vật hoang dã tăng đáng kể. Nhiều loài động

vật, thực vật không có phân bố ở Việt Nam nên nhiều lúc không thể xác định tại chỗ được mà cần phải thời gian để tra cứu tài liệu. Hiện nay, tình trạng làm giả các mẫu vật trở nên phổ biến, gây khó khăn không ít cho công tác giám định qua các đặc tính về hình thái, đặc biệt khi tiến hành giám định qua ảnh chụp.

Phương pháp phân tích bằng kỹ thuật phân tử: Phương pháp phân tích di truyền để xác định các loài hiện nay được áp dụng khá phổ biến trên thế giới. Ở Việt Nam, tuy phương pháp này cũng đã được áp dụng nhưng chưa rộng rãi mà chỉ tập trung vào một số cơ quan khoa học lớn như Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Phương pháp này đòi hỏi phòng thí nghiệm phải có trang thiết bị hiện đại như máy PCR, nhưng điều quan trọng hơn cả là phải có đội ngũ cán bộ có đủ trình độ sử dụng máy móc, phân tích, xác định các loài hoặc nhóm loài một cách chính xác và có đủ kiến thức trong phân loại học. Ngoài ra, phương pháp này rất tốn kém, đòi hỏi kinh phí và thời gian cũng cần từ 7-10 ngày. Dùng biện pháp phân tích ADN có thể đưa đến kết luận chính xác nhưng mất nhiều thời gian và biện pháp này thường chỉ áp dụng với những mẫu vật quá phức tạp. Vì vậy, công việc giám định vẫn phụ thuộc nhiều vào các giám định viên.

Thông thường, giám định hình thái được các cơ quan giám định thực hiện trước tiên. Nếu thông qua giám định hình thái đã có thể xác định được loài thì không cần thiết phải thực hiện phân tích ADN. Giám định hình thái có thể được thực hiện thông qua phân tích trực tiếp với cá thể động vật hoặc sản phẩm của chúng, hoặc gián tiếp thông qua hình ảnh được các cơ quan chức năng có liên quan gửi đến, đặc biệt là đối với trường hợp động vật còn sống. Khi không thể đưa ra kết luận giám định loài thông qua phương thức giám định hình thái như trường hợp giám định các sản phẩm của ĐVHD (ví dụ: sừng tê giác, ngà voi và vảy tê tê) thì sẽ cần phải thực hiện phân tích ADN.

Tuy nhiên, qua công tác điều tra, truy tố và xét xử loại tội phạm này cho thấy, một số quy định, thủ tục liên quan đến công tác giám định và xử lý vật chứng đối với ĐVHD hiện nay còn nhiều khó khăn, vướng mắc và bất cập khiến hiệu quả giám định, xử lý vật chứng chưa cao và chưa hỗ trợ được nhiều cho quá trình điều tra, xử lý các hành vi xâm phạm trong hoạt động buôn bán ĐVHD, nguy cấp, quý, hiếm trái phép ở Việt Nam. Hầu hết các địa phương không có giám định viên trừ một số tỉnh có giám định tư pháp theo vụ việc. Vì vậy, khi vụ án được phát hiện, việc tịch thu tang vật làm mất rất nhiều thời gian cho quá trình giải quyết vụ án vì phải chờ kết quả giám định. Để giám định ADN, mẫu vật phải gửi tới cơ quan chức năng, do đó cơ



▲ Lấy mẫu giám định sừng tê giác ở Hà Nội

quan thực thi gặp nhiều khó khăn trong khâu bảo quản tang vật, vận chuyển và chi phí chăm sóc (đối với các cá thể còn sống).

Hiện nay, cơ chế phối hợp còn chưa đồng bộ giữa các cơ quan quản lý và thi hành pháp luật như lực lượng cảnh sát, kiểm lâm, hải quan và các cơ quan khoa học. Các kết quả trưng cầu và kết quả giám định chưa được cung cấp cho các cơ quan khác để tham khảo và thống kê, nên số lượng các vụ thẩm định chưa có con số thống nhất và đầy đủ. Những cơ quan quản lý và cơ quan thực thi pháp luật cũng chưa có nhiều thông tin về các cơ quan khoa học CITES nên gặp khó khăn trong việc gửi trưng cầu giám định. Số lượng loài và nhóm loài rất đa dạng, phong phú, số lượng chuyên gia của các cơ quan khoa học hiện còn mỏng, một cơ quan khó có thể đảm nhận được công việc thẩm định của tất cả các vụ việc, của tất cả các nhóm loài, nên nếu trưng cầu không đúng chuyên môn sẽ có ảnh hưởng tới công việc xử lý như thời gian có thể bị kéo dài. Do vậy cần có cơ chế phối hợp trong công tác giám định và xử lý vi phạm giữa các cơ quan khoa học và các cơ quan quản lý, phân rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc trưng cầu giám định. Bên cạnh đó còn

có những khó khăn vướng mắc như một số quy định của pháp luật còn có sự chồng chéo; chế tài, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đa dạng sinh học còn nhiều bất cập; kinh phí còn hạn hẹp; việc xác định loài cũng còn nhiều vướng mắc.

KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

Để phục vụ công tác điều tra các hành vi vi phạm trong buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thi hành pháp luật, xin được đề xuất một số kiến nghị:

Sửa đổi Luật Giám định tư pháp theo hướng luật hóa việc giám định mẫu vật động thực vật hoang dã; xây dựng một khung hướng dẫn chung về quy trình giám định động thực vật hoang dã, đồng thời ban hành các hướng dẫn cụ thể cho một số mẫu vật phổ biến như ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê...

Cần có cơ chế phối hợp trong công tác giám định và xử lý vi phạm giữa các cơ quan khoa học và các cơ quan quản lý, phân rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc trưng cầu giám định.

Tổ chức tập huấn chuyên sâu về lĩnh vực giám định loài động vật cho các cơ quan quản lý, thi hành pháp luật và cơ quan khoa học■

TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN BẮC:
**Tăng cường vai trò đầu mối mạng lưới quan trắc
môi trường Quốc gia, tổ chức tiếp nhận, quản lý
dữ liệu quan trắc và dự báo, cảnh báo môi trường**

TS. TRẦN THỊ MINH HƯƠNG, Giám đốc
ThS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT ANH, Phó Giám đốc
ThS. NGUYỄN GIA CƯỜNG, Phó Giám đốc
Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc, Tổng cục Môi trường



▲ Trung tâm tích hợp, xử lý thông tin, dữ liệu và điều hành mạng lưới quan trắc môi trường Quốc gia

Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc là đơn vị trực thuộc Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT. Với vai trò, nhiệm vụ đầu mối trong mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, trong gần 20 năm qua, Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc đã làm tốt vai trò đầu mối trong tham mưu thực hiện Quy hoạch tổng thể hệ thống quan trắc môi trường Quốc gia, tổ chức

các chương trình quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường Quốc gia, phân tích trọng tài môi trường; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường Quốc gia; Tổ chức tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động trên phạm vi toàn quốc; Hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ thuật xử lý số liệu, đánh giá, dự báo cảnh báo ô nhiễm môi trường. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn,

kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc tự động và thiết bị quan trắc môi trường; nghiên cứu khoa học công nghệ và đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước của Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT và hỗ trợ kỹ thuật quan trắc môi trường cho các địa phương.

HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU

Triển khai hoạt động quan trắc môi trường Quốc gia tại các lưu vực sông lớn, vùng kinh tế trọng điểm, khu vực nhạy cảm về môi trường; liên tục duy trì và đầu tư nâng cấp phòng phân tích Dioxin/Furan và độc chất, các hợp chất POPs trong môi trường và trong nguyên nhiên liệu, sản phẩm, hàng hóa.

Tổ chức tiếp nhận và thống nhất quản lý dữ liệu quan trắc môi trường Quốc gia từ các trạm quan trắc môi trường tự động của các địa phương và doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc về Bộ TN&MT thông qua Phần mềm quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động EnviSoft, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp Trung ương và hỗ trợ kỹ thuật, hạ tầng và hỗ trợ đánh giá, kiểm soát số liệu, vận hành trạm quan trắc tự động cho Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số liệu quan trắc chất lượng môi trường và một số nguồn thải lớn đã được cung cấp trực tuyến cho Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quan trắc môi trường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, cấp phép môi trường, giám sát đặc biệt các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, sự cố môi trường và giám định tư pháp về môi trường.

Nghiên cứu, triển khai mô hình hóa, ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo, công nghệ viễn thám và xây dựng hệ thống dự báo chất lượng môi trường, cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường không khí và nước.

Duy trì và đầu tư tăng cường cho Phòng kiểm định đo lường trọng điểm trong lĩnh vực môi trường để triển khai các hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, góp phần kiểm soát và đảm bảo chất lượng cho các trạm quan trắc môi trường tự động của Quốc gia và địa phương trên cả nước.



▲ TS. Trần Thị Minh Hương, Giám đốc Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc phát biểu tại Hội thảo

HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH VÀ THỰC HIỆN VAI TRÒ ĐẦU MỐI CỦA MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Chủ trì và phối hợp tham mưu xây dựng, trình ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động quan trắc môi trường gồm Nghị định quy định điều kiện hoạt động quan trắc môi trường, Quy hoạch hệ thống quan trắc môi trường quốc gia, Thông tư quy định kỹ thuật quan trắc, định mức kinh tế- kỹ thuật và đơn giá trong hoạt động quan trắc môi trường, xây dựng các quy trình kiểm định (ĐLVN) các thiết bị quan trắc môi trường tự động.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường Quốc gia định kỳ; Duy trì vận hành hệ thống các trạm quan trắc tự động môi trường không khí và nước tại các khu vực đô thị, LVS liên vùng liên tỉnh, vùng ven biển và khu kinh tế trọng điểm và các điểm nóng về môi trường.

Tổ chức Chương trình thử nghiệm thành thạo (PT) đối với hoạt động quan trắc hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm cho các đơn vị, tổ chức thực hiện quan trắc, phân tích và quan trắc tự động theo quy định.



Hệ phân tích Dioxin/Furan HRGC/HRMS DFS, Thermo - Đức

Thiết bị chiết mẫu POPs tự động, Buchi - Thụy Sĩ



Hệ phân tích Thủy ngân RA-SA (trên), WJ-N (phải, NRC) - Nhật Bản

Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật hàng năm về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quan trắc, phân tích môi trường, xử lý số liệu và báo cáo kết quả quan trắc môi trường. Hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương trong công tác tiếp nhận, đánh giá, kiểm soát số liệu và vận hành hệ thống quan trắc tự động.

Nghiên cứu ứng dụng, cập nhật và phổ biến các công nghệ mới, hiện đại trong quan trắc, phân tích môi trường.

HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TIẾP NHẬN VÀ QUẢN LÝ DỮ LIỆU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA

Thực hiện tiếp nhận, quản lý và cung cấp trực tuyến dữ liệu, thông tin quan trắc môi trường tự động, cảnh báo vượt QCVN và chỉ số chất lượng

môi trường không khí VN_AQI cho các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của trung ương và địa phương thông qua ứng dụng EnviSoft Mobile và công bố thông tin cho cộng đồng thông qua ứng dụng VN-Air, phục vụ hiệu quả cho công tác đánh giá chất lượng môi trường, xây dựng các báo cáo hiện trạng môi trường và giám sát các nguồn thải, các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

CÔNG TÁC DỰ BÁO, CẢNH BÁO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc đã phát triển, bước đầu xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường và ứng dụng công nghệ Viễn thám, trí tuệ nhân tạo (AI) trong giám sát, dự báo chất lượng môi trường không khí và nước.

Trong đó, hệ thống dự báo ngắn

hạn chất lượng môi trường không khí được phát triển dựa trên mô hình chất lượng không khí đa quy mô WRF-CMAQ (EPA-Mỹ) và mô hình SILAM (FMI), có khả năng dự báo nồng độ ô nhiễm các chất Ozone, NO₂, SO₂, CO₂, PM_{2.5}, PM₁₀ xây dựng các bản đồ dự báo chất lượng không khí theo VN_AQI.

Hệ thống dự báo chất lượng môi trường nước được phát triển dựa trên các mô hình SWAT (Mỹ), MIKE-DHI (Đan Mạch) và số liệu từ các trạm quan trắc tự động. Mô phỏng các thông số thủy lực (mức nước, lưu lượng) và dự báo sự biến đổi nồng độ các chất ô nhiễm (BOD₅, COD, Nhiệt độ, NO₃⁻, NH₄⁺, DO...) trên sông. Các kết quả dự báo chất lượng nước sẽ được biên tập và xây dựng thành các bản tin, bản đồ dự báo để phục vụ cộng đồng và các nhà quản lý.



Trung tâm đã nghiên cứu, ứng dụng các tư liệu vệ tinh (Modis, Sentinel, GEMS) và các mô hình trí tuệ nhân tạo (RF, ANN) xây dựng các bản đồ cảnh báo chất lượng không khí (PM_{2.5}) trên toàn quốc.

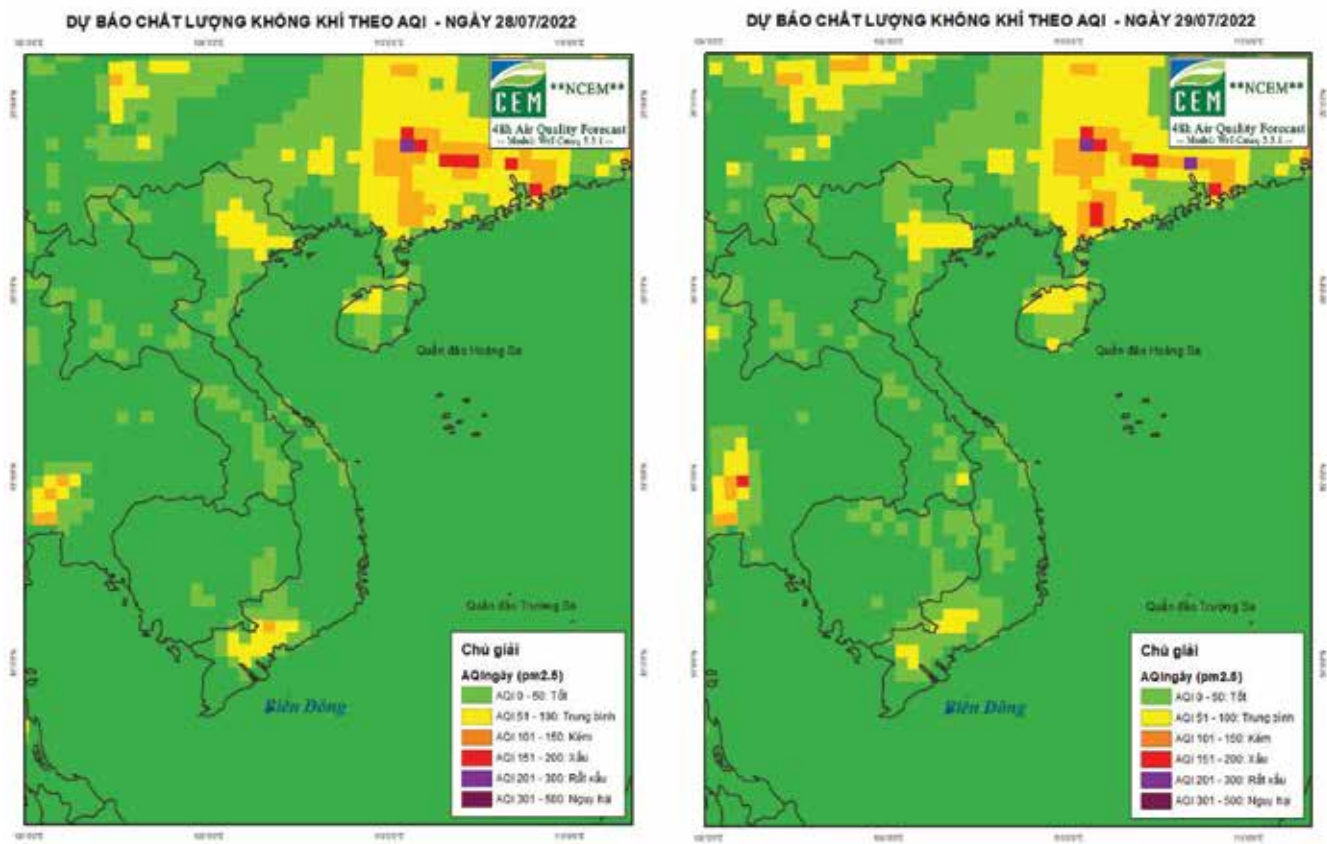
HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Xác định nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế là một trong những hoạt động then chốt, Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc luôn chú trọng và đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và tăng cường hợp tác quốc tế với các cơ quan, tổ chức quốc tế như: GIZ, UNEP, US-AID, WB, JICA, UNIDO, KOIKA... và Chính phủ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Phần Lan, Hoa Kỳ, Canada..., trong lĩnh vực quan trắc môi trường. Tích cực tham gia các mạng lưới quan trắc môi trường cấp khu vực và toàn cầu.



Một số hoạt động nghiên cứu khoa học nổi bật Trung tâm đã tham gia như: Xây dựng hệ số phát thải cho các phương tiện giao thông đường bộ; Xác định nguồn phát sinh và mức độ đóng góp ô nhiễm môi trường không khí khu vực đô thị miền Bắc thông qua phân tích

thành phần bụi PM_{2.5}; Quan trắc và phân tích thủy ngân trong không khí; Nghiên cứu xu hướng biến động nồng độ Ôzôn trong không khí tại một số khu vực của Việt Nam; Nghiên cứu ứng dụng phương pháp Immunoassay trong phân tích Dioxin/Furan trong đất.■



Hiệu quả mô hình sản xuất nước tẩy rửa sinh học từ rác thải thực vật trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ThS. HUỖNH HUY VIỆT

Chi cục Bảo vệ môi trường Phú Yên

ThS. VÕ ANH KHUÊ

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung

Giai đoạn năm 2019 - 2020, tỉnh Phú Yên đẩy mạnh áp dụng phương pháp ngâm ủ rác thải thực vật thành nước tẩy rửa sinh học (NTRSH) do tiến sĩ người Thái tên là Rosukon nghiên cứu nhằm khuyến khích người dân thực hiện phân loại và tận dụng chất thải hữu cơ thực vật (vỏ trái cây như cam, bưởi, chanh, dứa; hoa,...). Tuy nhiên, sản phẩm thu được còn có mùi, nhiều cặn, hiệu quả tẩy rửa thấp và thời gian sử dụng hạn chế nên chưa thu hút được sự quan tâm của cộng đồng. Chính vì vậy, các phong trào phân loại, tái chế rác thực vật thành NTRSH chưa được hưởng ứng. Vấn đề đặt ra là cần có giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm với tiêu chí dễ thực hiện nhưng có thể mang tính thương mại cao với giá thành dễ chấp nhận nhằm tạo tính lan tỏa sâu rộng mô hình phân loại thông qua việc tái chế rác thành NTRSH

KHÁI QUÁT VỀ NƯỚC TẨY RỬA SINH HỌC THÔ

Hiện nay, NTRSH thô hay còn có tên là dung dịch GE (Garbage Enzyme) đang được cộng đồng biết đến bởi tính năng tẩy rửa, an toàn và thân thiện môi trường. Công thức tạo GE đang phổ biến ở Việt Nam là 0,3 kg đường và 3kg rác thải thực vật (vỏ trái cây như cam, bưởi, chanh, dứa; hoa,...) đã cắt nhỏ từ 3-5 cm ngâm ủ trong 10 lít nước với thời gian là 30 ngày. Dung dịch thu được có màu vàng và có thể dùng ngay. Để sản phẩm có tính thương mại, nhiều doanh nghiệp có bí quyết riêng để sản xuất nước tẩy rửa từ dung dịch thô này, tuy nhiên giá thành sản phẩm còn cao và cộng đồng khó tiếp cận.

Tính tẩy rửa của dung dịch GE được quyết định bởi thành phần chính là các axit hữu cơ, đây là chất có tác dụng khử mùi tanh và dễ dàng hòa tan vết dầu mỡ nên có tính tẩy rửa cao. Trong dung dịch GE có chứa các enzyme giúp phân hủy các chất hữu cơ có trong đất, nước nhanh hơn nên an toàn và có lợi cho môi trường khi sử dụng dung dịch này. Do vậy, dung dịch GE được xem là một trong những giải pháp tiềm năng của mô hình phân loại, giảm thiểu rác thải dựa vào cộng đồng của tỉnh Phú Yên.

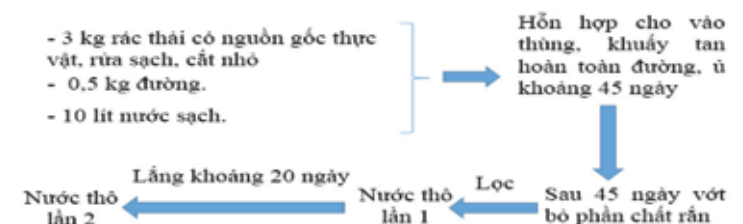
GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TẨY RỬA SINH HỌC

Trên cơ sở phân tích, tổng hợp các phương pháp ủ dung dịch thô và sản phẩm NTRSH trên thị trường đang có, nhóm tác giả đã

đề xuất quy trình sản xuất NTRSH chất lượng với giá thành ở mức phù hợp nhằm tạo điều kiện cho mọi người đều có khả năng sản xuất và sử dụng sản phẩm.

Thứ nhất, về quy cải tiến ủ NTRSH thô: Nguyên liệu đầu là các loại thực vật tươi có hương thơm, có thành phần đường nhưng không được chứa nhiều chất tanin. Lọc dung dịch GE có thể bằng

phương pháp thủ công qua vải thô hoặc bằng máy lọc qua cột lọc bông, tốt nhất nên lọc qua cột lọc bông và khuấy trộn để giảm mùi. Dung dịch sau quá trình lọc có màu vàng, mùi thơm và trong suốt; phần bùn cặn được tái sử dụng làm môi ủ cho mẻ tiếp theo. Quy trình sản xuất NTRSH thô được cải tiến nhằm tăng hàm lượng axit hữu cơ ở mức cao được đề xuất như sau:



▲ Hình 1. Quy trình cải tiến ủ nước tẩy rửa sinh học thô

Thứ hai, về quy trình sản xuất chất bảo quản: Nước lọc thô cần được bổ sung chất bảo quản nhằm cải thiện về mùi, thời gian sử dụng và độ bọt để tăng tính tẩy rửa. Quy trình sản xuất chất bảo quản cần phải đơn giản nhưng vẫn

đảm bảo hiệu quả và giá thành rẻ. Thành phần chất bảo quản gồm: Las, Sles, NaOH, chất tạo đặc (HEC), NaCl và nước sạch. Để sản xuất chất bảo quản yêu cầu tối thiểu phải có thiết bị khuấy. Sản phẩm chất bảo quản thu được với đặc điểm là

có tính kiềm, có độ nhớt cao, dạng chất lỏng sệt. Công dụng các thành phần của chất bảo quản như sau: Las (Sodium lauryl benzene sulfonate) là chất hoạt động bề mặt anion, chúng được ứng dụng phổ biến nhất trong các chất tẩy rửa như bột giặt, xà phòng, nước rửa chén; Sles (Sodium Lauryl Ether Sulfate, hay natri lauryl ete sunfat) là một chất hoạt động bề mặt có trong nhiều sản phẩm chăm sóc cá nhân (xà phòng, dầu gội đầu, kem đánh răng...); NaOH trong chất bảo quản nhằm khi hòa trộn vào nước lọc thô sẽ trung hòa một phần axit; NaCl nhằm tăng độ đặc của dung dịch chất bảo quản; Hec là chất bột màu trắng có công dụng là chất làm đặc.

Thứ ba, về quy trình phối trộn nhằm sản xuất NTRSH nâng cao: Tùy theo mục đích sử dụng, tỷ lệ phối trộn chất bảo quản với dung dịch GE có sự khác nhau, nếu nước lau sàn nhà thì pha chế tỉ lệ 9/1, nếu là nước rửa chén thì pha chế theo tỉ lệ 8/2 hoặc 7/3, cụ thể như bảng bên.

Đánh giá về sự khác biệt giữa dung dịch tẩy rửa thô và dung dịch tẩy rửa nâng cao: Trong NTRSH thô, các axit hữu cơ là tác nhân chính để tẩy rửa vết bẩn. Trong NTRSH nâng cao ngoài tác nhân tẩy rửa là axit hữu cơ còn có chất hoạt động bề mặt Sles và muối natri của Las, đây là các chất tạo môi trường ổn định, giúp ngăn ngừa sự lên men của NTRSH. Màu sắc của sản phẩm nước tẩy rửa nâng cao sẽ chuyển dần sang màu đỏ và có mùi thơm của mật ong nếu để lâu ngày.

Ngoài ra, Nhóm tác giả đã khảo sát 100 người sử dụng thử nước tẩy rửa nâng cao. Kết quả 100% người được hỏi đều đánh giá sản phẩm sử dụng tốt và có nguyện vọng được hướng dẫn công nghệ để tự sản xuất sử dụng gia đình hoặc thương mại.

KẾT QUẢ ỨNG DỤNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT NTRSH TRONG CỘNG ĐỒNG VÀ TÍNH THƯƠNG MẠI CỦA SẢN PHẨM

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Phú Yên, các địa phương mới chỉ quan tâm đến vấn đề nâng cao tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt để đảm bảo vệ sinh môi trường, chưa chú trọng việc phân loại, tận dụng tái chế triệt nguồn rác hữu cơ. Các phong trào ủ rác hữu cơ, ủ NTRSH với phương pháp thô sơ chưa đáp ứng được nhu cầu thuận tiện và tính hiệu quả nên chưa thu hút sự tham gia tích cực của người dân trong việc tự biến rác thải thành sản phẩm hữu ích, nhất là NTRSH. Khâu quan trọng nhất

TT	Tỉ lệ trộn (chất bảo quản/dung dịch GE)	Nồng độ chất hoạt động bề mặt	Đặc điểm
1	100% chất bảo quản	18%	Hoạt tính tẩy rửa mạnh do nồng độ chất hoạt động bề mặt lớn
2	100% dung dịch GE	0%	Hoạt tính tẩy rửa thấp, để lâu sẽ lên men sinh ra mùi chua.
3	9/1	1,8%	Hoạt tính tẩy rửa trung bình, chất hoạt động bề mặt sẽ ức chế sự phát triển của nấm men nên sản phẩm bảo quản được lâu hơn nước tẩy rửa sinh học thô.
4	8/2	3,6%	Hoạt tính tẩy rửa khá, chất hoạt động bề mặt sẽ ức chế sự phát triển của nấm men nên sản phẩm bảo quản được lâu hơn nước tẩy rửa sinh học thô.
5	7/3	5,4%	Hoạt tính tẩy rửa cao, chất hoạt động bề mặt sẽ ức chế sự phát triển của nấm men nên sản phẩm bảo quản được lâu hơn nước tẩy rửa sinh học thô.

▲ Bảng 1: Tỉ lệ pha trộn giữa NTRSH thô và chất bảo quản

Kết quả phân tích sản phẩm NTRSH thô và nâng cao với tỷ lệ 7/3 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Nước thô	Nước nâng cao
1*	Tổng chất hoạt động bề mặt	-	5,4%
2	pH dung dịch 1%	3,7	6
3	Hàm lượng Pb, mg/Kg	Không phát hiện	Không phát hiện
4	Hàm lượng As, mg/Kg	Không phát hiện	Không phát hiện
5	Hàm lượng methanol, mg/Kg	381	185
6	Vi khuẩn hiếu khí ưa nhiệt trung bình, CFU/mL	1,0 x 10 ⁴	Nhỏ hơn 100
7	Ecoli, CFU/mL	Không phát hiện	Không phát hiện
8	Pseudomonas earuginosa, CFU/mL	Không phát hiện	Không phát hiện
9	Chất làm sáng huỳnh quang	Không phát hiện	Không phát hiện

Ghi chú: * là thông số tính toán dựa vào bảng 1; Kết quả phân tích do Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 - Quatest 3 thực hiện

▲ Bảng 2. Tính chất của nước tẩy rửa sinh học thô và nâng cao

trong việc phân loại rác là gần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân với rác thải của mình và hưởng lợi từ việc phân loại này, tức là quản lý rác thải phải gắn chặt với lợi ích của cộng đồng. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về giải pháp nâng cao chất lượng NTRSH được Trường cao đẳng Công thương miền Trung thực hiện theo nhiệm vụ đặt

hàng, Sở TN&MT Phú Yên đã phối hợp với Hội đoàn thể và cơ quan liên quan chuyển giao và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển mô hình sản xuất NTRSH, trong đó có nhiều tổ chức phát triển thành sản phẩm thương mại.

Mô hình Câu lạc bộ (CLB) tự quản về môi trường tái chế rác thành NTRSH: Cuối năm

2020, được Sở TN&MT Phú Yên phối hợp với Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ làm NTRSH, CLB “Tái chế chất thải hữu cơ thực vật thành NTRSH xã Bình Ngọc” do Hội Phụ nữ xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa quản lý đã tạo ra sản phẩm (nước lau sàn và nước rửa chén) có chất lượng với giá cạnh tranh (35.000 đồng/lít) chủ yếu từ vỏ cam được thu gom từ các điểm bán nước ép trái cây trên địa bàn thành phố. Sản lượng bán ra bình quân 1.500 lít/tháng với thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là trong tỉnh. Các thành viên của CLB có thu nhập tạo từ 2-4 triệu đồng/tháng, do vậy đã tạo tính bền vững cho mô hình, góp phần duy trì các hoạt động tuyên truyền theo quy chế hoạt động của CLB. Hiện nay, để thuận lợi cho hoạt động thương mại của sản phẩm các thành viên CLB đã hợp tác hình thành hộ kinh doanh, đồng thời UBND thành phố Tuy Hòa đang hỗ trợ các thủ tục để được xem xét chứng nhận sản phẩm OCOP.

Mô hình cơ sở thờ tự sản xuất NTRSH phục vụ nhu cầu cộng đồng: Cuối năm 2021, chùa Bảo Lâm ở TP. Tuy Hòa và chùa phật giáo Hòa Hảo Sơn Tự ở thị xã Sông Cầu là 2 cơ sở thờ tự đầu tiên vận động tín đồ thu gom vỏ trái cây các loại (bưởi, cam, dứa) để quyên góp cho chùa sản xuất nước rửa chén, nước lau sàn sinh học nhằm phục vụ cho cơ sở và nhu cầu của tín đồ. Đặc biệt, sản phẩm của chùa Bảo Lâm đã được đồng đạo cộng đồng hưởng ứng sử dụng với giá thành 25.000 đồng/lít nhằm đảm bảo được bù đắp chi phí sản xuất để Tổ tự quản của chùa duy trì hoạt động. Hiện nay chùa Bảo Lâm cung cấp cho thị trường bình quân 400 lít/tháng.

Mô hình cơ sở sản xuất với quy trình khép kín và tuần hoàn rác thải từ trái khóm (dứa): Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp kinh doanh tổng hợp Đồng Din ở huyện Phú Hòa chuyên về chế biến sản phẩm từ quả khóm của địa phương, đặc biệt nhờ áp dụng phương pháp ủ NTRSH cải tiến, HTX đã tận dụng vỏ khóm thải bỏ để sản xuất nước rửa chén và nước lau sàn sinh học, với giá bán ra là 45.000 đồng/lít. Bã sau ủ lên men được tận dụng cùng với cùi để ủ làm phân bón cây. Cách làm này



▲ Sản phẩm của Hội Phụ nữ xã Bình Ngọc và Chùa Bảo Lâm được trưng bày tại gian hàng của Ngày hội Du lịch kết nối Tuy Hòa - Pleiku (23-26/6/2022) tại TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

đã tạo ra tính tuần hoàn rác thải từ đó tạo thêm sản phẩm hữu ích góp phần tăng giá trị kinh tế cho quả khóm. Đầu năm 2022, 2 sản phẩm trên đã được tỉnh Phú Yên chứng nhận đạt sản phẩm đạt OCOP 3 sao, góp phần tăng uy tín cho sản phẩm. Hiện nay, nhiều đơn vị ngoài tỉnh đã hợp tác để trở thành nhà phân phối để đưa sản phẩm có mặt trên toàn quốc.

Để góp phần mô hình sản xuất NTRSH được phát triển rộng rãi trong cộng đồng, trong thời gian đến Sở TN&MT Phú Yên tiếp tục phối hợp với Hội đoàn thể đẩy mạnh hỗ trợ các các tổ chức,

cá nhân nhất là tổ chức môi trường tự quản và cơ sở thờ tự sản xuất NTRSH và hoạt động dựa trên nguyên cộng đồng ủng hộ sản phẩm với giá đảm bảo được bù đắp chi phí sản xuất. Đồng thời, đây cũng là một trong những định hướng theo Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 4/4/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác BVMT, phấn đấu xây dựng tỉnh Phú Yên trở thành điểm đến xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường■

Cần ban hành danh mục các loài động vật hoang dã được phép gây nuôi vì mục đích thương mại

ĐỖ MINH PHƯƠNG

Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV)

THỰC TRẠNG VỀ TÌNH TRẠNG GÂY NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (ĐVHD) VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Trong những năm trở lại đây, đa dạng loài ở Việt Nam đã suy giảm với tốc độ chóng mặt do nạn săn bắt và buôn bán trái phép. Nhiều loài đang ở mức báo động, đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao như voọc mũi hếch khi chỉ còn khoảng 190 cá thể, voọc mông trắng chỉ còn khoảng 100 cá thể, hổ chỉ còn lại 5 cá thể trong tự nhiên (IUCN, 2015). Như vậy, nếu không kịp thời áp dụng các biện pháp nhằm phục hồi loài thì kết cục tuyệt chủng như trường hợp của loài tê giác một sừng ở Việt Nam năm 2010 sẽ còn lặp lại với nhiều các loài ĐVHD khác.

Một trong các biện pháp được sử dụng để phục hồi loài là biện pháp bảo tồn chuyển vị hay bảo tồn chuyển chỗ, có nghĩa là “bảo tồn loài hoang dã ngoài môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của chúng; bảo tồn loài cây trồng, vật nuôi đặc hữu, có giá trị ngoài môi trường sống, nơi hình thành và phát triển các đặc điểm đặc trưng của chúng; lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền trong các cơ sở khoa học và công nghệ hoặc cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền” (Luật Đa dạng sinh học năm 2008). Nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học cũng được quy định rõ: “Bảo tồn tại chỗ là chính, kết hợp bảo tồn tại chỗ với bảo tồn chuyển chỗ”. Rõ ràng, không thể chỉ áp dụng một biện pháp riêng rẽ mà mang lại hiệu quả tích cực đối với phục hồi loài mà các biện pháp cần được đưa ra thống nhất và đồng bộ một cách kịp thời.

Hiện nay, tham gia thực hiện công tác bảo tồn ngoại vi bao gồm các vườn động vật, trạm cứu hộ động vật, ngân hàng giống, bảo quản nguồn gen động vật. Trong đó, vườn động vật hay vườn thú là ví dụ điển hình cho các cơ sở thực hiện biện pháp này. Các vườn động vật có thể đóng vai trò đi đầu trong công tác bảo tồn ngoại vi bởi đây là nơi lưu giữ số lượng lớn các loài động vật nguy cấp, đồng thời, có cơ sở vật chất và có kinh nghiệm chuyên sâu về kỹ thuật chăm sóc, nhân nuôi động vật.

Đơn cử, theo Báo cáo quốc gia về đa dạng sinh học năm 2011, Vườn quốc gia Cát Tiên đã phục hồi, tái thả lại tự nhiên thành công loài cá sấu nước ngọt (*Crocodylus siamensis*). Năm 2010,



▲ Kiểm tra cơ sở nuôi động vật hoang dã ở thị trấn Sa Thầy, tỉnh Kon Tum

Viện Hải dương học Nha Trang đã nghiên cứu bước đầu thành công sinh sản nhân tạo loài cá ngựa thân trắng quý hiếm (*Hippocampus kellogi*) với kích thước lớn nhất có thể đạt được là 35 cm. Cũng nhờ gây nuôi sinh sản mà loài hươu sao đã tuyệt chủng ngoài tự nhiên tại Việt Nam từ lâu nhưng hiện vẫn còn giữ được nguồn gen. Như vậy, nhờ có chính sách khuyến khích gây nuôi bảo tồn ĐVHD mà chúng ta vẫn còn gìn giữ, phát triển được nguồn gen, phục hồi cá thể, quần thể của một số loài.

Hoạt động gây nuôi bảo tồn thực sự mang lại ý nghĩa khi không chỉ hướng tới một mục đích duy nhất là gìn giữ nguồn gen và phục hồi số lượng cá thể của loài đang bị đe dọa mà còn cung cấp nguồn con giống để phục hồi quần thể loài hoang dã trong môi trường sống tự nhiên của chúng khi cần thiết. Để thực hiện được điều ấy, một chương trình gây nuôi bảo tồn cần đảm bảo duy trì được tỷ lệ đa dạng nguồn gen cao trong một quần thể loài bởi điều này có ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng sống sót, thích nghi của

loài trong quá trình chọn lọc tự nhiên sau này. Theo đó, cần phải lưu ý ba vấn đề, thứ nhất, các cá thể giống ban đầu được lựa chọn phải đại diện cho tính đa dạng về gen, phạm vi phân bố, và cần duy trì một số lượng cá thể ban đầu không quá thấp. Thứ hai, cần quản lý chặt chẽ việc giao phối trong mùa sinh sản, đặc biệt tránh tình trạng giao phối cận huyết giữa các cá thể. Thứ ba, cần ước lượng được quy mô loài tối thiểu để đảm bảo tính đa dạng của nguồn gen, khung thời gian và tốc độ sinh sản, sinh trưởng của loài. Tất cả các điều kiện trên đều đòi hỏi cơ sở gây nuôi phải có hiểu biết sâu sắc về loài, kinh nghiệm chăm sóc, cơ sở vật chất kỹ thuật cao mới có thể đáp ứng.

Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn nhất đối gây nuôi bảo tồn ĐVHD đó chính là không quản lý được các cơ sở gây nuôi vì mục đích thương mại. Chính điều này đã tạo cơ hội để nhiều đối tượng lợi dụng kẽ hở pháp luật nhằm “hợp pháp hóa” ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp. Để vận chuyển ĐVHD, các đối tượng có thể dễ dàng mua

“bảng kê lâm sản” (chứng minh ĐVHD có nguồn gốc hợp pháp) từ một cơ sở đã được cấp phép nuôi ĐVHD. Trong nhiều trường hợp, các cơ sở đã nuôi nhốt ĐVHD từ rất lâu trước khi chính thức được cấp giấy phép, một số cơ sở khác thì lại nuôi các loài không phải là loài đã được cấp phép nuôi. Thêm vào đó, năng lực còn hạn chế của cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở nuôi ĐVHD cùng nhiều vấn đề liên quan khác khiến cho bức tranh toàn cảnh về hoạt động nuôi ĐVHD tại các địa phương ngày càng trở nên tiêu cực.

Theo Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam, hiện có khoảng 9.000 cơ sở nuôi thương mại ĐVHD đã được cấp phép ở Việt Nam. Số lượng các cơ sở trên thực tế có lẽ còn nhiều hơn nếu tính cả các cơ sở không được cấp phép hoặc đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để được cấp phép. Theo một nghiên cứu tiến hành trong giai đoạn 2014- 2015 của ENV, toàn bộ 26 cơ sở nuôi thương mại ĐVHD được khảo sát (đa phần là các trại nuôi có quy mô lớn) đều có dấu hiệu “nhập lậu” ĐVHD. Gần đây hơn, ENV đã ghi nhận một khối lượng rất lớn ĐVHD, khoảng gần 30 tấn, được vận chuyển từ các cơ sở tại miền Nam đến cửa khẩu Móng Cái chỉ trong thời gian hơn 10 ngày. Các chuyên gia cho rằng nhiều khả năng phần lớn các cá thể ĐVHD của lô hàng này đã bị săn bắt từ tự nhiên, rồi được “phù phép” trở thành ĐVHD có nguồn gốc từ các cơ sở nuôi được cấp phép.

Pháp luật đã quy định, hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD không được gây ảnh hưởng tiêu cực đến quần thể loài trong tự nhiên. Tuy nhiên, sự thực là mức độ ảnh hưởng của hoạt động này vẫn chưa được hiểu rõ và nghiên cứu đầy đủ. Các chuyên gia quốc tế về nhiều nhóm loài khác nhau đều bày tỏ quan ngại sâu sắc về tốc độ gia tăng của các hoạt động khai thác và “nhập lậu” ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm mà nhiều loài trong số đó không phù hợp để gây nuôi thương mại. Theo quy định hiện hành, các cơ sở nuôi có thể được cấp phép nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng hợp pháp ít nhất 39 loài hiện đang bị đe dọa trên toàn cầu. Nếu

hoạt động gây nuôi thực sự là mô hình khép kín (nghĩa là không tiếp tục khai thác ĐVHD từ tự nhiên) thì vấn đề này không đáng lo ngại. Tuy nhiên, trên thực tế, tình trạng nhập lậu từ tự nhiên diễn ra tràn lan, ảnh hưởng lớn đến đa dạng sinh học của Việt Nam và cả các quốc gia khác trong khu vực.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG NUÔI THƯƠNG MẠI ĐVHD

Tăng cường công tác quản lý và thực thi pháp luật chính là hướng đi lâu dài để quản lý hiệu quả hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD. Trước mắt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, các tổ chức nghiên cứu và bảo tồn để ban hành danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi vì mục đích thương mại theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Quy định này sẽ giúp xác định rõ các vấn đề: Loài có khả năng sinh sản liên tiếp qua các thế hệ trong môi trường có kiểm soát; Việc nhân nuôi thương mại các loài này không ảnh hưởng đến quần thể của loài trong tự nhiên; Quản lý tốt đầu vào, đầu ra của các loài động vật nhân nuôi. Quản lý theo phương pháp này sẽ góp phần bảo vệ các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm bằng cách chấm dứt tình trạng săn bắt, nhập lậu các loài này vào các cơ sở đăng ký gây nuôi thương mại.

Việc có một danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi thương mại cũng sẽ đơn giản hóa quy trình quản lý và phù hợp với năng lực thực tế của các cơ quan kiểm lâm. Với danh mục các loài được phép gây nuôi, cơ quan kiểm lâm các địa phương chỉ cần đảm bảo các cơ sở không gây nuôi những loài không nằm trong danh sách được phép nuôi. Cách thức quản lý này không những triệt tiêu được tình trạng tham nhũng, nhập lậu ĐVHD, giảm thiểu các thủ tục phức tạp mà còn khiến công tác quản lý các cơ sở nuôi thương mại ĐVHD không còn phụ thuộc vào năng lực của mỗi cán bộ kiểm lâm.

Chỉ nên đưa vào danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi vì mục đích thương mại những loài có đặc tính

sinh sản và sinh trưởng tốt trong môi trường nuôi nhốt, có hiệu quả kinh tế và không bị đe dọa trong tự nhiên. Một số ít loài ngoại lệ khác cũng có thể được đưa vào danh mục này nhưng cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng từ các cơ quan khoa học CITES, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có thể thêm hoặc loại bỏ loài khỏi danh mục trên cơ sở đánh giá khoa học để đảm bảo các yếu tố về tình trạng bảo tồn của loài, khả năng sinh sản trong môi trường có kiểm soát và hiệu quả kinh tế. Các cơ sở đã được cấp phép vào thời điểm trước khi danh mục này được ban hành sẽ được phép bán số động vật còn lại tại cơ sở với điều kiện các cá thể này có nguồn gốc hợp pháp. Sau đó, các cơ sở này sẽ buộc phải tuân thủ theo quy định mới và chỉ được nuôi những loài trong danh mục loài ĐVHD được phép gây nuôi thương mại.

Việc ban hành một danh mục các loài ĐVHD được phép gây nuôi vì mục đích thương mại là một giải pháp có thể ngăn chặn tình trạng lợi dụng lỗ hổng pháp luật về quản lý hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD, loại bỏ những tác động tiêu cực của hoạt động này đối với các loài ĐVHD đang bị đe dọa và đơn giản hóa đáng kể các thủ tục cho cả người nuôi và cơ quan quản lý trên toàn quốc. Đây là giải pháp toàn diện vì lợi ích bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo tương lai an toàn cho các loài ĐVHD, đồng thời cho phép người dân phát triển kinh tế và tăng lợi nhuận mà không gây ảnh hưởng tiêu cực đến thiên nhiên.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng khả năng sinh sản của các loài ĐVHD không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm sinh học (sức khỏe, độ tuổi, tỉ lệ giới tính...) của mỗi loài, mà còn phụ thuộc rất lớn vào điều kiện chuồng trại, môi trường sống, chăm sóc của cơ sở nuôi. Do đó, bên cạnh việc ban hành danh mục loài nuôi thương mại thì việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và nâng cao hiệu quả quản lý các cơ sở nuôi thương mại là hết sức quan trọng để ngành nhân nuôi ĐVHD phát triển bền vững■

PGS. TS NGUYỄN AN THỊNH:

Giải thưởng Môi trường Việt Nam lan tỏa tích cực tới cộng đồng và tại các cơ sở giáo dục

Ngày 31/7/2022, Bộ TN&MT đã tổ chức Lễ trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021 và Giải thưởng Báo chí TN&MT lần thứ VI. PGS. TS Nguyễn An Thịnh, Trưởng Khoa Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội vinh dự là một trong 10 cá nhân và 23 tổ chức, cộng đồng được nhận Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trò chuyện với PGS. TS Nguyễn An Thịnh để tìm hiểu thêm về những đóng góp của PGS. TS trong lĩnh vực môi trường.

★Chúc mừng PGS được nhận Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021. Giải thưởng này có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân PGS?

PGS. TS Nguyễn An Thịnh: Đối với tôi, Giải thưởng này là một vinh dự, đồng thời là sự ghi nhận, động viên để tôi có điều kiện tiếp tục nghiên cứu sâu các dự án mang tính cấp thiết để đóng góp cho xã hội, cũng như phát triển tiềm lực nhóm nghiên cứu đào tạo mô hình nghiên cứu khoa học cho các bạn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Bên cạnh đó, Giải thưởng Môi trường Việt Nam lan tỏa tích cực tới cộng đồng và tại cơ sở giáo dục mà tôi đang công tác.

Nhiều năm công tác tại Trường Đại học TN&MT Hà Nội (từ năm 2015 đến 2018) và Đại học Quốc gia Hà Nội (từ 2018 cho đến nay), tôi nhận thấy nhà trường đã và đang có sự quan tâm, đầu tư rất lớn cho các giảng viên, học viên, sinh viên nghiên cứu khoa học cũng như có những chính sách đãi ngộ xứng đáng cho các nhà khoa học để công bố các công trình chất lượng. Tôi cùng với các đồng nghiệp hiện đang nỗ lực đẩy mạnh hợp tác quốc tế để cùng nhau chia sẻ ý tưởng và thực hiện các công trình nghiên cứu hữu ích cho cuộc sống. Giải thưởng này còn có ý nghĩa làm lan tỏa những khía cạnh tích cực của tinh thần, thái độ, ý thức, kiến thức và hành động BVMT trong cộng đồng người dạy và người học tại cơ sở giáo dục đại học nơi tôi đang công tác.



▲ PGS. TS Nguyễn An Thịnh, Trưởng Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

★Được biết, PGS được vinh danh trong lĩnh vực “Giáo dục, đào tạo, truyền thông, tham vấn, tư vấn, phản biện, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT”. Xin PGS cho biết một số đóng góp của ông trong lĩnh vực này?

PGS. TS Nguyễn An Thịnh: Hiện tôi đang đảm nhận trách nhiệm quản lý chuyên môn, tổ chức các hội thảo và diễn đàn quốc tế, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế, chủ trì xây dựng các chương trình đào tạo, giảng dạy nhiều lượt giáo trình, hướng dẫn thành công nhiều học viên cao học và nghiên cứu

sinh trong, ngoài nước thực hiện đề tài nghiên cứu về quản lý TN&MT, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Bên cạnh nghiên cứu, giảng dạy, tôi còn tích cực tham gia các hoạt động truyền thông và giáo dục BVMT như: Sáng tạo bộ sản phẩm thương mại BoardGame “Thủ lĩnh môi trường” dành cho học sinh; tham gia đào tạo các khóa ngắn hạn về môi trường cho các tổ chức chính trị - xã hội tại Việt Nam. Tôi cũng đã chủ trì thành lập Câu lạc bộ sinh viên Khởi nghiệp xanh và Hành động vì môi trường



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà cùng Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phùng Khánh Tài trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021 cho PGS. TS Nguyễn An Thịnh

(GSEA) tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; hướng dẫn 1 nhóm sinh viên đạt giải Nhất cuộc thi VNU Innovation Startup 2021 về Khởi nghiệp xanh; hướng dẫn 1 nhóm sinh viên lọt vào vòng thi Bán kết tại Hội nghị Quốc tế “Lãnh đạo trẻ môi trường toàn cầu 2021” (Global Leaders Challenge 2021) tổ chức tại Singapo vào tháng 8/2022. Cùng với đó, năm 2021, tôi đã chủ trì mời tài trợ và đồng chủ trì tổ chức Cuộc thi “Tìm kiếm thủ lĩnh hành động vì môi trường Việt Nam 2021” dành cho học sinh, sinh viên toàn quốc.

★ Là người thầy tâm huyết, giàu năng lượng và luôn truyền cảm hứng tới các học trò, PGS làm gì để thắp sáng ngọn lửa đam mê với nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề về môi trường?

PGS. TS Nguyễn An Thịnh: Người thầy luôn phải là một chuẩn mực đạo đức để xã hội noi theo, là “kiến trúc sư trí tuệ” tạo ra thế hệ tương lai cho đất nước. Sinh thời, Bác Hồ đã nhận định: “Có thầy giỏi thì rồi sẽ có phương pháp hay”. Đối với tôi, giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề về môi trường diễn ra rất tự nhiên. Bên cạnh các kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về môi trường ở giáo trình, trong chương trình giảng dạy, tôi luôn lồng ghép các

câu chuyện, bài học về BVMT để khơi gợi lòng yêu thương, nâng cao nhận thức, ý thức và hành động vì thiên nhiên và môi trường của người học.

★ Từ những kinh nghiệm trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy, PGS có kiến nghị, đề xuất gì cho công tác BVMT hiện nay?

PGS. TS Nguyễn An Thịnh: Khi nói đến BVMT, nhiều người vẫn còn suy nghĩ đó là những chuyện to lớn, là trách nhiệm của cơ quan chức năng nhưng theo tôi, nên bắt đầu từ ý thức, hành động cụ thể của mỗi cá nhân. Bất kỳ ai trong xã hội cũng có thể chung tay, góp sức để có được một môi trường sống tốt hơn. Học sinh, sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước. Do đó, những hành động thiết thực để các em nhận thấy trách nhiệm BVMT đối với tương lai của chính mình là rất quan trọng. Nếu ngay từ những ngày đầu cấp sách đến

trường, các em có ý thức BVMT thì tôi tin rằng môi trường sống xung quanh chúng ta sẽ được bảo vệ hiệu quả và bền vững. Vì vậy, tôi luôn dạy học trò của mình rằng, hãy bắt đầu việc phân loại rác thải sinh hoạt, tái chế những thứ có thể dùng được, bỏ rác đúng chỗ... trước khi nghĩ đến những điều lớn hơn.

Tôi quan niệm về BVMT một cách rất giản dị và đời thường. Thứ nhất là ý thức và hành động giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan và không gian công cộng sạch, đẹp, gọn gàng. Thứ hai là ý thức và hành động bảo vệ thiên nhiên, luôn thể hiện tình thương mến với đồng bào, nâng niu quý trọng từng nhánh cây, ngọn cỏ, yêu thương từ những sinh linh nhỏ bé nhất cho đến Mẹ Trái đất vĩ đại. Kiến nghị của tôi về công tác BVMT tập trung vào hai nội dung này. Là người từng học tập, nghiên cứu, trải nghiệm ở nhiều nơi trên thế giới, tôi tin rằng một Thủ đô, một thành phố, một đất nước xanh, sạch, đẹp, gần gũi với những công dân yêu thiên nhiên và bảo vệ tự nhiên luôn là điểm đến thực sự đáng sống, đáng yêu thương, trân trọng.

Ngoài ra, hơn lúc nào hết, chúng ta cần xây dựng đội ngũ những người làm công tác giáo dục có đầy đủ phẩm chất, năng lực, vừa “hồng”, vừa “chuyên” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy. Điều này không những để khẳng định tri thức, trình độ phát triển giáo dục của dân tộc, mà còn góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, xây dựng và phát triển đất nước.

★ Trân trọng cảm ơn PGS! MAI HƯƠNG (Thực hiện)

Vườn quốc gia Vũ Quang - 20 năm hình thành và phát triển

Ngày 31/7/2022, tại Hà Nội đã diễn ra Lễ trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021, đây là Giải thưởng cao quý nhất về môi trường, được tổ chức xét tặng 2 năm một lần, nhằm tôn vinh những tổ chức, cá nhân, cộng đồng đã có đóng góp về công sức, trí tuệ cho sự nghiệp BVMT. Trong lần xét tặng này, Vườn Quốc gia Vũ Quang nhận Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021 do Bộ TN&MT trao tặng. Ông Nguyễn Danh Kỳ - Giám đốc Vườn Quốc gia (VQG) Vũ Quang chia sẻ: “Giải thưởng lần này đúng dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Vườn, là niềm tự hào không chỉ của tập thể Vườn và cả nhân dân Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Với những người làm công tác bảo tồn như chúng tôi, giải thưởng thể hiện được tầm quan trọng, giá trị về đa dạng sinh học (ĐDSH) mà thiên nhiên đã ban tặng cho Vũ Quang, từ đó góp phần nâng cao nhận thức bảo tồn ĐDSH của người dân trên địa bàn”.



▲ Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng và Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021 cho Lãnh đạo VQG Vũ Quang

VQG Vũ Quang được thành lập ngày 30/7/2002 theo Quyết định số 102/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với tổng diện tích được giao quản lý là 57.029,84 ha nằm trên địa bàn của 3 huyện miền núi là Hương Sơn, Hương Khê và Vũ Quang. VQG Vũ Quang được biết đến là trung tâm có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao bậc nhất của Việt Nam, nơi đây lưu giữ nhiều nguồn gen có giá trị cho công tác bảo tồn. Vườn nằm trong

một vùng sinh thái có mức độ ưu tiên toàn cầu, được xác định là cực kỳ quan trọng trong việc bảo tồn ĐDSH cho cả khu vực ASEAN, bên cạnh đó, Vườn còn là khu di tích lịch sử ghi dấu những sự kiện lịch sử oai hùng của cuộc khởi nghĩa Cần Vương chống Pháp của Phan Đình Phùng cuối thế kỷ 19.

VQG Vũ Quang đã trải qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, ở mỗi thời điểm, Vườn có những chức năng, nhiệm vụ riêng: Sau giải phóng, yêu cầu của nhà nước là thành lập các lâm trường quốc doanh. Trong bối cảnh đó, Lâm trường khai thác Vũ Quang được thành lập vào tháng 7 năm 1977, với vai

trò chủ yếu là khai thác lâm sản theo chỉ tiêu hàng năm giao nộp cho nhà nước, góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Bên cạnh hoạt động khai thác lâm sản, thời kỳ này Lâm trường còn triển khai trồng rừng, chế biến lâm sản và xây dựng công trình. Cũng giai đoạn này, Lâm trường đã trồng mới hơn 8.000 ha rừng, hàng ngàn mét đường huyết mạch được xây dựng nối liền mạch giao thông cho các xã trên địa bàn như Hương Quang, Hương Điền, Hương Minh, Hương Thọ...

Vào những năm thập niên 90, các nhà khoa học của Việt Nam và Quốc tế liên tiếp phát hiện ra 2 loài thú lớn mới chưa từng được mô tả trước đây, đó là loài Sao La và loài Mang lớn. Đây là những phát hiện có ý nghĩa toàn cầu trong lịch sử sinh học, một việc được cho là khó xảy ra trong thế kỷ XX. Việc phát hiện 2 loài thú mới ở cùng một địa điểm khiến cả thế giới biết đến giá trị của VQG Vũ Quang là một khu vực có mức độ ĐDSH rất cao và còn ẩn chứa nhiều bí ẩn với giới khoa học. Để gìn giữ các giá trị đó, nên hoạt động khai thác gỗ tại khu vực chính thức bị cấm kể từ tháng 12 năm 1993 (theo Quyết định số 1584/QĐ-UB ngày 7/12/1993 của UBND tỉnh Hà Tĩnh). Tháng 3/1994, UBND tỉnh Hà Tĩnh Quyết định phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang. Ngày 14/6/1994, Ban quản lý "Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang" chính thức được thành lập theo Quyết định số 829/QĐ-UB của UBND tỉnh Hà Tĩnh, với tổng diện tích rừng được giao quản lý là 52.366 ha trên địa bàn hành chính của 2 huyện Hương Sơn và Hương Khê với chức năng là bảo vệ rừng, bảo tồn tính ĐDSH và các giá trị văn hóa lịch sử trực thuộc Sở Lâm nghiệp.

Ngày 30/7/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 102/2002/QĐ-TTg về việc chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên Vũ Quang thành VQG Vũ Quang. Với chức năng nhiệm vụ chính là bảo tồn mẫu chuẩn về hệ sinh thái rừng Bắc Trường Sơn, bảo tồn sự ĐDSH đặc trưng của rừng tự nhiên thuộc dãy Trường Sơn, tiếp giáp với biên giới Việt Nam - Lào; VQG Vũ Quang còn góp phần duy trì cân bằng sinh thái và gia tăng độ che phủ rừng, bảo đảm an ninh môi trường và sự phát triển bền vững về kinh tế của các tỉnh thuộc khu IV. Ngoài ra, còn giúp phát huy các giá trị của hệ sinh thái rừng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tham quan và du lịch sinh thái.

Trong suốt 20 năm xây dựng và phát triển, VQG Vũ Quang đã nỗ lực thực hiện tốt

các nhiệm vụ với mục tiêu cao nhất và xuyên suốt là quản lý rừng bền vững, bảo vệ những giá trị quan trọng nhất về ĐDSH mà cả nước và thế giới kỳ vọng.

Với việc triển khai các kế hoạch, phương án quản lý bảo vệ rừng một cách chủ động, sự quyết liệt của ban lãnh đạo và cán bộ Vườn, trong những năm qua VQG Vũ Quang được xem là một điểm sáng trong công tác QLBV rừng được các sở, ban ngành, các đơn vị trên địa bàn đánh giá cao, điều đó được cụ thể hóa qua các số liệu thống kê các vụ vi phạm lâm luật trong công tác QLBV rừng giảm rõ rệt theo từng năm: Từ 55 vụ vi phạm trong công tác quản lý bảo vệ rừng năm 2015 giảm xuống còn 3 vụ năm 2018. Đặc biệt từ năm 2019 đến nay, mặc dù diễn biến thời tiết bất lợi nhưng Vườn không để xảy ra bất cứ vụ vi phạm hay xảy ra cháy rừng trên diện tích đơn vị được giao quản lý.

Công tác nghiên cứu khoa học, bảo tồn ĐDSH được VQG Vũ Quang hết sức quan tâm và là nhiệm vụ trọng điểm của đơn vị nhằm góp phần nâng cao vai trò, vị thế và hình ảnh của VQG Vũ Quang ra tầm khu vực.

Về ĐDSH, theo kết quả điều tra nghiên cứu hiện tại đã xác định được tại VQG Vũ Quang: Khu hệ thực vật có sự hiện diện của 1829 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 813 chi với 217 họ. Trong số này có tới 131 loài thực vật nguy cấp có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN (2017) và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Khu hệ động vật, các nghiên cứu đã ghi nhận ở đây có sự góp mặt của 94 loài Thú thuộc 26 họ, 315 loài Chim, 58 loài Bò sát, 31

loài Lưỡng cư, 88 loài Cá xương, 316 loài Bướm, 73 loài Kiến và 28 loài Nhện. Trong đó, có 46 loài Thú, 21 loài Chim, 20 loài Bò sát, 8 loài Lưỡng cư và 1 loài Cá xương thuộc Danh lục Đỏ IUCN (2017) và Sách Đỏ Việt Nam (SĐVN, 2007) và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ cần được ưu tiên bảo tồn.

Thời gian qua, VQG Vũ Quang đã tích cực phối hợp với các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước tiến hành các nghiên cứu, điều tra ĐDSH tại khu vực đã phát hiện ra các loài mới cho thế giới làm nổi bật giá trị tiềm năng ĐDSH cho VQG Vũ Quang và tỉnh Hà Tĩnh, đó là các loài: Chà ran tuyến - *Homalium glandulosum*, Dẻ Vũ Quang - *Lithocarpus vuquangensis*. Trà hoa vàng Vũ Quang - *Camellia vuquangensis* và Trà hoa vàng Hà Tĩnh - *Camellia hatinhensis*; Gừng Vũ Quang (*Zingiber vuquangensis*) và Tân bởi lời Vũ Quang - *Neolitsea vuquangensis*, nhái Lùn Vũ Quang (*Vietnammophryne vuquangensis*), Mộc Hương Vũ Quang (*Aristolochia vuquangensis*), Chuồn chuồn (*Chlorogomphus danhkyi*), Chắp (*Beilsmedea danhkyi*)... Các phát hiện trên đã được công bố trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành có uy tín như: Tạp chí Phytokey, Phytotaxa, Korean Journal of Plant Taxonomy; Phát hiện ra vùng phân bố mới của quần thể Sồi 3 cạnh (*Trigonobalanus verticillata*) cực kỳ nguy cấp quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng tại độ cao 1900m tại VQG Vũ Quang, hay việc phát hiện ra cá thể cây Pơ mu (*Fokienia hodginsii*) có kích thước lớn thứ 3 Việt Nam (với đường kính đo được đoạn gốc lên đến



▲ Lực lượng kiểm lâm VQG Vũ Quang thực hiện thả cá thể khỉ quý hiếm về rừng

2,20m, chiều cao gần 30m) có niên đại 1064 năm (Dựa trên kết quả phân tích vòng năm tại Đại học Columbia - Mỹ); đồng thời, công bố vùng phân bố mới của 2 loài ếch cây và 4 loài rắn tại VQG Vũ Quang đã được đăng trên các tạp chí quốc tế và trong nước.

Bên cạnh đó, VQG Vũ Quang đã chủ động đăng ký và xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, như Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh "Đánh giá thực trạng các loài động vật thuộc bộ Linh trưởng (Primates) có nguy cơ tuyệt chủng tại VQG Vũ Quang và xây dựng phương án bảo tồn" hoàn thành năm 2019 được Hội đồng khoa học đánh giá "Xuất sắc"; đề tài KHCN cấp tỉnh 2020 "Điều tra, đánh giá các loài thực vật có giá trị làm thuốc chữa bệnh tại VQG Vũ Quang và khu vực vùng đệm" đang được gấp rút triển khai thực hiện. Việc đề xuất, kêu gọi các chương trình, dự án thời gian gần đây như Dự án "Khẩn cấp bảo tồn Voi Châu Á (*Elephas maximus*) tại tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2030", Dự án "Xây dựng trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật tại VQG Vũ Quang", Dự án "Tăng cường thực thi pháp luật để giải quyết nạn săn trộm và buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp" do Bộ Nông nghiệp Anh phát động... đang được phía VQG Vũ Quang hoàn thiện, củng cố hồ sơ đã thể hiện những bước tiến rất lớn trong công tác Nghiên cứu và bảo tồn ĐDSH tại VQG.

Lĩnh vực tuyên truyền phổ biến pháp luật, giáo dục môi trường được chú trọng và góp phần lớn vào công tác bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH tại

VQG Vũ Quang, từ năm 2019 đến nay đã tổ chức 86 cuộc họp thôn với 8.833 lượt hộ và 3.969 lượt học sinh ký cam kết bảo vệ rừng - PCCCR, đã hỗ trợ được 14 lượt thôn bản vùng đệm xây dựng nhà văn hóa, điện, đường giao thông nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới.

Trong công tác cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật, VQG Vũ Quang đã chủ động phối hợp với các đơn vị, tổ chức và VQG trên cả nước. Từ năm 2020 đến nay, Vườn đã tiếp nhận 827 cá thể, tái thả về môi trường tự nhiên 812 cá thể, trong đó có những loài động vật hoang dã quý hiếm được pháp luật bảo vệ như: Sơn dương, chà vá chân nâu, khỉ mốc, khỉ mặt đỏ, vượn đen má trắng, trăn đất, rùa hộp trán vàng, cu li... góp phần bảo vệ nguồn gen và ĐDSH.

Với những nỗ lực và cố gắng trong thời gian qua, VQG Vũ Quang đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu trong phong trào thi đua" các năm 2017 và 2019 và 2021. Đặc biệt, năm 2019 VQG Vũ Quang được công nhận là Vườn Di sản ASEAN có ý nghĩa

rất quan trọng, đó là sự công nhận của quốc tế về vai trò, vị thế của VQG Vũ Quang. Thành công nối tiếp thành công, vào cuối tháng 7/2022, VQG Vũ Quang vinh dự được Bộ TN&MT trao tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021.

Ngày 30/7/2022, VQG Vũ Quang tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập. Đây là cột mốc đáng nhớ đánh dấu một chặng đường lịch sử mang nhiều dấu ấn. Nhận định trong thời gian tới, công tác quản lý, bảo vệ rừng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, do đó Vườn sẽ tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ như: tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức của người dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; xử lý các hành vi vi phạm lâm luật, hạn chế thấp nhất các thiệt hại cho rừng; nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong bảo tồn, phát huy ĐDSH; huy động mọi nguồn lực nâng cao đầu tư phát triển các tiềm năng lợi thế của rừng...

THÁI CẢNH TOÀN - PHẠM ĐÌNH

Hiệu quả từ mô hình đồng quản lý bảo tồn biển tại Tiểu khu Bãi Hương, Cù Lao Chàm

Tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương (Tiểu khu Bãi Hương), xã đảo Tân Hiệp - TP. Hội An đã vinh dự là một trong ba cộng đồng trên cả nước được Bộ TN&MT trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2021. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh những tổ chức, cá nhân, cộng đồng có thành tích nổi bật, xuất sắc trong hoạt động BVMT.

Đồng quản lý là một phương thức quản lý, trong đó Nhà nước chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm và chức năng quản lý với những người sử dụng nguồn lợi. Đây là một mô hình quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên dựa trên sự phối hợp giữa người dân và các cơ quan quản lý, hướng đến việc bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH), bảo vệ các hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử, phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng địa phương, đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Với mục tiêu và ý nghĩa đó, năm 2010, cộng đồng tại thôn Bãi Hương đã đồng thuận đăng ký và tự nguyện tham gia mô hình đồng quản lý nghề cá tại địa bàn nhằm giảm thiểu tác động xấu đến nguồn lợi thủy sản từ hoạt động khai thác hủy diệt, tận diệt và bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng tại đây (san hô, cỏ biển) trên hướng dẫn đồng quản lý nghề cá của Tổng cục Thủy sản. Đây được xem là động lực đầu tiên để minh chứng việc cơ quan quản lý nhà nước chia sẻ quyền lực cho cộng đồng để quản lý hiệu quả hơn nguồn lợi thủy sản trên biển.

Năm 2011, Ban Quản lý cộng đồng (BQL) Tiểu khu Bãi Hương được thành lập có sự thông qua của chính quyền địa phương. Hiện nay, BQL gồm có 16 thành viên (bao gồm Trưởng ban; Phó trưởng ban; Tổ giúp việc; và 3 tổ Tổ tuần tra, Tổ tự quản, Tổ truyền thông) để triển khai các hoạt động nhằm mục đích góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị của tài nguyên thiên nhiên (TNTN) - nhân văn; BVMT, ĐDSH; khai thác hợp lý và phát huy các giá trị của Tiểu khu Bãi Hương; cải thiện và nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư. Với nguyên tắc quản lý là bảo tồn và phát triển các TNTN, môi trường, ĐDSH, văn hóa - lịch sử được thực hiện theo



▲ Trồng và phục hồi rạn san hô thay thế tại Bãi Hương tạo môi trường thuận lợi cho sinh vật biển phát triển

nguyên tắc đồng quản lý, trong những năm qua, BQL Tiểu khu Bãi Hương đã tổ chức triển khai hàng loạt chương trình kế hoạch và đã đạt được một số thành tích nổi bật.

Bảo vệ và sử dụng hợp lý TNTN, bảo tồn ĐDSH

Hàng năm, BQL Tiểu khu Bãi Hương đã phối hợp với các đơn vị trên địa bàn xã Tân Hiệp tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức cho cộng đồng 15 xã/phường ven biển của tỉnh Quảng Nam có hoạt động khai thác thủy sản tại phạm vi Tiểu khu Bãi Hương; đồng thời vận động ngư dân địa phương bám biển, đa nghề, kiêm nghề theo từng mùa vụ để khai thác hợp lý trên cơ sở các quy định của chính quyền địa phương góp phần nâng cao thu nhập. Bên cạnh đó, BQL cũng đa dạng hóa các nội dung truyền thông về ĐDSH, nội quy, quy định trong Tiểu khu Bãi Hương bằng nhiều hình thức: họp, loa phát thanh, trực tiếp nhắc nhở trên biển các hành vi gây tác

động xấu đến hệ sinh thái và ĐDSH tại phạm vi quản lý.

Mặt khác, BQL cũng đã chủ trì và phối hợp với các lực lượng có thẩm quyền tại địa phương duy trì tổ chức khoảng 100 lượt tuần tra kiểm soát, theo dõi các phương tiện khai thác thủy sản trên biển nhằm ngăn chặn, phát hiện đối với các loại hình khai thác thủy sản trái quy định của pháp luật, khai thác bất hợp pháp trong phạm vi Tiểu khu Bãi Hương (phát hiện 25 trường hợp và báo cáo kịp thời lực lượng có thẩm quyền can thiệp, xử lý theo quy định pháp luật hiện hành); Tham mưu các cấp quy định vùng khai thác thủy sản hợp lý, vùng hoạt động du lịch theo từng giai đoạn, từng mùa vụ để hài hòa giữa công tác bảo tồn và phát triển; Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp và BQL Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm tổ chức cho các hộ có nhu cầu khai thác thủy sản tại thôn Bãi Hương đăng ký khai thác, từ đó giám sát được

cường lực, sản lượng, mùa vụ, chủng loại... thủy sản tại Tiểu khu Bãi Hương.

Bảo tồn các hệ sinh thái biển

Để bảo tồn các hệ sinh thái biển, BQL Tiểu khu Bãi Hương đã đề xuất các đơn vị liên quan (Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An; các tổ chức phi chính phủ) tổ chức đào tạo kỹ thuật lặn biển; tập huấn kỹ năng giám sát - phục hồi hệ sinh thái rạn san hô. Từ năm 2019 đến nay, BQL đã phục hồi được 4000 m² rạn san hô và xây dựng 4 vườn ươm san hô cứng tại đây. Kết quả độ phủ san hô sống tại các vùng rạn trong Tiểu khu Bãi Hương có xu hướng tăng và khi so sánh bằng xếp hạng sức khỏe rạn san hô do Chou và cs (1996) nghiên cứu đề xuất cho thấy tình trạng sức khỏe rạn san hô ở Tiểu khu Bãi Hương đang ở mức độ tốt. Qua đây có thể thấy công tác quản lý của BQL Tiểu khu đã bảo vệ tốt hệ sinh thái rạn san hô là giữ gìn tốt bãi đẻ, tạo môi trường thuận lợi cho sinh vật biển phát triển.

Tổ chức thực hiện chiến dịch không dùng túi ni lông và giảm thiểu rác thải nhựa đại dương

BQL Tiểu khu Bãi Hương thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra phát hiện đối với người dân, du khách... sử dụng túi ni lông tại địa bàn thôn. Từ năm 2018 đến nay, BQL thực hiện mô hình “Cuộc họp không sử dụng chai nước nhựa dùng 1 lần”. Đồng thời, phối hợp với Ban Dân chính và nhân dân thôn Bãi Hương duy trì định kỳ tổ chức dọn vệ sinh vào thứ 6 tuần cuối cùng của tháng; qua đó góp phần nâng cao đời sống và ý thức cộng đồng về BVMT. BQL cũng phối hợp với Chi đoàn Thành niên, Chi hội Phụ nữ của thôn tổ chức giám sát và kiểm toán rác thải nhựa đại dương định kỳ 2 lần/năm; số liệu sau giám sát sẽ là cơ sở để BQL đề xuất nhiều giải pháp để giảm thiểu rác thải nhựa trên biển hiệu quả hơn. Thông qua việc giữ gìn tốt cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, hình ảnh Tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương được du khách biết đến ngày càng nhiều, đặc biệt là du khách nước ngoài. Số lượng du khách đến tham quan và lưu trú tại Tiểu khu góp phần tăng thu nhập cho người dân nơi đây. Từ năm 2017 đến nay, đã có hơn 162.000 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan tại Bãi Hương.

Bên cạnh việc lan tỏa ý nghĩa của công tác bảo tồn đến với cộng đồng, Tiểu khu Bãi Hương còn là mô hình điển hình trên cả nước về thực hiện đồng quản lý với việc ban hành quy chế quản lý Tiểu khu Bãi Hương, đạt được sự đồng



▲ Cộng đồng thôn Bãi Hương thảo luận về việc bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học

thuận của người dân, nhờ đó người dân tích cực tham gia vào các hoạt động tại địa phương hơn, cơ cấu tổ chức ngày càng được hoàn thiện, năng lực của người dân ngày càng được nâng cao, thu hút nhiều tổ chức đến đầu tư, môi trường và nguồn lợi của Tiểu khu ngày càng được giữ gìn, bảo vệ, quang cảnh sạch đẹp tạo điều kiện thu hút du khách đến tham quan ngày càng đông. Từ đó, thu nhập người dân được nâng cao đáng kể, đời sống được cải thiện. Hoạt động khai thác thủy sản trong phạm vi Tiểu khu đã được kiểm soát chặt chẽ từ số lượng phương tiện cho đến công suất tàu thuyền, chủng loại ngư cụ, kích thước mắt lưới, đối tượng khai thác... thông qua việc BQL cộng đồng đã tổ chức cho người dân thôn Bãi Hương đăng ký khai thác thủy sản. Với nhiều thành tích đạt được, Tiểu khu Bãi Hương đã nhiều lần được mời tham dự các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về thực hành đồng quản lý với các địa phương khác tại Việt Nam như: các xã/phường Ghềnh Ráng, Nhơn Lý, Nhơn Hải, Quy Nhơn, Bình Định; khu bảo vệ biển Rạn Trào, Vạn Hưng, Vạn Ninh, Khánh Hòa. Đặc biệt là các buổi hội thảo tham vấn

quốc gia về đồng quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Có thể nói, đồng quản lý là một mô hình quản lý không mới trên thế giới và tại Việt Nam. Nhưng thực tế cho thấy, để vận hành có hiệu quả, thu hút và phát huy sức mạnh của cộng đồng trong công tác quản lý là điều không dễ dàng. Tiểu khu Bãi Hương là đơn vị đầu tiên trên cả nước được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trao quyền quản lý và sử dụng mặt nước biển với khoảng 19,05km². Vừa vận hành mô hình đồng quản lý, vừa tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động trên địa bàn, BQL cộng đồng Tiểu khu gặp không ít khó khăn nhưng với những nỗ lực không ngừng của BQL cộng đồng và các bên liên quan, nguồn lợi và hệ sinh thái ở Tiểu khu được bảo vệ, ý thức người dân được nâng cao, đời sống được cải thiện. Điều này đã khẳng định tính hiệu quả của mô hình trong phương thức quản lý tài nguyên, gắn vai trò, trách nhiệm của người dân vào nguồn tài nguyên tại địa phương, sử dụng hợp lý, hướng đến sự phát triển bền vững■

NGUYỄN HẰNG

Tổng quan về mô hình QLRT theo mục tiêu KTTH ở Italia, được thể hiện ở Hình 1, với hai quá trình xử lý rác thải đã được phân loại và rác thải chưa được phân loại. Đồng thời, mức chi phí của từng giai đoạn liên quan đến tổng chi phí dịch vụ quản lý chất thải và điểm đến của rác thải được xử lý trong các cơ sở xử lý cơ sinh học (MTB) cũng được thể hiện. Theo đó, 55,5% rác thải xử lý trong các cơ sở MBT được đưa đến bãi chôn lấp, 30,9% được chuyển đến các nhà máy chuyển rác thải thành năng lượng và 18,4% đến các cơ sở khác; chỉ 1,3% được gửi đến các cơ sở thu hồi và tái chế. Điểm mạnh của mô hình này là việc sử dụng công nghệ xử lý cơ sinh học (MBT) tại các nhà máy để xử lý rác thải chưa được phân loại từ rác thải đô thị đến rác thải đặc biệt, thể hiện một bước tiến lớn trong việc xuất khẩu rác được sản xuất từ vùng này sang vùng khác từ đó giúp tối đa hóa được những lợi ích thiết yếu từ những lợi ích tổng thể về môi trường và sinh thái, hạn chế các tác động tiêu cực so với trước đó.

Croatia: Nước này đặt ra mục tiêu tái chế rác thải đô thị tối thiểu là 50% số lượng rác thải đô thị hỗn hợp được chôn lấp hàng năm. Để đạt được mục tiêu này, các nhà quản lý cho rằng cần phải thu gom riêng một phần đáng kể nhựa, giấy, kim loại, thủy tinh, cả chất thải dệt, rác thải sinh học và những chất tạo thành rác thải đô thị. Nói cách khác, các phần khô như giấy và bìa cứng, kim loại, nhựa, thủy tinh và dệt hoặc tất cả các bao bì phế thải và các vật liệu tương tự nên được thu gom riêng biệt với rác thải phân hủy sinh học và rác thải hỗn hợp khác. Đồng thời cũng cần tăng công suất cho các nhà máy phân loại rác thải điện tử (đối với phân đoạn khô và nơi có chất thải hỗn hợp thích hợp) và công suất xử lý rác thải phân loại sinh học (nhà máy ủ phân, hầm khí sinh học).

Trên cơ sở đó, năm 2017, một mô hình QLRT thực hiện KTTH đã được đề xuất. Mô hình này được tích hợp ở cấp quốc gia, có tính bền vững và tuân thủ các nguyên tắc KTTH cũng như các khuyến nghị, yêu cầu của EU. Mô hình QLRT này đã được sửa đổi đáng kể so với trước đó và đã được thông qua (Republic of Croatia, 2017). Với tiềm năng tái chế các vật liệu như hiện nay ở Croatia kết hợp với việc thực hiện theo mô hình KTTH, năm 2020 lượng rác thải đô thị được tái chế cao hơn 50% (Luttenberger, L.R., 2020).

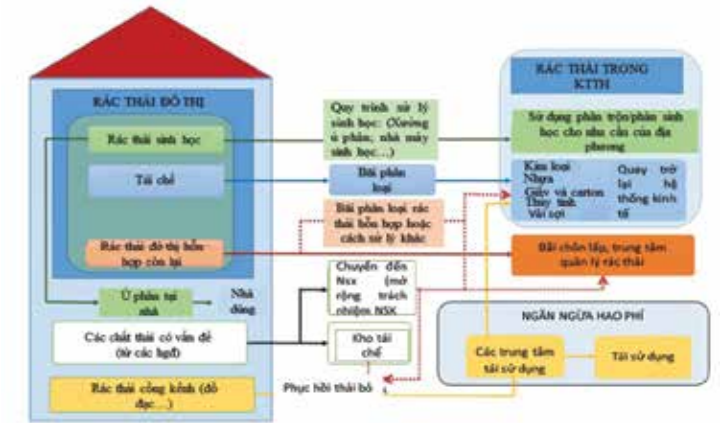
Cấu trúc của mô hình được thiết kế như trong Hình 2, với các dòng nguyên liệu mục tiêu được định lượng cụ thể. Theo mô hình này, ước

tính đáp ứng khoảng 0,39 triệu tấn chất thải sinh học sẽ là đầu vào cho quá trình ủ phân gia đình và thành phố cũng như sản xuất khí sinh học. Các nguồn tái chế tối thiểu được để lại để xử lý.

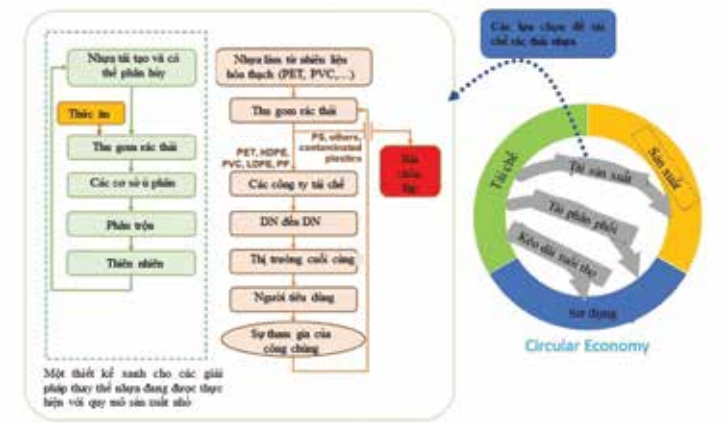
Malaixia: Tại nước này, hầu hết các công ty tái chế nhựa sẽ lựa chọn nhựa tái chế nhập khẩu so với nhựa tái chế trong nước do giá thấp hơn, khối lượng lớn, chất lượng đồng nhất và nguồn cung đảm bảo. Chuỗi cung ứng yếu và mỏng manh cũng như thiếu thị trường hoạt động tốt cho nhựa tái chế là thách thức lớn nhất mà các nhà tái chế nhựa

trong nước phải đối mặt. Do đó, để thúc đẩy các ngành công nghiệp tái chế và khả năng cạnh tranh trên thị trường, năm 2021, một mô hình QLRT nhựa theo KTTH đã được áp dụng và có thể xem đây là giải pháp tối ưu cho ngành công nghiệp nhựa ở Malaixia (Chen, H., và cộng sự, 2021).

Cụ thể, mô hình nhấn mạnh đến việc thu hồi chất thải nhựa làm từ nhiên liệu hóa thạch thông qua các quy trình tái chế thành nguyên liệu thô và phát triển các chất thay thế nhựa. Bên cạnh đó, mô hình còn đề cao tầm quan trọng của việc phát triển các



▲ Hình 2. Mô hình QLRT đô thị thực hiện KTTH ở Croatia (Nguồn: Luttenberger, L.R., 2020)



▲ Hình 3. Mô hình quản lý rác thải có sự hỗ trợ KTTH ở Malaixia (Nguồn: Chen, H., và cộng sự (2021))

chất thay thế nhựa tái tạo và có thể phân hủy, đồng thời thiết lập một chuỗi cung ứng khép kín của các loại nhựa có nguồn gốc từ nhiên liệu hóa thạch hiện có. Mô hình này phù hợp với các sáng kiến của chính phủ về phát triển các chất thay thế nhựa tái tạo và có thể phân hủy (phân hủy sinh học) để thay thế từ từ nhựa nhiên liệu hóa thạch và 'Nền kinh tế nhựa mới', một sáng kiến được dẫn đầu bởi Quỹ Ellen MacArthur với sự hỗ trợ của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (Chen, H., và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, để mô hình được thực hiện thành công bên cạnh việc thực thi pháp luật về QLRT khá nghiêm ngặt ở Malaixia đòi hỏi có sự hợp tác chặt chẽ của tất cả các ngành từ thu gom, phân loại và tái chế chất thải, đến sản xuất và sau là người tiêu dùng.

3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Cùng với xu hướng phát triển của thế giới, Việt Nam đang nỗ lực phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường và nền KTTH là mô hình được quan tâm, định hướng phát triển. Hiện nay, Nhà nước đã ban hành các quy định áp dụng KTTH, được cụ thể hóa trong Luật BVMT năm 2020. Theo đó, Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện lồng ghép KTTH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm nhiệt điện..., không phát thải chất thải, khí thải và nước thải. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối. Ngoài ra, thúc đẩy quan hệ hợp tác hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các cơ hội tiếp nhận hỗ trợ về tài chính và công nghệ cho KTTH và tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp và người dân về KTTH; phân loại các loại rác thải tại nguồn để thực hiện tái chế, tái sử dụng; thay đổi hành vi tiêu dùng hướng tới các sản phẩm thân thiện môi trường.

Về lộ trình, trách nhiệm thực hiện KTTH, Bộ TN&MT đang xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trước 31/12/2023. Theo đó, Kế hoạch sẽ đánh giá hiện trạng, bối cảnh thực hiện KTTH, với các nội dung: Xác định mục tiêu; nhiệm vụ và phân kỳ thực hiện KTTH đối với các ngành, lĩnh vực; các

loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản phẩm phải thực hiện thiết kế để đạt được tiêu chí KTTH; định hướng các giải pháp thực hiện KTTH.

Trong đó vấn đề QLRT cần đặc biệt ưu tiên bởi hiện nay, lượng rác thải phát sinh ở nước ta ngày càng lớn, nhưng khả năng thu gom, tái sử dụng lại chưa tương xứng, tuy nhiên Việt Nam vẫn chưa thực hiện phân loại rác thải từ nguồn do thiếu công nghệ và nguồn lực. Từ một số mô hình QLRT đang thực hiện khá hiệu quả tại Italia, Croatia và Malaixia một số bài học cho Việt Nam trong thực hiện mô hình QLRT theo hướng KTTH được rút ra như sau:

Thứ nhất, hiện nay lĩnh vực QLRT ở Việt Nam vẫn chưa phát triển cả về mặt công nghệ lẫn phân loại rác thải, tỷ lệ phân loại chất thải nhựa tại nguồn rất thấp, chủ yếu dựa vào lực lượng thu mua phế liệu và một số cơ sở xử lý chất thải rắn. Kinh nghiệm của Italia, Croatia cho thấy vai trò quan trọng của việc phân loại rác thải và yếu tố công nghệ trong thực hiện thành công mô hình QLRT theo hướng KTTH. Do vậy, Việt Nam cần đặc biệt chú ý đến vai trò của hai yếu tố này, trong đó tập trung đổi mới công nghệ có vai trò hết sức then chốt.

Thứ hai, đối với QLRT, ngoài việc có những quy định về khuyến khích tái chế (không chỉ các nhà sản xuất mà cả người tiêu dùng) còn cần có những quy định về xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm QLRT. Hầu hết các nước đều đưa ra mức phí xử lý rác thải theo nguyên tắc “xả càng nhiều thì sẽ phải chi trả càng nhiều tiền”. Mức phí xử lý rác thải càng đủ lớn thì sẽ giúp giảm tỷ lệ chôn lấp càng cao và giúp thay đổi thói quen tiêu dùng hàng hóa và xử lý chất thải của toàn xã hội. Ở Việt Nam, dường như mức phí xử lý chất thải (đặc biệt là chất thải sinh hoạt áp dụng ở đô thị chưa đủ lớn) và chế tài xử lý chưa thật sự nghiêm minh nên lượng chất thải chôn lấp còn chiếm tỷ lệ rất lớn. Vì vậy, trong thời gian tới Việt Nam cần xem xét và nghiên cứu kỹ lưỡng để sớm đưa ra các quy định về mức phí và chế tài xử lý đối với các vi phạm trong QLRT ở cấp độ quốc gia.

Thứ ba, từ kinh nghiệm của Malaixia cho thấy, vai trò phối hợp và tham gia hiệu quả của các bên liên quan trong mô hình QLRT từ nhà sản xuất, doanh nghiệp, đến người tiêu dùng là vô cùng quan trọng, là chìa khóa thành công trong việc thúc đẩy phát triển mô hình QLRT theo hướng KTTH.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aghbashlo, M., Mandegari, M., Tabatabaei, M., Farzad, S., Mojarab Soufiyan, M., Go'rgens, J.F., 2018. Exergy analysis of a lignocellulosic-based biorefinery annexed to a sugarcane mill for simultaneous lactic acid and electricity production. *Energy* 149, 623-638. <https://doi.org/10.1016/j.energy.2018.02.063>.
2. Bilitewski, B., 2012. The circular economy and its risks. *Waste Management* 32, <https://doi.org/10.1016/j.wasman.2011.10.004>.
3. Brunner PH, Rechberger H (2015). Waste to energy e key element for sustainable waste management. *Waste Management* 2015; 37:3-12.
4. Chen, Ling Hui, Nath, T.K., Chong, S., Foo, V., Gibbins, C., Lechner, A.M., (2021). The Plastic waste problem in Malaysia: management, recycling and disposal of local and global plastic waste. *SN Applied Sciences* (2021) 3:437 | <https://doi.org/10.1007/s42452-021-04234-y>
5. Foggia, D., Beccarello, M (2021). Designing waste management systems to meet circular economy goals: The Italian case. University of Milano-Bicocca, Milan, Italy.



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Nguyễn Việt Anh**

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Thế Chính**

Prof. Dr. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Assoc. Prof. Dr. **Lê Thu Hoa**

Prof. Dr. **Đặng Huy Huỳnh**

Assoc. Prof. Dr. **Phạm Văn Lợi**

Assoc. Prof. Dr. **Phạm Trung Lương**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc. Prof. Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc. Prof. Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Trịnh Văn Tuyên**

CONTENT DEPUTY EDITOR IN CHIEF

Phạm Đình Tuyên

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing: (024) 66569135

Editorial: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 209, 2nd floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@vea.gov.vn

PUBLICATION PERMIT

Nº 534/GP-BTTTT - Date 21/8/2021

Photo on the cover page:

5th National Environmental Conference

Photo: VEM

Processed & printed by: P&Q Printing and
Trading Joint Stock Company

Nº 08/2022

Price: 30.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [6] **BÙI HẰNG:** MONRE celebrates 20th establishment anniversary and receives the 1st class Labour Medal
- [9] **NGUYỄN HẰNG, MAI HƯƠNG:** 5th National Environmental Conference: restructuring economy, attaching to green growth, and circular economy



LAW - POLICY

- [12] **DR. NGUYỄN XUÂN HẢI:** Enhancing environmental impact assessment in investment and development projects
- [15] **NGUYỄN HOÀNG ÁNH:** Environmental quality management- foundation and target of pollution control
- [19] **DR. NGUYỄN XUÂN DŨNG:** Nature and biodiversity conservation towards ecological restoration decade
- [24] **NGUYỄN THÀNH YÊN:** Enhancing solid waste management for circular economy
- [29] **VŨ ĐÌNH LONG:** Vietnam's Fatherland Front: promoting communication and call for environmental protection among members and community
- [32] **NGUYỄN QUANG VINH:** Promoting businesses' roles in environmental protection
- [34] **NGUYỄN THỊ THU VÂN:** Vietnamese youth pioneering in environmental protection and climate change response
- [37] **DR. TRẦN MINH LÊ, NGÔ ĐỨC PHONG:** Strengthening prevention and combat against environmental crime for public security
- [41] **LÊ ĐỨC GIANG, LÊ VĂN BÌNH:** Thanh Hoa deploys environmental quality improvement towards sustainable development
- [44] **VÕ NGUYỄN CHUÔNG:** Da Nang's experience in environmental protection
- [47] **NEW DOCUMENTS**



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [49] **ASSOC. DR. NGUYỄN THẾ CHÍNH:**
Businesses approaching circular economy to reduce wastes
- [52] **DR. PHẠM KHANG:** Solutions for improving environmental impact assessment
- [54] **ASSOC. DR. LÊ XUÂN CẢNH:** Biodiversity assessment in environmental impact assessment and proposed measures
- [58] **ASSOC. DR. PHÙNG CHÍ SỸ:** Proposed criteria and procedures for best available technique approach suitable to Vietnamese context
- [61] **PROF. DR. ĐẶNG HUY HUỖNH:** Wildlife assessment – assisting tool for wildlife crime investigation and prosecution



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [63] **TRẦN THỊ MINH HƯƠNG, NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH, NGUYỄN GIA CƯỜNG:**
Northern Environmental Monitoring Centre: Strengthening focal point role in national environmental monitoring network and enhancing data reception, management and environmental warning
- [67] **HUỖNH HUY VIỆT, VÕ ANH KHUÊ:** Effectiveness of community-based biological cleansing agent production from plant waste in Phu Yen Province
- [70] **ĐỖ MINH PHƯỢNG:**
Need for issuing list of permitted commercial farming of wildlife



ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

- [72] **ASSOC. DR. NGUYỄN AN THỊNH, MAI HƯƠNG:**
Vietnam's Environmental Prize and positive spill over effects on community and education facilities
- [74] **THÁI CẢNH TOÀN, PHẠM ĐÌNH:** Vu Quang National Park: 20 years of establishment and development
- [77] **NGUYỄN HẰNG:** Marine protected area model in Bai Huong, Cham island



AROUND THE WORLD

- [79] **NGUYỄN THỊ ĐÀO:** Circular economy-oriented waste management models and lessons for Vietnam



CHÀO MỪNG
77 NĂM

NGÀY QUỐC KHÁNH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2/9/1945 - 2/9/2022

Siêu Bếp
3 Miền



Tự hào tạo nên
hương vị món ngon

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM:
Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.